

MỤC LỤC

Trang

	MỤC LỤC TẬP Ia	
1	Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư	1
2	Quyết định công nhận chức danh Phó giáo sư	
	Quyết định số 117/QĐ-HĐCDGSNN ngày 3/11/2011 của Chủ tịch Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2011	37
	Bảng công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2011, ngành: Khoa học Trái Đất	39
	Quyết định số 1348/QĐ-BGĐT ngày 9/04/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư	40
3	Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ hoặc tài liệu minh chứng sử dụng thành thạo ngoại ngữ	
	Chứng chỉ được phép giảng dạy tiếng Nga tại các khóa học và các tổ chức nghiên cứu	41
	Bằng đại học, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ, chứng nhận Cục quản lý chất lượng với các văn bằng đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	
	Chứng nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tham dự, đàm phán và biểu quyết tại các khóa họp thường niên của Ủy Ban Bảo quốc tế lần thứ 48, 49 và được bầu là Phó Chủ tịch Ủy Ban Bảo quốc tế khóa họp lần thứ 49 tại Nhật Bản	44
4	Hợp đồng thỉnh giảng, bản nhận xét của thủ trưởng cơ sở GDĐH về kết quả đào tạo hoặc bản thanh lý hợp đồng thỉnh giảng	
4.1	Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của các đơn vị đào tạo	62
4.2	Kết quả đào tạo của các đơn vị đào tạo	
4.2.1	Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	
	Niên khóa 30/6/2005 - 30/6/2006	
	Hợp đồng và Thanh lý Hợp đồng giảng dạy môn học Xác suất thống kê trong thủy văn từ ngày 01/10/2005 đến 31/12/2005	66
	Hợp đồng và Thanh lý Hợp đồng giảng dạy môn học Mô hình toán thủy văn từ ngày 01/10/2005 đến 31/12/2005	68
	Niên khóa 30/6/2006 - 30/6/2007	
	Hợp đồng và Thanh lý Hợp đồng giảng dạy môn học Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/10/2006 đến 31/12/2006	70

Hợp đồng và Thanh lý Hợp đồng giảng dạy môn học Xác suất thống kê trong thủy văn từ ngày 07/10/2006 đến 31/12/2006	72
Niên khóa 30/6/2007 - 30/6/2008	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Xác suất thống kê trong thủy văn từ ngày 07/12/2007 đến 28/2/2008	74
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/12/2007 đến 28/2/2008	76
Niên khóa 30/6/2008 - 30/6/2009	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Xác suất thống kê từ ngày 07/12/2008 đến 28/2/2009	78
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô hình toán thủy văn từ ngày 17/12/2008 đến 18/2/2009	80
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Thủy văn vùng cửa sông từ ngày 17/12/2008 đến 18/2/2009	82
Niên khóa 30/6/2009 - 30/6/2010	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Thủy văn vùng cửa sông từ ngày 01/10/2009 đến 25/2/2010	84
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/10/2009 đến 31/12/2009	86
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Xác suất thống kê trong thủy văn từ ngày 07/10/2009 đến 31/12/2009	88
Niên khóa 30/6/2010 - 30/6/2011	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Tính toán thủy lợi từ ngày 01/10/2010 đến 18/3/2011	90
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Xác suất thống kê trong thủy văn từ ngày 01/10/2010 đến 31/12/2010	92
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô hình toán thủy văn từ ngày 05/10/2010 đến 31/12/2010	94
Niên khóa 30/6/2011 - 30/6/2012	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Thủy văn vùng cửa sông từ ngày 01/10/2011 đến 25/04/2012	96
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Xác suất thống kê trong thủy văn từ ngày 01/10/2011 đến 30/04/2012	98
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Tính toán thủy lợi từ ngày	100

01/10/2011 đến 18/04/2012	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/11/2011 đến 30/04/2012	102
Niên khóa 30/6/2012 - 30/6/2013	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Xác xuất thống kê trong thủy văn và Bảo vệ Môi trường nước từ ngày 05/09/2012 đến 31/05/2013	104
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô phỏng các quá trình thủy văn từ ngày 15/02/2013 đến 15/06/2013	106
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực tài nguyên nước từ ngày 15/02/2013 đến 20/07/2013	108
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và quản lý nguồn nước từ ngày 15/02/2013 đến 15/06/2013	110
Niên khóa 30/6/2013 - 30/6/2014	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và quản lý nguồn nước từ tháng 15/02/2014 đến tháng 15/06/2014	112
Niên khóa 30/6/2014 - 30/6/2015	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông và Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước từ 20/9/2014 đến 15/06/2015	114
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2014 - 2016 và Tiểu luận tổng quan NCS từ 17/09/2014 - 15/06/2015	116
Niên khóa 30/6/2015 - 30/6/2016	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2014 - 2016 và Tiểu luận tổng quan NCS từ 20/09/2015 - 15/06/2016	118
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông và Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước từ 20/9/2015 đến 15/06/2016	120
Niên khóa 30/6/2016 - 30/6/2017	
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2014 - 2016 và Tiểu luận tổng quan NCS từ 11/09/2016 - 15/06/2017	122
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông và Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước từ 11/9/2016 đến 15/06/2017	124

	<i>Niên khóa 30/6/2017 - 30/6/2018</i>	
	Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô phỏng các quá trình thủy văn từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2018	126
	<i>Niên khóa 30/6/2018 - 30/6/2019</i>	
	Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Mô phỏng các quá trình thủy văn từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2019	128
4.2.2	<i>Khoa Các Khoa học liên ngành - Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	
	<i>Niên khóa 30/6/2012 - 30/6/2013</i>	
	Hợp đồng số 10 và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ ngày 09/11/2012 đến 24/11/2012 của Khoa Sau Đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội	130
	<i>Niên khóa 30/6/2016 - 30/6/2017</i>	
	Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ 2/04/2017 đến 07/05/2017 của Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học quốc gia Hà Nội	132
	<i>Niên khóa 30/6/2018 - 30/6/2019</i>	
	Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ 29/7/2018 đến 26/8/2018 của Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học quốc gia Hà Nội	134
	Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ 5/5/2019 đến 9/6/2019 của Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học quốc gia Hà Nội	137
4.2.3	<i>Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội</i>	
	<i>Niên khóa 30/6/2013 - 30/6/2014</i>	
	Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn học Truyền thông Khí tượng thủy văn, Mô hình hóa Thủy văn ngày 21/08/2013 đến 10/10/2013 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	140
4.2.4	<i>Đại học Thủy Lợi</i>	
	<i>Niên khóa 30/6/2007 - 30/6/2008</i>	
	Hợp đồng và Giấy nhận xét kết quả công tác đào tạo môn học Quản lý tổng hợp lưu vực sông cho lớp 15V với tổng số tiết giảng dạy: 15 tiết	142
	<i>Niên khóa 30/6/2008 -30/6/2009</i>	

	Hợp đồng và Giấy nhận xét kết quả công tác đào tạo môn học Quản lý tổng hợp lưu vực sông cho lớp 16V với tổng số tiết giảng dạy: 15 tiết	144
	<i>Niên khóa 30/6/2009 - 30/6/2010</i>	
	Hợp đồng và Giấy nhận xét kết quả công tác đào tạo môn học Quản lý tổng hợp lưu vực sông (phần giới thiệu công cụ) cho lớp 49V với tổng số tiết giảng dạy: 20 tiết	146
	Hợp đồng và Giấy nhận xét kết quả công tác đào tạo môn học Mô hình hóa hệ thống TNN (phản ứng dụng mô hình) cho lớp 17V với tổng số tiết giảng dạy: 15 tiết	148
	<i>Niên khóa 30/6/2010 - 30/6/2011</i>	
	Hợp đồng và Giấy nhận xét kết quả công tác đào tạo môn học Mô hình hóa hệ thống TNN (phản ứng dụng mô hình) cho lớp 18V với tổng số tiết giảng dạy: 15 tiết	150
	Hợp đồng và Giấy nhận xét kết quả công tác đào tạo môn học Mô hình hóa hệ thống TNN (phản ứng dụng mô hình) cho lớp 18PN với tổng số tiết giảng dạy: 15 tiết	152
4.2.5	<i>Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu</i>	
	<i>Niên khóa 30/6/2011 - 30/6/2012</i>	
	Quyết định 535/QĐ-VKTTVMT ngày 29/12/2011 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc công nhận các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh Lương Hữu Dũng	154
	Quyết định 104/QĐ-VKTTVMT ngày 24/04/2012 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc công nhận các học phần ở trình độ tiến sĩ của nghiên cứu sinh Hoàng Thị Nguyệt Minh	160
	<i>Niên khóa 30/6/2012 - 30/6/2013</i>	
	Hợp đồng thỉnh giảng và Thanh lý hợp đồng ở trình độ Tiến sĩ các học phần: Mô hình toán trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường; Dự báo, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Quy hoạch và bảo vệ môi trường của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường	171
	<i>Niên khóa 30/6/2013 - 30/6/2014</i>	
	Quyết định 138/QĐ-VKTTVMT ngày 27/05/2013 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc công nhận các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh Lê Thị Mai Vân	176

Quyết định 139/QĐ-VKTTVMT ngày 27/05/2013 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc công nhận các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh Phạm Thanh Long	177
Niên khóa 30/6/2014 - 30/6/2015	
Quyết định 166/QĐ-VKTTVMT ngày 8/07/2014 của Viện trưởng Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc công nhận các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh Hoàng Văn Đại	166
Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy môn Biến đổi khí hậu, học phần Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	192
Niên khóa 6/2015 - 30/6/2016	
Hợp đồng thỉnh giảng và Thanh lý hợp đồng giảng dạy các học phần: Phân tích tối ưu hóa hệ thống; Mô hình hóa hệ thống tài nguyên nước; Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	198
Quyết định 01-15/QĐ-VKTTVBĐKH-KHTC ngày 6/12/2015 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về lựa chọn cá nhân tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2015 và Hợp đồng kinh phí thù lao cho người hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2015	207
Quyết định 179/QĐ-VKTTVMT ngày 21/04/2015 của Viện trưởng Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc công nhận các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh Nguyễn Xuân Tiến	217
Quyết định 181/QĐ-VKTTVMT ngày 21/04/2015 của Viện trưởng Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc công nhận các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh Thân Văn Đón	225
Quyết định 10-ĐT/QĐ-VKTTVBĐKH-KHTC ngày 25/02/2016 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về lựa chọn cá nhân tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2016 và Hợp đồng kinh phí thù lao cho người hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2016	231
Niên khóa 30/6/2017 - 30/6/2018	
Hợp đồng số 06 ngày 15/6/2017 môn Kinh tế học biến đổi khí hậu và Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	253

	Niên khóa 30/6/2018 - 30/6/2019	
	Hợp đồng số 13 ngày 5/7/2018 môn Đánh giá tính dễ bị tổn thương do BĐKH và Năng lượng và BĐKH	257
5	Bản nhận xét của người đứng đầu cơ sở giáo dục đào tạo về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên	
	Bản nhận xét của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội	262
	Bản nhận xét của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	265
	Bản nhận xét của Khoa các Khoa học Liên ngành, Đại học quốc gia Hà Nội	267
	Bản nhận xét của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	270
6	Các quyết định giao hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học làm luận văn thạc sĩ	
	Nghiên cứu sinh	
	1. Hoàng Anh Huy: Quyết định số 13/QĐ/TNMT-ĐT ngày 14/01/2010 của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh tên đề tài và giáo viên hướng dẫn luận văn tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khóa 2008 - 2011.	275
	2. Nguyễn Toàn Thắng: - Quyết định số 240/QĐ-SDH ngày 1/2/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học khoa học Tự nhiên về việc công nhận tên đề tài luận án tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn NCS năm 2009	276
	3. Doãn Tiến Hà: - Quyết định 469/QĐ-VKTTVMT ngày 21/11/2011 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc công nhận tên đề tài luận án tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn NCS năm 2011. - Báo cáo tóm tắt luận án tiến sĩ của Doãn Tiến Hà	277
	4. Trần Duy Hiền: - Quyết định số 260/QĐ-SDH ngày 01/02/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học khoa học Tự nhiên về việc công nhận tên đề tài luận án tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn NCS khóa 2008 - 2011; - Quyết định 2061/QĐ-SDH ngày 09/7/2010 của Giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội về việc cho nghiên cứu sinh được chuyển cơ sở đào tạo; - Quyết định số 127/QĐ-VKTTVMT-KH ngày 20/07/2010 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc tiếp nhận NCS.	285

5. Đỗ Đình Chiến: Quyết định số 922/QĐ-SDH ngày 17/7/2009 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Tự nhiên về việc công nhận đề tài luận án tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn NCS năm 2009.	288
6. Phạm Thanh Long: - Quyết định số 362/QĐ-VKTTVMT ngày 28/12/2012 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc công nhận tên đề tài luận án tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn NCS năm 2012.	289
7. Hoàng Văn Đại: - Quyết định số 373/QĐ-VKTTVMT ngày 26/12/2013 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc công nhận tên đề tài luận án tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn NCS năm 2013.	290
8. Phạm Văn Dương: Quyết định số 402/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 06/12/2016 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc công nhận tên đề tài luận án tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn NCS năm 2016.	291
9. Bùi Đình Lập: Quyết định số 1382/QĐ-ĐHTL của Hiệu trưởng trường Đại học Thủy lợi về đề tài luận án, người hướng dẫn và bộ môn quản lý nghiên cứu sinh Bùi Đình Lập	292
Học viên cao học	
1. Nguyễn Thị Hương, Phan Thị Nhàn và Đinh Phương Thảo: Quyết định số 1051/QĐ-ĐHSPHN ngày 21/04/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội về việc công nhận đề tài và người hướng dẫn luận văn thạc sĩ khóa 2008 - 2010.	293
2. Nguyễn Thị Phương Hoa: Quyết định số 328/QĐ-SDH ngày 29/03/2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Tự nhiên về việc công nhận đề tài và người hướng dẫn luận văn thạc sĩ khóa 2008 - 2010.	295
3. Nguyễn Hoàng Minh: Quyết định số 1851/QĐ-SDH ngày 25/04/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Tự nhiên về việc công nhận đề tài và người hướng dẫn luận văn thạc sĩ khóa 2011 - 2013.	296
4. Trần Thị Thanh Hải: Quyết định số 13/QĐ-ĐT ngày 25/02/2013 của Chủ nhiệm khoa Sau đại học về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2011-SGS.	297
5. Vũ Ngọc Linh: Quyết định số 17/QĐ-ĐT ngày 25/02/2013 của Chủ nhiệm khoa Sau đại học về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2011-SGS.	298

	6. Trần Tiến Dũng: Quyết định số 68/QĐ-ĐT ngày 25/02/2013 của Chủ nhiệm khoa Sau đại học về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2011-SGS.	299
	7. Lê Minh Quang: - Quyết định số 121/QĐ-ĐT ngày 11/05/2015 của Chủ nhiệm khoa Sau đại học về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2013-SGS-BĐKH. - Quyết định số 27/QĐ-ĐT ngày 1/03/2016 của Chủ nhiệm khoa Sau đại học về việc đổi tên đề tài luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2013-SGS-BĐKH.	300
	8. Nguyễn Thị Hồng Minh: Quyết định số 84/QĐ-ĐT ngày 10/05/2016 của Chủ nhiệm khoa Sau đại học về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2014-SGS-BĐKH.	302
	9. Đỗ Tiến Dũng: Quyết định số 42/QĐ-KHLN ngày 16/03/2017 của Chủ nhiệm khoa Các khoa học liên ngành về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2015-SIS-BĐKH.	303
	10. Phạm Thị Thanh Bình: Quyết định số 41/QĐ-KHLN ngày 16/03/2017 của Chủ nhiệm khoa Các khoa học liên ngành về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2015-SIS-BĐKH.	304
	11. Nguyễn Nam Hải: Quyết định số 118/QĐ-KHLN ngày 4/5/2018 của Chủ nhiệm khoa Các khoa học liên ngành về việc giao đề tài và cử cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên khóa QH -2016-SIS-BĐKH.	305
7	Bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ của nghiên cứu sinh và học viên cao học	
7.1	Bằng tiến sĩ	
	1. Bằng tiến sĩ của Hoàng Anh Huy	306
	2. TS. Doãn Tiến Hà: - Quyết định số 78/QĐ-VKTTVMT ngày 26/02/2016 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ; - Bằng tiến sĩ của Doãn Tiến Hà.	307
	3. TS. Trần Duy Hiền: - Quyết định số 304/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 03/04/2017 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ; - Bằng tiến sĩ của Trần Duy Hiền	309

	4. TS. Đỗ Đình Chiến: - Quyết định số 2461/QĐ-ĐHKHTN ngày 18/07/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về việc công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ; - Bằng tiến sĩ của Đỗ Đình Chiến.	311
	5. TS. Phạm Thanh Long:	
	- Quyết định số 304/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 03/04/2017 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ; - Bằng tiến sĩ của Phạm Thanh Long	313
	6. Nguyễn Toàn Thắng:	
	- Quyết định 1772/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/5/2018 của Hiệu trưởng trường ĐHKHTN về việc công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ - Bằng tiến sĩ của Nguyễn Toàn Thắng	315
7.2	Bằng thạc sĩ	
	1. Quyết định cấp bằng đối với HVCH Phan Thị Nhàn: Quyết định số 676/QĐ-ĐHSPHN ngày 8/3/2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội về việc công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ.	317
	2. Bằng thạc sĩ của Nguyễn Thị Phương Hoa	320
	3. Bằng thạc sĩ của Nguyễn Hoàng Minh	323
	4. Bằng thạc sĩ của Lê Mạnh An	325
	5. Bằng thạc sĩ của Trần Thị Thanh Hải	327
	6. Bằng thạc sĩ của Trần Tiến Dũng	328
	7. Bằng thạc sĩ của Vũ Ngọc Linh	329
	8. Bằng thạc sĩ của Lê Minh Quang	330
	9. Bằng thạc sĩ của Nguyễn Thị Hồng Minh	331
	10. Bằng thạc sĩ của Đỗ Tiến Dũng	332
	11. Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ của Phạm Thị Thanh Bình	333
	MỤC LỤC TẬP Ib	
8	Chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu	

8.1	Đề tài ứng viên làm chủ nhiệm	
8.1.1	Đề tài NCKH cấp Nhà nước	
	Đề tài cấp nhà nước BĐKH-08 “Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long”	
	- Quyết định số 1010/QĐ -BTNMT ngày 27/05/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực các đề tài khoa học và công nghệ thực hiện từ năm 2011 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biến đổi khí hậu;	335
	- Quyết định số 843/QĐ -BTNMT ngày 13/06/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kinh phí các đề tài khoa học và công nghệ thực hiện năm 2011 - 2013 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;	339
	- Hợp đồng số 08/2012/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15 ký ngày 26/06/2012;	342
	- Quyết định số 2554/QĐ -BTNMT ngày 12/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước đối với các đề tài thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2013 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; mã số KHCN-BĐKH/11-15;	354
	- Biên bản đánh giá kết quả đề tài KHCN cấp nhà nước ngày 24/12/2013	357
	- Quyết định số 2313/QĐ -BTNMT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15;	365
	- Biên bản thanh lý hợp đồng số 08/2012/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15 ký ngày 31/12/2014;	366
	- Giấy chứng nhận số 2014-04-578/KQNC ngày 10/10/2014 Chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước;	369
	- Quyết định số 580/QĐ -UBMK ngày 31/12/2014 của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam về việc ứng dụng kết quả đề tài BĐKH.08;	370
	- Quyết định số 1140/TNN-KH ngày 31/12/2014 của Cục Quản lý Tài nguyên nước về việc ứng dụng kết quả đề tài BĐKH.08;	371
	- Báo cáo tóm tắt.	372

8.1.2	Đề tài NCKH cơ bản, cấp Bộ, đề tài nhánh cấp nhà nước	
	Đề tài nghiên cứu cơ bản	
	1. Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường:	
	- Hợp đồng số 04/ĐTNCCB ký ngày 30/03/2006 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Nghiên cứu môi trường;	378
	- Hợp đồng số 03/ĐTNCCB ký ngày 30/03/2007 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Nghiên cứu môi trường;	379
	- Biên bản nghiệm thu, thanh lý.	382
	- Báo cáo tóm tắt	383
	Đề tài NCKH cấp Bộ	
	2. Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai	
	- Hợp đồng số 11/HĐ-VKTTVMT ký ngày 25/04/2007 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Nghiên cứu môi trường;	386
	- Hợp đồng số 03/HĐ-VKTTVMT ký ngày 30/01/2008 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Nghiên cứu môi trường;	396
	- Hợp đồng số 10/HĐ-VKTTVMT ký ngày 3/02/2009 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Nghiên cứu môi trường;	402
	- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng ký ngày 20/12/2007;	407
	- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng ký ngày 10/12/2008;	408
	- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng ký ngày 31/12/2009;	409
	- Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp bộ kết quả đề tài nghiên cứu Khoa học và công nghệ;	410
	- Giấy chứng nhận số 8399/GCN-TTKHCN ngày 23/03/2011 của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và công nghệ cấp Bộ;	414
	- Báo cáo tóm tắt đề tài.	415
	Đề tài nhánh cấp nhà nước	
	3. Đề tài nhánh “Đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước” Thuộc Đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước “Nghiên cứu xác định dòng	

<i>chảy môi trường của hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình và đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước”:</i>	
- Quyết định số 2767/QĐ-BKHCHN ngày 21/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ về việc phê duyệt các tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện đề tài năm 2008 của Chương trình “Khoa học công nghệ phục vụ phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên” mã số KC.08.22/06-10;	424
- Hợp đồng số 22/2008/HĐ-ĐTCT-KC08/06-10 ngày 7/04/2008;	427
- Giấy chứng nhận số 8643/GCN-TTKHCHN ngày 9/05/2011 của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia về việc chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, Mã số đề tài KC.08.22/06-10;	437
- Hợp đồng số 129_2010/KC08.06-10 ký ngày 8/7/2010;	448
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 135/NTTL-DCMT ngày 30/09/2010;	452
- Báo cáo tóm tắt đề tài.	454
4. Đề tài nhánh “Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu cho các lĩnh vực: năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải” <i>Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế, xã hội ở Việt Nam</i>	
- Hợp đồng số 13/2007/HĐ-DTCT-KC.08/06-10 ngày 29/12/2007;	459
- Quyết định số 2450/QĐ-BKHCHN ngày 11/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập hội đồng khoa học công nghệ cấp Nhà nước đánh giá nghiệm thu đề tài mã số KC.08.13/06-10;	496
- Quyết định số 639/QĐ-BKHCHN ngày 16/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế, xã hội ở Việt Nam”. Mã số KC.08.13/06-10;	498
- Biên bản nghiệm thu (đề tài mã số KC.08/06-10): Biên bản kết quả đề tài KHCHN cấp nhà nước ngày 10/12/2010 của đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của	499

biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế, xã hội ở Việt Nam”. Mã số KC.08.13/06-10;	
- Hợp đồng số 06/VKTTVMT ngày 08/8/2009;	501
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 15/03/2010;	504
- Báo cáo tóm tắt đề tài.	506
5. Đề tài nhánh “Kiến nghị sử dụng hợp lý tài nguyên trầm tích biển và bảo vệ môi trường của 5 vùng trọng điểm: Hạ Long, cửa Bảy Háp, vịnh Rạch Giá, cửa Ba Lạt, vịnh Đà Nẵng”. Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu mức độ tích lũy các chất ô nhiễm trong trầm tích ven biển Việt Nam” Mã số KC.09.21/06-10	
- Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 21/2008/HĐ-ĐTCT-KC.09.21/06-10;	511
- Hợp đồng hợp tác nghiên cứu khoa học số 99/2008/HĐKH-KC.09.21;	534
- Biên bản nghiệm thu công việc, sản phẩm số 41/BBNT;	541
- Thanh lý hợp đồng hợp tác nghiên cứu khoa học số 63/TLHĐ-KC.09.21;	544
- Giấy chứng nhận số 8467/GCN-TTKHCN: Chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước;	549
- Hợp đồng số 86-2009/KC.09.21/06-10 ký ngày 8/06/2009;	550
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 10/11/2011;	553
- Báo cáo tóm tắt đề tài.	555
6. Đề tài nhánh “Nghiên cứu, đánh giá điều kiện thủy văn (hệ thống sông ngòi, các lưu vực sông), chế độ thủy văn đới bờ Việt Nam”. Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Cơ sở khoa học và pháp lý phân vùng quản lý tổng hợp vùng ven biển Việt Nam”. Mã số KC.09.27/06-10	
- Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 27/2009/HĐ-ĐTCT-KC.09.27/06-10;	561
- Biên bản nghiệm thanh lý hợp đồng số 27/2009/HĐ-ĐTCT-KC.09.27/06-10;	596
- Giấy chứng nhận số 8432/GCN-TTKHCN: Chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước;	599
- Hợp đồng số 86-2009/KC.09.27/06-10 ký ngày 8/06/2009;	600
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 1511/NTTL-CDTV ký ngày	603

	15/11/2010;	
	- Báo cáo tóm tắt đề tài.	605
8.2	Tham gia thực hiện đề tài NCKH	
	<i>Đề tài cấp nhà nước KC.08.28/11-15 “Nghiên cứu bổ sung, xây dựng và xuất bản bộ bản đồ tai biến thiên nhiên phần đất liền Việt Nam trên cơ sở kết quả nghiên cứu từ năm 2000 đến nay”</i>	608
8.3	Các nhiệm vụ dự án tư vấn khoa học công nghệ (thiếu báo cáo tóm tắt)	
	1. Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ	
	- Quyết định số 128/QĐ-VKTTV ngày 21/06/2006 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc giao nhiệm vụ chủ trì dự án Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ;	612
	- Biên bản Hợp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở dự án cấp Bộ;	613
	2. Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	
	- Quyết định số 112/QĐ-VKTTV ngày 10/07/2007 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc giao nhiệm vụ chủ trì dự án Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm phía Nam;	616
	- Biên bản Hợp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở dự án cấp Bộ;	617
	3. Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cầu	
	- Quyết định số 132/QĐ-VKTTV ngày 21/08/2007 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc giao nhiệm vụ chủ trì dự án Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cầu;	621
	- Biên bản Hợp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở dự án cấp Bộ;	622
	4. Lập quy hoạch bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020	
	- Hợp đồng kinh tế số 12/2009/HĐKT-QLCT ký ngày 26/08/2009 về việc thực hiện kế hoạch năm 2020;	625
	- Hợp đồng kinh tế bổ sung số 18/2009/HĐKTBS-QLCT ký ngày 5/11/2009;	640
	- Hợp đồng kinh tế số 02/2010/HĐKT-QLCT ký ngày 6/04/2010;	647
	- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 15/12/2009;	664
	- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 20/12/2009;	666

5. Đánh giá tính dễ bị tổn thương và tác động của biến đổi khí hậu tại thành phố Đà Nẵng và Quy Nhơn	
- Hợp đồng kinh tế ký ngày 1/04/2009 giữa Viện Chiến lược Chính sách khoa học và Công nghệ và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	668
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 24/03/2010;	679
6. Ứng dụng mô hình tính toán dự báo ô nhiễm môi trường nước cho các hạ lưu vực sông Cầu, Nhuệ-Đáy, Sài Gòn-Đồng Nai	
- Hợp đồng tư vấn số 67/06/EIR ký ngày 21/08/2006 giữa dự án thông tin và báo cáo môi trường và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	681
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 10/01/2007;	688
7. Điều tra, xác định nguyên nhân và đánh giá ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ lụt) đến môi trường và đề xuất giải pháp trước mắt và lâu dài nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm tại các vùng đông dân cư, phân lũ và khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ lụt	
- Hợp đồng số 01/2007/HĐKT ký ngày 14/12/2007 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	689
- Biên bản nghiệm thu số 05/2008/BBTL-VP ngày 28/05/2008;	701
8. Đánh giá ngưỡng chịu tải và đề xuất các giải pháp quản lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nước sông Nhuệ - Đáy	
- Hợp đồng số 05/2009/HĐKT-QLCL ký ngày 1/07/2009 giữa Cục quản lý chất thải và Cải thiện môi trường và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	703
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý	719
9. Điều tra, đánh giá và cảnh báo các điều kiện KTTV có nguy cơ gây tổn thương đến tài nguyên – môi trường, kinh tế - xã hội vùng biển và dải ven biển Việt Nam, đề xuất các giải pháp phòng tránh và ứng phó	
- Quyết định số 140/QĐ-VKTTVMT ngày 2/6/2009 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc thành lập Ban Quản lý Dự án;	722
- Quyết định số 1572/QĐ-BTNMT ký ngày 25/08/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt nội dung và dự toán năm 2010 tiểu dự án 1;	724
10. Tác động của biến đổi khí hậu lên tài nguyên nước và các biện pháp thích ứng	

	- Hợp đồng thuê khoán chuyên môn số 12/HĐTKCM (Mục IV.7.4.3) ký ngày 1/09/2008 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	726
	- Hợp đồng thuê khoán chuyên môn số 14/HĐTKCM (Mục IV.7.5.6) ký ngày 1/09/2008 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	731
	- Hợp đồng thuê khoán chuyên môn số 17/HĐTKCM (Mục IV.7.5.2) ký ngày 1/09/2008 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	735
	- Hợp đồng thuê khoán chuyên môn số 20/HĐTKCM (Mục IV.7.5.5) ký ngày 15/09/2008 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và Trung tâm Tư vấn khí tượng thủy văn và môi trường;	739
	- Biên bản thanh lý hợp đồng	743
	11. Điều tra xác định nguyên nhân, đánh giá thiệt hại và khắc phục ô nhiễm dầu tại các tỉnh ven biển Việt Nam	
	Quyết định số 88/QĐ-VKTTV ký ngày 4/5/2007 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường về việc thành lập nhóm công tác Nghiên cứu tính toán xác định nguồn gây ô nhiễm dầu.	755
	12. Hiện đại hóa hệ thống cảnh báo và dự báo thiên tai tại Đài KTTV khu vực Đông Bắc (ODA Hàn Quốc)	
	Quyết định số 2305/QĐ-BTNMT ngày 8/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt dự án đầu tư “Hiện đại hóa hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai tại Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc” (ODA Hàn Quốc)	756
	13. Nâng cấp khả năng đo mưa, dự báo bão và giông sét của Trung tâm KTTV Quốc gia (ODA Phần Lan)	
	- Quyết định số 1450/QĐ-BTNMT ngày 27/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án “Nâng cấp khả năng đo mưa, dự báo bão và giông sét của Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia”	765
	- Hợp đồng FL-TB1 ngày 31/12/2014 Dự án “Nâng cấp khả năng đo mưa, dự báo bão và giông sét của Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia” giữa Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia và Công ty Vaisala Oyj	795
9	Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo	825

**1. BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC
DANH GIÁO SƯ**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Giáo sư ☒; Phó giáo sư ☐

Đối tượng: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Khoa học Trái đất - Mỏ; Chuyên ngành: Khoa học Môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN HỒNG THÁI**

2. Ngày tháng năm sinh: 04/8/1974; Nam ☒; Nữ ☐; Dân tộc: Kinh

3. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Kim Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

Phòng 507, nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại di động: 090 421 5079;

Địa chỉ E-mail: tranthai.vkttv@gmail.com

6. Địa chỉ liên hệ (Ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Tổng cục Khí tượng Thủy văn, số 8, phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 5/2001 đến 6/2005: Trợ lý nghiên cứu và giảng dạy tại Trung tâm tính toán khoa học liên ngành, Trường Đại học tổng hợp Heidelberg, Cộng hòa Liên bang Đức.

- Từ 8/2005 đến 11/2007: Nghiên cứu viên, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu môi trường (từ 8/2007), Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường.

- Từ 11/2007 đến 5/2008: Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Tư vấn Khí tượng Thủy văn và Môi trường.

- Từ 6/2008 đến 01/2014: Giám đốc Trung tâm Tư vấn Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường (từ 8/2010 đến 12/2013); Chánh Văn phòng Chương trình Khoa học Công nghệ cấp quốc gia về Tài nguyên môi trường và Biến đổi khí hậu (từ 2/2012).

- Từ 1/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia (từ 1/2014 đến 3/2018); Tổng biên tập Tạp chí Khí tượng Thủy văn (từ 4/2016); Chánh Văn phòng Chương trình Khoa học Công nghệ cấp quốc gia về Tài nguyên môi trường và Biến đổi khí hậu (đến 3/2018); Phó chủ tịch Ủy ban Bão quốc tế (WMO/UNESCAP Typhoon Committee) (từ 3/2017 đến 2/2018); Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội (từ 8/2017); Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục Khí tượng Thủy văn (từ 4/2018 đến 3/2019); Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn (từ 3/2019);

- Chức vụ hiện nay: Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Chức vụ cao nhất đã qua: Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Địa chỉ cơ quan: Số 8, phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243.2673199; Địa chỉ Email: tapchikttv@gmail.com; Fax:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

1. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngành: Khoa học Trái Đất; Chuyên ngành: Thủy văn học.

2. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường (đào tạo Tiến sĩ);

Ngành: Khoa học Trái Đất; Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Thủy văn học; Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

3. Khoa Các khoa học liên ngành Đại học Quốc gia Hà Nội (trước đây là Khoa Đào tạo sau Đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội).

Ngành: Khoa học Trái Đất; Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....(chưa nghỉ hưu).....

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 9 năm 1997 Ngành: Kỹ thuật và công nghệ, chuyên ngành: Tự động hóa điều khiển quá trình nhiệt năng.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Năng lượng Matxcova, Cộng hòa Liên bang Nga.

- Được cấp bằng ThS ngày 01 tháng 7 năm 1998, Ngành: Kỹ thuật và công nghệ, chuyên ngành: Tự động hóa điều khiển quá trình nhiệt năng.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Năng lượng Matxcova, Cộng hòa Liên bang Nga.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 7 năm 2005, ngành: Khoa học Trái Đất và Toán học, chuyên ngành: Tính toán khoa học trong lĩnh vực Thủy văn - Môi trường.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học tổng hợp Heidelberg, Cộng hòa Liên bang Đức.

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 03 tháng 11 năm 2011, ngành: Khoa học Trái Đất

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HECDS cơ sở: Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HECDS ngành, liên ngành: Ngành: Khoa học Trái Đất; Liên ngành: Khoa học Trái Đất - Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phát triển phương pháp số, mô hình toán giải bài toán mô phỏng, xác định thông số tự động; điều khiển, dự báo trong lĩnh vực thủy văn, tài nguyên nước và môi trường ứng dụng cho nghiên cứu liên ngành về biến đổi khí hậu và tác động của nó đến môi trường - kinh tế - xã hội.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 NCS bảo vệ thành công luận án TS, trong đó hướng dẫn chính thành công 03 NCS (đã nhận Bằng TS) và hướng dẫn phụ thành công 03 NCS (đã nhận Bằng TS);
- Đã hướng dẫn 14 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu cơ bản;
- Đã chủ trì hoàn thành 01 đề tài cấp Nhà nước;
- Đã chủ trì hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã chủ trì hoàn thành 04 đề tài nhánh thuộc các đề tài cấp Nhà nước;
- Đã chủ trì hoàn thành 05 dự án nghiên cứu cấp Bộ;
- Đã chủ trì hoàn thành 03 nhiệm vụ nghiên cứu cấp Tổng cục;
- Đã chủ trì hoàn thành nhiều nhiệm vụ nghiên cứu hợp tác quốc tế;
- Đang trực tiếp chỉ đạo 01 nhóm đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm về dự báo Biển; 02 dự án khoa học và công nghệ được tài trợ bằng nguồn vốn hợp tác quốc tế (ODA Hàn Quốc và ODA Phần Lan);
- Đã công bố 108 bài báo Khoa học, Hội thảo trong nước và quốc tế, trong đó có 11 bài báo Khoa học quốc tế. Tác giả chính của: 04 công trình khoa học quốc tế có uy tín (01 bài SCI, 01 bài ISI, 02 bài SCOPUS) và 35 bài báo khoa học trong nước;
- Đã xuất bản: 10 sách giáo trình, trong đó: là tác giả chính/chủ biên của 02 sách xuất bản quốc tế và 04 sách nhà xuất bản trong nước.

Sau đây là 05 công trình KH tiêu biểu nhất đại diện cho các hướng nghiên cứu chính:

1. Hydrological regime and water budget of the Red River Delta (Northern Vietnam), Luu Thi Nguyet Minh, Garnier Josette, Billen Gilles, Orange Didier, Némery Julien, Le Thi Phuong Quynh, Tran Hong Thai, Le Lan Anh (2010), Journal of Asian Earth Sciences (ISSN: 13678120), 37, 219-228, ISI, IF = 2,335, H-Index = 92.

2. Assessing Cumulative Impacts of the Proposed Lower Mekong Basin Hydropower Cascade on the Mekong River Floodplains and Delta - Overview of Integrated Modeling Methods and Results. Le Duc Trung, Nguyen Anh Duc, Linh Thu Nguyen, Tran Hong Thai, Anwar Khan, Kurt Rautenstrauch, Cheryl Schmidtc (2018), Journal of Hydrology (ISSN: 0022-1694), SCI, ISI, IF = 3,727, H-index 178 (Available online 13 January 2018).

3. Impact of the interaction of surge, wave and tide on a storm surge on the north coast of Vietnam. Tran Hong Thai, Nguyen Ba Thuy, Vu Hai Dang, Sooyoul Kim, Lars Robert Hole (2017), Procedia IUTAM (ISSN: 2210-9838), 25, 82-91. SCOPUS, H-index 15.

4. Application of 1D-2D coupled modeling in water quality assessment: A case study in Ca Mau Peninsula, Vietnam, Doan Quang Tri, Nguyen Thi Mai Linh, Tran Hong Thai, Jaya Kandasamy (2018), Physics and Chemistry of the Earth, ISI, IF=1,923, H-index 64. (Available online 31 October 2018).

5. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước và ngập lụt vùng đồng bằng sông Cửu Long, Trần Hồng Thái (Chủ biên), Hoàng Minh Tuyên, Lương Hữu Dũng, Châu Trần Vĩnh (2014), Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-913-236-0.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương Lao động hạng ba năm 2018 (Quyết định số 2360/QĐ-CTN ngày 18/12/2018 của Chủ tịch nước);
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2012 (Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 21/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ);
- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua ngành Tài nguyên môi trường 2012;
- Bằng khen của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương năm 2010 đạt thành tích xuất sắc;
- Bằng khen Bộ trưởng các năm 2009, 2010, 2012 và 2015 đạt thành tích xuất sắc trong công tác.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, thời hạn hiệu lực từ ... đến ...): *Không*

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Tôi thấy mình có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại Khoản 2 Điều 61 Luật Giáo dục, đó là:

- a) Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; Luôn sống và làm việc theo chủ trương, chính sách của Đảng, đường lối của Nhà nước và các quy định của Pháp Luật;
- b) Đã được đào tạo bài bản, có trình độ tốt về chuyên môn, nghiệp vụ; Tâm huyết với công tác nghiên cứu và sự nghiệp giáo dục, đào tạo;
- c) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- d) Có lý lịch bản thân rõ ràng.

Tôi đã và đang thực hiện tốt tất cả các nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại Điều 63 Luật Giáo dục, cụ thể là:

- a) Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý, chương trình giáo dục;
- b) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường;
- c) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;

d) Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học;

e) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 18 năm thâm niên đào tạo.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (05/7/2019):

TT	Khoảng thời gian (theo niên khóa)	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy (tiết)		Tổng số giờ giảng /số giờ quy đổi
Thâm niên		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	30/6/2001-30/6/2005	Trợ lý nghiên cứu và giảng dạy tại Trung tâm Tính toán khoa học liên ngành, Đại học Tổng hợp Heidelberg. Tham gia hướng dẫn sinh viên đại học thực tập; Tổ chức các seminar, hội thảo khoa học cho nghiên cứu sinh; Tham gia tổ chức, biên tập tài liệu và giảng bài tại các khóa đào tạo ngắn hạn trình độ đại học và sau đại học về tính toán khoa học liên ngành (Trên 100 tiết/năm).						
2	30/6/2005 - 30/6/2006					> 90		90/90
3	30/6/2006 - 30/6/2007			1		> 90		90/90
4	30/6/2007 - 30/6/2008				1	>105		105/105
5	30/6/2008 - 30/6/2009				1	>155		155/155
6	30/6/2009 - 30/6/2010	1	2			>175	>55	175/230
7	30/6/2010 - 30/6/2011	1	2	3		>180	>70	180/250
8	30/6/2011 - 30/6/2012	3	1	1		>180	>195	375/420
9	30/6/2012- 30/6/2013	2		1		>90	>300	390/510
10	30/6/2013 - 30/6/2014	3		4			>345	345/473
11	30/6/2014 - 30/6/2015	3		1		>90	>285	375/473
12	30/6/2015 - 30/6/2016	2				>90	>210	300/390

3 năm học cuối								
13	30/6/2016 - 30/6/2017	2	1	4		>90	>335	425/485
14	30/6/2017 - 30/6/2018	1	1	2			>335	335/463
15	30/6/2018 - 05/7/2019	1	1	1			>310	315/450

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, Tiếng Nga

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: Cộng hòa Liên bang Nga;
- Bảo vệ luận án ThS ☒; Tại nước: Cộng hòa Liên bang Nga;
- Có chứng chỉ giáo viên ngoại ngữ Tiếng Nga được cấp tại Cộng hòa Liên bang Nga sau quá trình học, nghiên cứu Tiếng Nga 5 năm (1992-1997);
- Luận án TS ☒; Tại nước: Cộng hòa Liên bang Đức;
- Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh;
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Từ 5/2001 đến 6/2005 là trợ lý nghiên cứu và giảng dạy tại Trung tâm Tính toán khoa học liên ngành, Đại học Tổng hợp Heidelberg, Liên Bang Đức. Tham gia hướng dẫn sinh viên đại học thực tập; tổ chức các seminar, hội thảo khoa học cho nghiên cứu sinh; tham gia tổ chức, biên tập tài liệu và giảng bài tại các khóa đào tạo ngắn hạn trình độ đại học và sau đại học về tính toán khoa học liên ngành;

- Từ 2014 là đầu mối, đại diện cho ngành KTTV tham dự các diễn đàn đa phương quốc tế: Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO); Ủy ban Bảo quốc tế (Phó chủ tịch từ 2017); Ủy ban Khí tượng - Vật lý địa cầu Đông Nam Á (SCMG); Ủy ban Biến đổi khí hậu APEC (APCC): Thường xuyên trình bày tham luận, thảo luận, chủ trì thảo luận và đàm phán trực tiếp bằng Tiếng Anh.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp Tiến sĩ ở nước ngoài với Luận án bằng Tiếng Anh; Giảng dạy ở nước ngoài bằng Tiếng Anh.

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
Nghiên cứu sinh								
1	Hoàng Anh Huy	x			x	2008-2011(tham gia Tập thể hướng dẫn từ năm học 2010 - 2011)	Trung tâm Nghiên cứu tài nguyên và môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	2013
2	Doãn Tiến Hà	x		x		2011- 2015	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường	2016
3	Trần Duy Hiền	x		x		2009 - 2016	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường	2017
4	Đỗ Đình Chiến	x			x	2009 -2015	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	2016
5	Phạm Thanh Long	x		x		2012 - 2017	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường	2018
6	Nguyễn Toàn Thắng	x			x	2009 - 2018	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	2018
Học viên cao học								
1	Phan Thị Nhân		x	x		2008-2010	Đại học Sư phạm Hà Nội	2010

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
2	Đinh Phương Thảo		x		x	2008 - 2010	Đại học Sư phạm Hà Nội	2010
3	Nguyễn Thị Hương		x		x	2008 - 2010	Đại học Sư phạm Hà Nội	2010
4	Nguyễn Thị Phương Hoa		x	x		2009-2011	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	2011
5	Nguyễn Hoàng Minh		x	x		2011-2013	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
6	Lê Mạnh An		x	x		2013 - 2014	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
7	Trần Thị Thanh Hải		x		x	2013 - 2014	Đại học Quốc gia Hà Nội	2015
8	Vũ Ngọc Linh		x		x	2013 - 2014	Đại học Quốc gia Hà Nội	2015
9	Trần Tiến Dũng		x	x		2013-2015	Đại học Quốc gia Hà Nội	2015
10	Lê Minh Quang		x	x		2016-2017	Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
11	Nguyễn Thị Hồng Minh		x	x		2016-2017	Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
12	Đỗ Tiến Dũng		x	x		2016-2017	Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
13	Phạm Thị Thanh Bình		x	x		2017-2018	Đại học Quốc gia Hà Nội	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

a) Trước khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phản biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDDH	ISBN (nếu có)
1	Biến đổi khí hậu và các hệ sinh thái ven biển Việt Nam	CK	NXB Lao động, 2009	6	Biên soạn	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường	

b) Sau khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phản biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDDH	ISBN (nếu có)
Sách xuất bản trong nước							
1	Giáo trình Biến đổi khí hậu	GT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2017	4	Biên soạn Chương 1 (48 trang) - chiếm tỷ lệ 34%	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh	978-604-913-584-2
2	Giáo trình Thích ứng và Giảm nhẹ với biến đổi khí hậu	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	6	Chủ biên Biên soạn: Chương 2 (25 trang); Chương 4 (30 trang); Chương 6 (24 trang) chiếm tỷ lệ 38,2%	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	978-604-62
3	Đánh giá ngưỡng chịu tải môi trường nước sông Nhuệ và sông Đáy	CK	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2017	2	Chủ biên Biên soạn Chương 1 (28 trang); Chương 2 (39 trang); Chương 3 (3.1 - 3.5: 46 trang) - chiếm tỷ lệ 63%	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	978-604-913-523-1
4	Quy hoạch bảo vệ môi trường	CK	Nhà xuất bản Khoa học Tự	2	Chủ biên Biên soạn	- Trường Đại học Tài nguyên	978-604-902-154-1

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDĐH	ISBN (nếu có)
			nhiên và Công nghệ, 2012		Chương 1 (13 trang); Chương 2 (7 trang); Chương 3 (17 trang); Chương 4 (24 trang); Một phần Chương 5 (5.1 đến 5.3 - 108 trang) - chiếm tỷ lệ 72,1%	và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	
5	Ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước và ngập lụt vùng Đồng bằng sông Cửu Long	CK	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2014	4	Chủ biên Biên soạn Chương 1 (63 trang); Chương 2 (14 trang); Một phần Chương 4 (4.1 đến 4.4 - 194 trang) - chiếm tỷ lệ 70,2 %	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	978-604-913-236-0
6	Tài nguyên nước các hệ thống sông chính Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2012	5	Biên soạn	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	
7	Cân bằng nước và quản lý tổng hợp tài nguyên nước	GT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2012	3	Biên soạn	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	
Sách xuất bản quốc tế							
8	Application Couple Model in Saltwater Intrusion	CK	Nhà xuất bản LAP LAMBERT Academic	3	Chủ biên Biên soạn Phần mở đầu; Chương 1 (41	- Xác nhận của: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường	978-3-659-82088-5

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDĐH	ISBN (nếu có)
	Forecasting in Estuary		Publishing, 2017		trang); Chương 3 (24 trang) - chiếm tỷ lệ 56,6%	Tp. Hồ Chí Minh; - Xác nhận của: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	
9	Adaptation to Climate Change on the Saltwater Intrusion in Estuaries	CK	Nhà xuất bản LAP LAMBERT Academic Publishing, 2017	2	Biên soạn Chương 1 (16 trang); Chương 3 (12 trang); Chương 4 (9 trang) - chiếm tỷ lệ 71,2%	- Xác nhận của: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Tp. Hồ Chí Minh; - Xác nhận của: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	987-3-330-02908-8

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
1	Đề tài cấp nhà nước BDKH-08 "Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long"	CN	Đề tài cấp nhà nước thuộc Chương trình KHCN-BDKH/11-15	2011-2014	24/12/2013
2	Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường	CN	Đề tài nghiên cứu cơ bản	2006-2007	4/2008
3	Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai	CN	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Tài nguyên và Môi	2007-2009	24/2/2010

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý trường	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
4	Đề tài nhánh “Đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước” Thuộc Đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước “Nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường của hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình và đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước” KC.08.22/06-10	CN	Đề tài nhánh thuộc Đề tài cấp nhà nước KC.08.22/06-10	2010	30/9/2010
5	Đề tài nhánh “Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu cho các lĩnh vực: năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải” Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế, xã hội ở Việt Nam” Mã số KC.08.13/06-10	CN	Đề tài nhánh thuộc Đề tài cấp nhà nước KC.08.13/06-10	2009-2010	15/3/2010
6	Đề tài nhánh “Kiến nghị sử dụng hợp lý tài nguyên trầm tích biển và bảo vệ môi trường của 5 vùng trọng điểm: Hạ Long, cửa Bái Háp, vịnh Rạch Giá, cửa Ba Lạt, vịnh Đà Nẵng” Thuộc Đề tài cấp nhà nước	CN	Đề tài nhánh thuộc Đề tài cấp nhà nước KC.09.21/06-10	6/2009 - 10/2010	10/11/2010

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
	“Nghiên cứu mức độ tích lũy các chất ô nhiễm trong trầm tích ven biển Việt Nam” Mã số KC.09.21/06-10				
7	Đề tài nhánh “Nghiên cứu, đánh giá điều kiện thủy văn (hệ thống sông ngòi, các lưu vực sông), chế độ thủy văn đới bờ Việt Nam”. Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Cơ sở khoa học và pháp lý phân vùng quản lý tổng hợp vùng ven biển Việt Nam” Mã số KC.09.27/06-10	CN	Đề tài nhánh thuộc Đề tài cấp nhà nước KC.09.27/06-10	6/2009 - 10/2010	15/11/2010
8	Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ	CN	Dự án nghiên cứu cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường	2006-2008	4/11/2008
9	Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	CN	Dự án nghiên cứu cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường	2007-2008	22/1/2009
10	Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cầu	CN	Dự án nghiên cứu cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường	2007-2008	22/1/2009
11	Lập quy hoạch bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020	CN	Nhiệm vụ nghiên cứu cấp Tổng Cục Môi trường	2009-2011	30/9/2010
12	Đánh giá tính dễ bị tổn thương và tác động của biến đổi khí hậu tại thành phố Đà Nẵng và Quy Nhơn	CN	Hợp phần nghiên cứu thuộc Chương trình Mạng lưới các thành phố châu Á	2009-2010	29/3/2010

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
			chống chịu với biến đổi khí hậu		
13	Ứng dụng mô hình tính toán dự báo ô nhiễm môi trường nước cho các hạ lưu vực sông Cầu, Nhuệ-Đáy, Sài Gòn-Đồng Nai	CN	Dự án thuộc chương trình SEMLA	2006-2007	18/1/2007
14	Điều tra, xác định nguyên nhân và đánh giá ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ lụt) đến môi trường và đề xuất giải pháp trước mắt và lâu dài nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm tại các vùng đông dân cư, phân lũ và khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ lụt	CN	Nhiệm vụ nghiên cứu cấp Tổng Cục Môi trường	2007-2009	28/5/2008
15	Đánh giá ngưỡng chịu tải và đề xuất các giải pháp quản lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nước sông Nhuệ - Đáy	CN	Nhiệm vụ nghiên cứu cấp Tổng Cục Môi trường	2009-2010	31/12/2009
16	Điều tra, đánh giá và cảnh báo các điều kiện KTTV có nguy cơ gây tổn thương đến tài nguyên - môi trường, kinh tế - xã hội vùng biển và dải ven biển Việt Nam, đề xuất các giải pháp phòng tránh và ứng phó	TG	Nhiệm vụ thành phần thuộc Đề án chính phủ "Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến 2020"	2008-2011	2011
17	Đề tài cấp nhà nước KC.08.28/11-15 "Nghiên cứu bổ sung, xây dựng và xuất bản bộ bản đồ tài sản thiên nhiên phần đất liền	TG	Đề tài cấp nhà nước thuộc Chương trình KH-CN	2013-2015	2015

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
	<i>Việt Nam trên cơ sở kết quả nghiên cứu từ năm 2000 đến nay</i>		KC.08/11-15		
18	Đề tài cấp nhà nước ĐTTĐL-CN.35/15 “Nghiên cứu nguyên nhân và xây dựng quy trình công nghệ cảnh báo, dự báo hiện tượng mực nước biển dâng dị thường tại miền Trung và Nam Bộ Việt Nam”	TG	Đề tài độc lập cấp nhà nước ĐTTĐL-CN35/15	2015-2018	03/2019
19	Tác động của biến đổi khí hậu lên tài nguyên nước và các biện pháp thích ứng	TG	Dự án được tài trợ bởi tổ chức Cơ quan phát triển quốc tế của Đan Mạch (DINIDA)	2008-2010	2010
20	Điều tra xác định nguyên nhân, đánh giá thiệt hại và khắc phục ô nhiễm dầu tại các tỉnh ven biển Việt Nam	TG	Nhiệm vụ cấp bách do Bộ Tài nguyên và Môi trường giao	2007	2007
21	Hiện đại hóa hệ thống cảnh báo và dự báo thiên tai tại Đài KTTV khu vực Đông Bắc (ODA Hàn Quốc).	Trưởng Ban chỉ đạo	Dự án HTQT (ODA Hàn Quốc)	2016-2019	
22	Nâng cấp khả năng đo mưa, dự báo bão và giông sét của Trung tâm KTTV Quốc gia (ODA Phần Lan).	Trưởng Ban chỉ đạo	Dự án HTQT (ODA Phần Lan)	2016-2021	

Chú ý các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TG: Tham gia.

7. Kết quả NCKH đã công bố (bài báo khoa học và bằng phát minh, sáng chế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

a) Trước khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Tạp chí trong nước Tiếng Việt								
1	Tính toán cân bằng nước hệ thống vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	1	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		604	16-23	2011
2	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến cân bằng nước hệ thống lưu vực sông Đồng Nai	1	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		605	23-27	2011
3	Đề xuất quy trình xác định dòng chảy tối thiểu và hướng tiếp cận dòng chảy sinh thái ở Việt Nam	1	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		603	13-19	2011
4	Ứng dụng mô hình toán đánh giá một số tác động của biến đổi khí hậu lên chất lượng nước lưu vực sông Nhuệ-sông Đáy	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		605	45-51	2011
5	Tính toán trường sóng trong bão bằng mô hình MIKE 21	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		604	49-56	2011
6	Thích ứng với biến đổi khí hậu	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			605	1-5	2011
7	Xác định và đánh giá nguy cơ ô nhiễm nước ngầm do các loại chất	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-	Tác giả chính		603	47- 51	2011

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	thải khác nhau và bước đầu đề xuất khả năng tái sử dụng chất thải		8744					
8	Đánh giá nhiệt độ thấp có hại cho cây cà phê vùng Tây Bắc	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			605	52-57	2011
9	Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá ngưỡng chịu tải nước sông, bước đầu tính toán ngưỡng chịu tải nước sông Nhuệ - sông Đáy	1	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		604	34-42	2011
10	Nghiên cứu đặc điểm diễn biến của hiện tượng rét hại khu vực Tây Bắc và khả năng dự báo	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			604	43-48	2011
11	Mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn biển với chiến lược phát triển kinh tế biển hiện nay	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			605	32-39	2011
12	Bàn về kinh tế hoá -thương mại hóa ngành khí tượng Thủy văn	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			604	1-4	2011
13	Cơ sở phương pháp luận tính toán ngưỡng chịu tải môi trường	5	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-			595	43- 49	2010

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	nước sông và một số kết quả tính toán thí điểm trên sông Nhuệ, sông Đáy		8744					
14	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến dòng chảy lũ lưu vực sông Hồng-Thái Bình	3	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			598	26-31	2010
15	Nghiên cứu ảnh hưởng của mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu đến xâm nhập mặn khu vực đồng bằng sông Hồng, sông Thái Bình	3	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			589	7-13	2010
16	Phân tích xu thế của nhiệt độ, mưa và dòng chảy trên lưu vực sông Hồng	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		589	29-39	2010
17	Đề xuất bộ khung quy hoạch bảo vệ môi trường cho lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy	2	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		589	24-28	2010
18	Thiết kế mạng lưới quan trắc, giám sát chất lượng nước trên lưu vực sông Nhuệ-Đáy	5	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744			591	20-26	2010
19	Quy hoạch, quản lý chất thải rắn phục vụ quy hoạch bảo vệ môi	6	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-			594	29-35	2010

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020		8744					
20	Các vấn đề sức khoẻ môi trường trong và sau bão lũ	3	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		589	40-45	2010
21	Phương pháp số hiệu quả để giải bài toán mô hình và xác định thông số cho hệ thống sông	1	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		586	14-22	2009
22	Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cầu	6	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		578	16-21	2009
23	Tính toán xác định vị trí nguồn ô nhiễm dầu và dự báo lan truyền ô nhiễm dầu khu vực Biển Đông Việt Nam	3	Tạp chí Bảo vệ môi trường (nay là Tạp chí Môi trường)			106	27-30	2008
24	Nghiên cứu, áp dụng thử nghiệm phương pháp chu vi ướt đánh giá dòng chảy môi trường cho đoạn sông hạ lưu sông Đà	3	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		568	43-51	2008
Tạp chí trong nước Tiếng Anh								
25	Assessment of	1	VNU Journal	Tác giả		27 (1)	25-31	2011

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	climate change impacts on flooding in the downstream of the Dong Nai River		of Science, Earth Science ISSN: 0866-8612	chính				
26	Impacts of climate change on the flow in Hong-Thai Binh and Dong Nai river basins	2	VNU Journal of Science, Earth Science ISSN: 0866-8612	Tác giả chính	08	27 (2)	98-106	2011
27	Assessment of climate change impacts on salinity intrusion in Hong-Thai Binh and Dong Nai river basins	2	VNU Journal of Science, Earth Science ISSN: 0866-8612	Tác giả chính	02	27 (1)	54-61	2011
28	Climate change impacts and adaptation measures for Quy Nhon city	2	VNU Journal of Science, Earth Science ISSN: 0866-8612			27 (2)	119-126	2011
29	Development of cooperative research on assessment of climate change impacts on water resources of Vietnam-China transboundary river basins	2	VNU Journal of Science, Earth Science ISSN: 0866-8612	Tác giả chính		26 (4)	218-223	2010
30	Assessment of climate change impacts water resources in Hong-Thai Binh river basin	1	VNU Journal of Science, Earth Science ISSN: 0866-8612	Tác giả chính		26 (4)	202-209	2010

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
31	A method for locating possible sources of oil pollution in the East Vietnam Sea	5	Journal of Water Resources and Environmental Engineering ISSN: 1859-3941			23	67-75	2008
Tạp chí khoa học quốc tế								
32	Hydrological regime and water budget of the Red River Delta (Northern Vietnam)	8	Journal of Asian Earth Sciences ISSN: 13678120	ISI, IF: 2.335 Hindex: 92	49	37	219-228	2010
Hội thảo khoa học trong nước								
33	Đánh giá bước đầu một số chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam	3	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia lần thứ 2, Môi trường và Phát triển Bền vững- NXB Nông nghiệp	Tác giả chính			217-228	2010
34	Ứng dụng mô hình MIKE11 tính toán dự báo chất lượng nước cho ba lưu vực sông: Cầu, Nhuệ - Đáy, Sài Gòn - Đồng Nai	5	Tuyển tập công trình Hội nghị khoa học Cơ học Thủy Khí Toàn quốc	Tác giả chính			527-536	2007
35	Một số phương pháp điều khiển hồ thủy điện Hòa Bình phục vụ mục tiêu chống lũ hiệu quả cho hạ lưu sông Hồng	1	Báo cáo Hội nghị khoa học toàn quốc về công nghệ dự báo khí tượng thủy văn Lần thứ VI, 2001 - 2005	Tác giả chính		2	45-60	2005

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Hội thảo khoa học quốc tế								
36	Impacts of climate change on the poor in Vietnam	3	Proceedings of the fifth conference of Asia Pacific association of hydrology and water resources- Labor and Social Publisher	Tác giả chính			584-592	2010
37	Challenges of climate change to surface water quality in Vietnam	4	Proceedings of the fifth conference of Asia Pacific association of hydrology and water resources- Labor and Social Publisher	Tác giả chính			249-254	2010
38	Climate change and sustainable development: climate change impacts on nature and society life	2	Proceedings of the 2 nd International Symposium: Climate change and the sustainability				19-26	2008
39	Parameter Estimation for River Flows(Abstract)	4	International Conference on High Performance Scientific Computing, Hanoi, Vietnam					2003

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
40	Modelling and Parameter Estimation for river flows	4	Proceedings of the workshop on Scientific Computing and Applications, HCM City					2002

b) Sau khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Tạp chí trong nước Tiếng Việt								
1	Đánh giá thực trạng và dự tính khả năng xâm nhập mặn cho khu vực ven biển Tỉnh Thái Bình	03	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208			699	9-16	2019
2	Đánh giá tính tổn thương cho cây lúa do xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Thái Bình	03	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208			698	11-21	2019
3	Áp dụng mô hình MIKE SHE kết hợp sử dụng sản phẩm mưa dự báo IFS dự báo lưu lượng đến hồ lưu vực sông Trà Khúc Sông Vệ	05	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208	Tác giả chính		697	1-12	2019
4	Nghiên cứu mô phỏng tác động của sóng và nước dâng bão khu vực ven biển miền Trung	03	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208	Tác giả chính		687	1-14	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
5	Hiện tượng mực nước biển dâng dị thường tại Tuy Hòa - Phú Yên	3	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208	Tác giả chính		676	1-9	2017
6	Ứng dụng mô hình thống kê dự báo dòng chảy tháng phục vụ quy trình vận hành liên hồ chứa sông Sê San trong mùa cạn	5	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208	Tác giả chính		677	1-13	2017
7	Khả năng dự báo tuyết bằng mô hình phân giải cao trên khu vực Bắc Bộ	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208	Tác giả chính		673	1-6	2017
8	Đánh giá tác động của xâm nhập mặn đến sử dụng đất nông nghiệp ở các huyện ven biển của tỉnh Nghệ An trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ ISSN 1859-0128			20 (T4)	269-276	2017
9	Ứng dụng mô hình MIKE 21 FM mô phỏng chất lượng nước khu vực ven biển Đình Vũ	1	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ ISSN 1859-0128	Tác giả chính		20 (T4)	277-287	2017
10	Assessment and Simulation of Impacts of Climate Change on Erosion and Water Flow in the Upper Cau River basin (Vietnam) using the Soil and Water Assessment Tool and GIS	3	Tạp chí Vietnam Journal of Earth Sciences ISSN: 0866 - 7187	Tác giả chính	06	39 (4)		2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
11	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sử dụng nước cho nông nghiệp của Đồng bằng sông Cửu Long	5	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208			664	1-5	2016
12	Đặc trưng hạn hán Đồng bằng sông Cửu Long	5	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208			665	1-5	2016
13	Phân hạng mức độ khắc nghiệt của sương muối ở các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ	3	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN: 2525-2208			670	20-25	2016
14	Phương pháp đồng hóa số liệu Nudging cho quan trắc radar và tác động tới dự báo mưa lớn trên khu vực Bắc Bộ	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN: 2525-2208	Tác giả chính		670	1-6	2016
15	Nghiên cứu khoa học về biến đổi khí hậu - Thành công và thách thức	1	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường ISSN 1859-1477	Tác giả chính		1+ 2 (231+ 232)	37 -39	2016
16	Áp dụng phương pháp phân vị để nâng cao chất lượng dự báo hạn mùa các hiện tượng rét đậm, rét hại và nắng nóng từ số liệu dự báo của ECMWF	2	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208			671	32-38	2016
17	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp thống kê tự cập nhật để cải tiến chất lượng dự báo	2	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208	Tác giả chính		671	1-8	2016

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	hạn tháng và mùa của số liệu ECMWF							
18	Ứng dụng mô hình phân bố MIKE SHE mô phỏng dòng chảy mặt cho lưu vực sông La	3	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208			672	1-7	2016
19	Ứng dụng vào thực tiễn kết quả nghiên cứu khoa học	3	Tạp chí Tài nguyên Môi trường ISSN 1859-1477			14 (220)	46 -47	2015
20	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước lưu vực sông Lô	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			651	3-8	2015
21	Nghiên cứu đánh giá nước dâng do bão khu vực ven biển từ Quảng Bình đến Quảng Nam	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			654	34-39	2015
22	Tính dễ bị tổn thương của ngành công nghiệp và dịch vụ khu kinh tế Nhơn Hội, Tỉnh Bình Định do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	10	Tạp chí Biển Việt Nam			Tháng 8 + 9	73-77	2015
23	Cơ chế, chính sách tài chính nhằm huy động quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính trong ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			659	21-26	2015
24	Đánh giá tác động của biến đổi khí	3	Tạp chí Khí tượng Thủy văn	Tác giả chính		660	1-4	2015

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	hậu đến nguy cơ ngập lụt ở tỉnh Nghệ An		ISSN 0866-8744					
25	Xác định mức độ dễ bị tổn thương của thành phố Đà Nẵng trong lĩnh vực giao thông và đô thị do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			660	5-11	2015
26	Dự báo biến động trầm tích tầng mặt đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định theo kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng	8	Tạp chí Môi trường			7	69-72	2015
27	Diễn biến dòng chảy ở Đồng bằng sông Cửu Long	5	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		643	19-23	2014
28	Nghiên cứu tác động của mực nước biển dâng đối với rừng ngập mặn xã Đại Hợp, Kiến Thụy, Hải Phòng và các giải pháp thích ứng	3	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			643	33-39	2014
29	Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong huy động, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu và giải pháp của Việt Nam	5	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		643	45-51	2014

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
30	Vai trò của nghiên cứu khoa học và công nghệ trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực biến đổi khí hậu	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		643	1-4	2014
31	Nghiên cứu tương tác sóng và nước dâng do bão bằng mô hình số trị	5	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			647	19-24	2014
32	Nghiên cứu mô hình thủy động lực 1-2 chiều để dự báo xâm nhập mặn hạ lưu sông Mã	2	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			645	1-6	2014
33	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến năng suất và thời gian sinh trưởng của một số cây trồng nông nghiệp ở Đà Nẵng	2	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			645	41-45	2014
34	Đánh giá biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Đà Nẵng	3	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			639	10-15	2014
35	Nghiên cứu đánh giá nguy cơ dễ tổn thương do biến đổi khí hậu cho khu kinh tế Nhơn Hội, Bình Định	2	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			642	21-24	2014
36	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến ngập lụt thành phố Cần Thơ	4	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744			633	7-11	2013
37	Dự báo diễn biến chất lượng nước sông Nhuệ - Đáy theo các kịch bản	4	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội			29	166 - 176	2013

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	phát triển kinh tế - xã hội		ISSN 0866-8612					
38	Dự báo tải lượng ô nhiễm tối đa của sông Nhuệ - Đáy theo mục đích sử dụng nguồn nước	4	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội ISSN 0866-8612			29	177 - 186	2013
39	Kịch bản biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp thích ứng	7	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội ISSN 0866-8612			29	187-194	2013
40	Tài nguyên nước mặt Việt Nam và vấn đề bảo đảm an ninh về nước Quốc gia	3	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		615	10-16	2012
41	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các công trình thủy lợi ở tỉnh Thái Nguyên	6	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 0866-8744	Tác giả chính		621	6-12	2012
Tạp chí trong nước tiếng anh								
42	Combination of hydrologic and hydraulic modeling on flood and inundation warning: case study at Tra Khuc-Ve River basin in Vietnam	02	Vietnam Journal of Earth Sciences ISSN 0866 - 7187	Tác giả chính		41 (3)	240-251	2019
Tạp chí khoa học quốc tế								
43	Biological environmental survey in Cat Ba Island	02	Biodiversity International Journal eISSN: 2575-906X		01	02 (02)	149-159	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
44	Application of 1D-2D coupled modeling in water quality assessment: A case study in Ca Mau Peninsula, Vietnam	04	Physics and Chemistry of the Earth ISSN: 1474-7065 Available online 31 October 2018	ISI IF=1,923 H-index = 64 Tác giả chính	01			2018
45	Assessing Cumulative Impacts of the Proposed Lower Mekong Basin Hydropower Cascade on the Mekong River Floodplains and Delta - Overview of Integrated Modeling Methods and Results	07	Journal of Hydrology ISSN: 0022-1694 Available online 13 January 2018	SCI, ISI IF=3,727 H-index = 178 Tác giả chính	03			2018
46	Application of a two-dimensional model for flooding and floodplain simulation: Case study in Tra Khuc-Song Ve river in Viet Nam	04	Lowland Technology International ISSN: 1344-9656	SCOPUS IF=0.417 H-index = 9	01	20 (2)	367-378	2018
47	Application of 2D modeling in simulation the erosion of dykes on Thach Han river basin in Vietnam	03	Lowland Technology International ISSN: 1344-9656	SCOPUS IF=0.417 H-index = 9 Tác giả chính		20 (2)	393-400	2018
48	Effect of river vegetation with timber piling on ship wave attenuation:	07	Ocean Engineering ISSN: 00298018	SCI và ISI, IF: 2.730, H-index: 68	02	129	37-45	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	Investigation by field survey and numerical modeling			(2018)				
49	Modeling the effect of thermal diffusion process from nuclear power plants in Vietnam	2	Energy and Power Engineering ISSN Print: 1949-243X ISSN Online: 1947-3818	H5-index 10, IF = 0.75 Tác giả chính		9 (8)	403-418	2017
50	Genesis and quality of groundwater in the Southeastern region of Southern Vietnam	8	Journal of Environmental and Engineering A Print: (ISSN: 2162-5298); Online: (ISSN: 2162-5301)			6	277 - 292	2017
51	A finite element one-dimensional kinematic wave rainfall-runoff model	4	Pacific Science Review A: Natural Science and Engineering ISSN: 1229-5450			18	233 - 240	2016
Hội thảo trong nước								
52	Đánh giá tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu ở huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	4	Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học Quốc gia về Khí tượng, Thủy văn, Môi trường và Biến đổi khí hậu lần thứ XVI			1	263-270	2013
53	Đánh giá rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực chính của	6	Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học Quốc gia về Khí			1	327 - 333	2013

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	tỉnh Bình Định		tượng, Thủy văn, Môi trường và Biến đổi khí hậu lần thứ XVI					
54	Biểu hiện của BĐKH và tác động lên tài nguyên nước của tỉnh Bình Định	5	Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia về Khí tượng, Thủy văn, Môi trường và Biến đổi khí hậu lần thứ XVI			2	67-73	2012
55	Tác động của biến đổi khí hậu đến một số lĩnh vực chính của tỉnh Vĩnh Phúc	5	Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia về Khí tượng, Thủy văn, Môi trường và Biến đổi khí hậu lần thứ XV			1	277 - 283	2012
56	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực chính của tỉnh Lào Cai	4	Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia về Khí tượng, Thủy văn, Môi trường và Biến đổi khí hậu lần thứ XV			1	300 - 306	2012
57	Đánh giá tác động của BĐKH đến hạn thủy văn các tỉnh Hòa Bình và Phú Thọ	6	Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia về Khí tượng, Thủy văn, Môi trường và Biến đổi khí hậu lần thứ XV			1	352-359	2012
58	Đánh giá tác động của Biến đổi khí hậu đến Tài nguyên nước tỉnh Thái	4	Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia về Khí	Tác giả chính		2	89-95	2012

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
63	Application of Numerical Modeling in Warning Flood and Inundation in Tra Khuc-Song Ve Rivers Basin	02	The Vietnam International Water Week (VACI2019), 22-25 March, 2019 in Hanoi, ISBN: 978-604-67-1216-9	Tác giả chính			169	2019
64	Application of Numerical Modeling for the Dyke Erosion in Trieu Do Commune on Thach Han River Basin in Vietnam		The 1st Vietnam Symposium on Advances in Offshore Engineering Energy and Geotechnics VSOE 2018, 1-3 November 2018, Hanoi, Vietnam ISBN: 978-981-13-2305-8	Tác giả chính		18	586-591	2019
65	The application of flash flood guidance system for early risk warning in mountainous regions of northern Vietnam	05	International Symposium on Lowland Technology (ISLT 2018) ISBN: 978.604.82.2483 .7	Tác giả chính				2018
66	Impact of the interaction of surge, wave and tide on a storm surge on the north coast of Vietnam	5	Procedia IUTAM ISSN: 2210-9838	Elsevier, Scimago (SCOPUS) H-index = 12 Tác giả chính		25	82-91	2017
67	Hydrological regime of a tidal system in the Red River Delta, northern Vietnam	6	Proceedings of FRIEND-Water 2014, Montpellier, France, October			363	451-456	2014

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
			2014 (IAHS Publ. 363, 451-456, 2014) ISBN: 9781907161414					
68	Water balance and nutrient delivery in a densely populated delta for a future sustainable environment	9	Proceedings of HP1, IAHS-IAPSO-IASPEI Assembly, Gothenburg, Sweden, July 2013 (IAHS Publ. 358, 2013) ISBN: 978-1-907161-36-02			358	196-202	2013

Chú thích: (*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bằng phát minh, sáng chế: *Không có*

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: *Không có*

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đào tạo đại học.

Đã chủ trì và tham gia xây dựng 03 chương trình đào tạo:

- Chỉ đạo, tham gia Chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tại Viện khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (năm 2011);

- Chủ trì Chương trình đào tạo cử nhân Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

- Phó trưởng ban chỉ đạo xây dựng Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Năng lượng bền vững và Biến đổi khí hậu tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng tiến sĩ, bổ nhiệm PGS ☐
- Số giờ chuẩn giảng dạy ☐
- Công trình khoa học đã công bố ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019
Người đăng ký



Trần Hồng Thái

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Xác nhận những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên Trần Hồng Thái đã kê khai;
- Ông Trần Hồng Thái đã hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; Giảng dạy đại học, sau đại học và các công việc quản lý khác.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG *na*



Hoàng Đức Cường

TRUNG TÂM DỮ LIỆU

**2. QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN, BỔ NHIỆM
CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Số 417/QĐ-HĐCDGSNN
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ
MÔI TRƯỜNG

Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2011

CÔNG VĂN ĐẾN

QUYẾT ĐỊNH

BẢN SAO

Số: 444/QĐ-HĐCDGSNN Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2011

Ngày 11 tháng 11 năm 2011

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2009-2014;

Căn cứ Quyết định số 3932/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐCDGSNN của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước kỳ họp thứ VII ngày 23 tháng 10 năm 2011;

Theo đề nghị của Tổng Thư ký Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư cho 34 nhà giáo và đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư cho 374 nhà giáo (danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học có liên quan và các nhà giáo có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg CP Nguyễn Thiện Nhân (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Website HĐCDGSNN;
- Lưu VP.HĐCDGSNN.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC
CHỦ TỊCH



THỰC THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực...427...Quyển số...307/BS

Ngày: 11-11-2011

GS.TS. PHẠM VŨ LUẬN



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

Lê Thị Thu Giang

DANH SÁCH CÁC NHÀ GIÁO ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ ĐỢT NĂM 2011
 Theo Quyết định số 117/QĐ-HĐCDGSNN, ngày 03 tháng 11 năm 2011, của Chủ tịch HĐCDGSNN

Số TT	TT (QB117)	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành chuyên môn	Nơi làm việc	Quê quán (huyện, tỉnh)	Mã số Giấy chứng nhận
A		B	C	D	E	F	G	H
1	112	Lương Tuấn Anh	15/08/1959	Nam	Khoa học Trái đất	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiền Lữ, Hưng Yên	1260 /PGS
2	125	Trần Hồng Thái	04/08/1974	Nam	Khoa học Trái đất	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Can Lộc, Hà Tĩnh	1273 /PGS
3	127	Nguyễn Văn Thắng	01/09/1962	Nam	Khoa học Trái đất	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sầm Sơn, Thanh Hóa	1275 /PGS
4	246	Hoàng Minh Tuyền	01/09/1960	Nam	Thủy lợi	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Diễn Châu, Nghệ An	1394 /PGS



8000038

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE

- Pursuant to Decision N^o 174/2008/QĐ-TTg date 31 Dec 2008 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Resolution N^o 03/NQ-HĐCDGSNN date 23 Oct 2011 by the State Council for Professor Title,

CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

Upon: *Mr. Tran Hong Thai*

Born on: *August 04th, 1974*

In: *Can Loe, Ha Tinh*

for having met the standards of associate professor title

in: **Earth Sciences**



Given under the Seal
of the State Council for Professor Title

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 002129. Quyền số: SC/BS

Ngày: 17-08-2017



CÔNG CHỨNG VIỆN
Dinh Thị Mai Hương



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐCDGSNN ngày 23/10/2011 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Khoa học Trái đất

Cho: *Ông Trần Hồng Thái*

Sinh ngày: *04* tháng *08* năm *1974*

Quê quán: *Can Loe, Hà Tĩnh*

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2011



GS. TS. Phạm Vũ Luận

Số: 1273/PGS

000039

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư;

Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư;

Xét đề nghị của Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học và Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho 103 nhà giáo có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các Phó Giáo sư được bổ nhiệm theo danh sách tại Điều 1 của Quyết định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (phối hợp thực hiện);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NGCBQLCSGD.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Vũ Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH CÁC ỨNG VIÊN ĐƯỢC BỔ NHIỆM CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ – NĂM 2012

Kèm theo Quyết định số 1348/QĐ-BGDĐT, ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học
1	...					
...						
49	Trần Hồng Thái	04/8/1974	Nam	Can Lộc, Hà Tĩnh	Khoa học Trái đất	Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường
...						
103	...					

(Danh sách này có 103 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 78 /TS-BGDĐT

Nơi nhận:

- Bà Phạm Bích Diệp;
- CVP Nguyễn Viết Lộc (để b/c);
- Lưu: VT, LTTV.

TRÍCH SAO

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

TL. BỘ TRƯỞNG

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đình Mạnh

**3. BẢNG TỐT NGHIỆP NGOẠI NGỮ HOẶC TÀI LIỆU MINH
CHỨNG SỬ DỤNG THÀNH THẠO NGOẠI NGỮ**

BẢN DỊCH

000041

LIÊN BANG CÁC NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

CHỨNG CHỈ

CP № : 117482

Nay chứng nhận rằng, trong thời gian học tập tại trường Đại học Năng lượng Matxcova (Đại học kỹ thuật) từ năm 1992 đến năm 1997, Trần Hồng Thái đã nghiên cứu Tiếng Nga với thời lượng 590 tiết, được nghe giảng khoá học Phương pháp giảng dạy Tiếng Nga như một ngoại ngữ với thời lượng 72 tiết và trả thi tốt nghiệp bằng Tiếng Nga.

Trần Hồng Thái được phép giảng dạy tiếng Nga tại các khoá học và các tổ chức nghiên cứu.

Hiệu trưởng: (Đã ký và đóng dấu)

Thư ký: (Đã ký)

Thành phố Matxcova, ngày 30 tháng 07 năm 1997

Số đăng bộ: 356



Handwritten signature in blue ink.

Tôi, **Phạm Đình Yên**, CMND số: 013319568, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ tiếng Nga sang tiếng Việt.

Ngày 18 tháng 08 năm 2017

Người dịch

(Signature)

PHẠM ĐÌNH YÊN

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 18 tháng 08 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm- Địa chỉ: Số 24A Khu nhà ở bán X1, Khu liên cơ quan, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tôi: **Đinh Thị Mai Hương**, Công chứng viên ký tên dưới đây.

CHỨNG NHẬN

Bản dịch này do ông Phạm Đình Yên, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Từ Liêm dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt; Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Phạm Đình Yên; Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Bản dịch gồm 01 tờ, 01 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm.

Số công chứng 168, quyển số 01 TP/CC-SCC/BD.



Đinh Thị Mai Hương



СОЮЗ СОВЕТСКИХ СОЦИАЛИСТИЧЕСКИХ РЕСПУБЛИК

СВИДЕТЕЛЬСТВО

CP № 117482

Настоящим удостоверяется, что

Чан Хонг Тхай

за время обучения в *Московском энергетическом институте (техническом университете)*
с *1992* по *1997* г. изучил(а) русский язык в объеме
590 часов, прослушал(а) курс Методика преподавания русского
языка как иностранного в объеме *72* часов и сдал(а) выпускной экзамен
по русскому языку.

Чан Хонг Тхай

имеет право преподавать русский язык на курсах и в кружках



Директор

Секретарь

Город *Москва* 30 июля 1997 г.

Регистрационный № *356*

Рязань, 1990

UNION OF SOVIET SOCIALIST REPUBLICS

CERTIFICATE

CP № 117482

This is to certify that Mr. (Mrs.)

TRAN HONG THAI

during the period of study in *the Moscow Power Engineering Institute (Technical University)*
from *1992* to *1997* completed a *590* hour course
in Russian, a 72 hour course in Methods of teaching Russian as a foreign
language and successfully passed the final examination in the Russian
language.

Mr. (Mrs.)

TRAN HONG THAI

is granted the right to teach the Russian language at courses and circles of
Russian.



Director

Secretary

City *Moscow* 30 July 1997

Registration No. *356*

Аттестат №

0.000043

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: ДИБ 004552

Ngày cấp: 30/9/1997

Do: **Viện Năng lượng Matxcova (Trường Đại học Kỹ thuật),
Liên bang Nga**

Cấp cho: **Trần Hồng Thái**

Ngày sinh: 04 tháng 8 năm 1974

Nơi sinh: Thái Nguyên

Là bằng tốt nghiệp: **Đại học**

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30 tháng 11 năm 2017

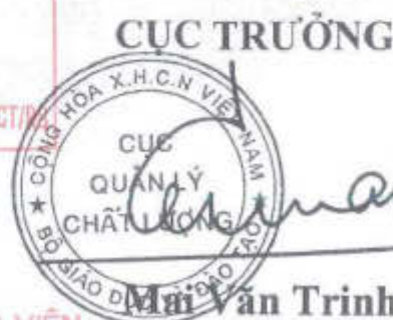
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 01-12-2017

Số chứng thực: 27.10.8 Quyển số: 03 SCT/Đ



CÔNG CHỨNG VIÊN



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số... 00.21.76/CME . ĐH

BẢN DỊCH

LIÊN BANG CÁC NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

BẰNG TỐT NGHIỆP

ДИБ № : 004552

Văn bằng này được trao cho: **TRẦN HỒNG THÁI**
Xác nhận rằng vào năm 1992 Trần Hồng Thái nhập học tại trường Đại học Năng lượng Matxcova (Đại học kỹ thuật) và năm 1996 đã hoàn thành khoá học của trường có tên nêu trên theo chuyên ngành: **"Nhiệt năng học"**.

Theo Quyết định của Hội đồng thi quốc gia ngày 28 tháng 6 năm 1996

TRẦN HỒNG THÁI

Được công nhận học vị

CỬ NHÂN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

Với văn bằng này cho phép người được cấp bằng độc lập thực hiện các công việc theo chuyên ngành đào tạo thuộc phạm vi chuyên môn Cử nhân Kỹ thuật và Công nghệ bậc đại học.

Фото

Chủ tịch Hội đồng thi quốc gia: (Đã ký)

Hiệu trưởng: (Đã ký và đóng dấu)

Chủ nhiệm khoa: (Đã ký)

Thành phố Matxcova, ngày 30 tháng 09 năm 1997

Số đăng bộ: 158023

Handwritten signature in blue ink.

Tôi, **Phạm Đình Yên**, CMND số: 013319568, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ tiếng Nga sang tiếng Việt.

Ngày 18 tháng 08 năm 2017
Người dịch

PHẠM ĐÌNH YÊN

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 18 tháng 08 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm- Địa chỉ: Số 24A Khu nhà ở bán XI, Khu liên cơ quan, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tôi: **Đinh Thị Mai Hương**, Công chứng viên ký tên dưới đây.

CHỨNG NHẬN

Bản dịch này do ông Phạm Đình Yên, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Từ Liêm dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt; Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Phạm Đình Yên; Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Bản dịch gồm 01 tờ, 01 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm.

Số công chứng 166, quyển số 01 TP/CC-SCC/BD.



Đinh Thị Mai Hương



СОЮЗ СОВЕТСКИХ СОЦИАЛИСТИЧЕСКИХ РЕСПУБЛИК

ДИПЛОМ

ДИБ № 004552

Настоящий диплом дан

Чан Хонг Тхай

и подтверждает, что он в 1992 году поступил в
Московский энергетический институт
(Технический университет)

и в 1996 году завершил обучение в
названном институте

по специальности *"Теплоэнергетика"*

Решением Государственной экзаменационной комиссии от
28 июня 1996г. *Чан Хонг Тхай*
присуждена степень БАКАЛАВРА *техники*
и технологий

Настоящий диплом дает право на самостоятельное выполнение
всех работ, связанных с полученной специальностью и входящих
в компетенцию специалиста с высшим образованием на уровне
БАКАЛАВРА *техники и технологий*



Председатель Государственной
экзаменационной комиссии

Ректор

Декан факультета

[Signature]
[Signature]

Город *Москва* *30 сентября 1997г.*

Регистрационный № *158023*

МТ Гатина. 1990.

UNION OF SOVIET SOCIALIST REPUBLICS

DIPLOMA

ДИБ № 004552

This is to certify that

TRAN HONG THAI

was admitted in 1992 to *the Moscow*
Power Engineering Institute
(Technical university)

and in 1996 completed the course of *the above-mentioned Institute*

in the field of *"Thermal power engineering"*

By the decision of the State Examination Commission of
June 28, 1996 *TRAN HONG THAI*
is awarded the degree of
BACHELOR OF *engineering*
and technology

He/she is entitled by this Diploma to carry out professional activities
of any kind connected with the above-mentioned field as Bachelor
of *engineering and technology*



Chairman of the State
Examination Commission

Rector

Dean of the Faculty

[Signature]
[Signature]

Moscow, September 30, 1997

Regd No. *158023*



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: ДИМ 0000269 Ngày cấp: 01/7/1998

Do: Viện Năng lượng Matxcova (Trường Đại học Kỹ thuật),
Liên bang Nga

Cấp cho: **Trần Hồng Thái**

Ngày sinh: 04 tháng 8 năm 1974

Nơi sinh: Thái Nguyên

Là bằng tốt nghiệp: **Thạc sĩ**

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30 tháng 11 năm 2017

Ngày: 01-12-2017

Số chấp hành: 27.01.09 Quyền số: 03 SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Mai



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số...0021171 CNVB. Th3

BẢN DỊCH



**BẰNG TỐT NGHIỆP
LÀ VĂN BẰNG QUỐC GIA
VỀ BẠC ĐẠI HỌC**

*Số đăng ký: 158063
ngày 01 tháng 07 năm 1998
Thành phố Matxcova*



**LIÊN BANG NGA
THÀNH PHỐ MÁTXCÔVA**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NĂNG LƯỢNG MÁTXCÔVA
(ĐẠI HỌC KỸ THUẬT)**

**BẰNG TỐT NGHIỆP
LOẠI XUẤT SẮC
ДІМ 0000269**

*Theo Quyết định của Hội đồng thi Quốc gia
ngày 15 tháng 05 năm 1998*

**TRẦN HỒNG THÁI
ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ
THẠC SỸ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ**

*Chủ tịch Hội đồng thi Quốc gia: (Đã ký)
Hiệu trưởng: (Đã ký và đóng dấu)*



Handwritten signature

Tôi, **Phạm Đình Yên**, CMND số: 013319568, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ tiếng Nga sang tiếng Việt.

Ngày 18 tháng 08 năm 2017

Người dịch



PHẠM ĐÌNH YÊN

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 18 tháng 08 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm- Địa chỉ: Số 24A Khu nhà ở bán X1, Khu liên cơ quan, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tôi: **Đinh Thị Mai Hương**, Công chứng viên ký tên dưới đây.

CHỨNG NHẬN

Bản dịch này do ông Phạm Đình Yên, công tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Từ Liêm dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt; Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Phạm Đình Yên; Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Bản dịch gồm 01 tờ, 01 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm.

Số công chứng 167, quyển số 01 TP/CC-SCC/BD.



Đinh Thị Mai Hương

C
ÔNG
CHỨNG
VIÊN
Đ. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

ДИПЛОМ ЯВЛЯЕТСЯ
ГОСУДАРСТВЕННЫМ ДОКУМЕНТОМ
О ВЫСШЕМ ОБРАЗОВАНИИ

Регистрационный номер 158063 1 июля 1998г.
г. Москва



РОССИЙСКАЯ ФЕДЕРАЦИЯ
г. Москва
Московский энергетический
институт
(технический университет)

ДИПЛОМ

С ОТЛИЧИЕМ

ДИМ 0000269

Решением
Государственной аттестационной комиссии

15 мая 1998 года
Чан Хонг Тхай

ПРИСУЖДЕНА СТЕПЕНЬ
МАГИСТРА

техники и технологий

Председатель Государственной
аттестационной комиссии



Воспитан

ИПФ Форма 1991



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 08/7/2005

Do:

Trường Đại học Heidelberg, CHLB Đức

Cấp cho:

Trần Hồng Thái

Ngày sinh:

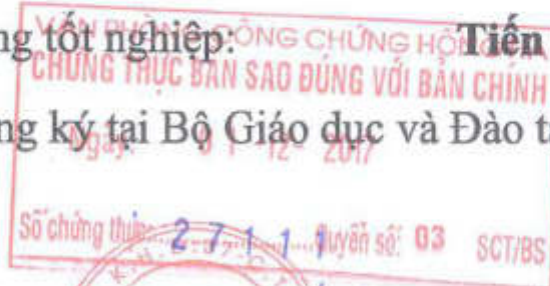
04 tháng 8 năm 1974

Nơi sinh:

Thái Nguyên

Là bằng tốt nghiệp: **Tiến sĩ**

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30 tháng 11 năm 2017



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Mai

Đã vào sổ đăng ký số...00.219.8 / CNVB - TS

Mai Văn Trinh

BẢN DỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HEIDELBERG
KHOA TOÁN VÀ KHOA HỌC TRÁI ĐẤT

Nay trao học vị

BẰNG TIẾN SĨ KHOA HỌC
(DR.RER.NAT)

Cho

Thạc Sĩ Khoa Học

TRẦN HỒNG THÁI

Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1974 tại Thái Nguyên, Việt Nam

Giải thưởng này được kèm theo Luận án về đề tài:

*“Các phương pháp số để giải bài toán mô phỏng, xác định thông số
và điều khiển tối ưu Hệ thống Sông Hồng”*

Tổng điểm đánh giá là

CUM LAUDE (GIỎI)

Heidelberg, ngày 08 tháng 07 năm 2005

HIỆU TRƯỞNG

*Giáo sư.Tiến sĩ: Peter Hommelhoff
(Đã ký và đóng dấu)*

TRƯỞNG KHOA

*Giáo sư.Tiến sĩ: Bernhard Eitel
(Đã ký)*

*Bản tiếng Anh và tiếng Đức trong văn bằng này đều có giá trị như nhau. Trần Hồng Thái
có quyền được công nhận danh hiệu Tiến sĩ dưới cả hình thức tiếng anh và tiếng Đức*



Tôi, **Phạm Đình Uyên**, CMND số: 012097237, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người dịch


PHẠM ĐÌNH UYÊN

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 08 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm- Địa chỉ: Số 24A Khu nhà ở bán X1, Khu liên cơ quan, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tôi: **Đinh Thị Mai Hương**, Công chứng viên ký tên dưới đây.

CHỨNG NHẬN

Bản dịch này do ông Phạm Đình Uyên, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Từ Liêm dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt; Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Phạm Đình Uyên; Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Bản dịch gồm 1 tờ, 1 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Từ Liêm.

Số công chứng: 152, quyển số 1 TP/CC-SCC/BD.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đinh Thị Mai Hương

Đ : 35
VĂN PHÒNG
ÔNG CH
TỪ LIÊM
TỪ LIÊM

RUPRECHT-KARLS-UNIVERSITÄT HEIDELBERG



DIE NATURWISSENSCHAFTLICH-MATHEMATISCHE GESAMTFAKULTÄT

hereby awards

The Degree of DOCTOR OF SCIENCE
(DR. RER. NAT.)

to

Master of Science

TRAN HONG THAI

born 04. August 1974 in Thai Nguyen/Vietnam

The award has followed submission of a thesis entitled:

*"Numerical Methods for Parameter Estimation
and Optimal Control of the Red River Network"*

and demonstration of his scientific ability by oral defense of the thesis.

The overall grade awarded is

CUM LAUDE (GOOD)

Heidelberg, 08. July 2005

REKTOR

Handwritten signature of Professor Dr. Dr. h.c. Peter Hommelhoff.

Professor Dr. Dr. h.c. Peter Hommelhoff

DEKAN

Handwritten signature of Professor Dr. Bernhard Eitel.

Professor Dr. Bernhard Eitel



English and German versions of this doctoral certificate exist. Tran Hong Thai has the right to the doctoral title in both its English and German forms.



000044

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT

CREDENTIALS

The Ministry of Natural Resources and Environment of the Socialist Republic of Viet Nam certifies that:

Mr. TRAN HONG THAI
Deputy Director General
National Hydro-Meteorological Service
Ministry of Natural Resources and Environment

has been authorized by the Government of the Socialist Republic of Viet Nam to be Head of the Vietnamese Delegation to the Forty-eighth Session of the Typhoon Committee, which will be held in Honolulu, Hawaii, United States of America from 22 to 25 February 2016.

Done in Ha Noi, on 25 January 2016



Do Nam Thang
Deputy Director General
Department of International Cooperation
Ministry of Natural Resources and Environment
Socialist Republic of Viet Nam

SAO Y BAN CHÍNH

Ngày...18...tháng...10...năm...2017

TL. CHÁNH VĂN PHÒNG
TRƯỞNG PHÒNG VĂN THƯ - LƯU TRỮ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Toàn



000045

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT

CREDENTIALS

The Ministry of Natural Resources and Environment of the Socialist Republic of Viet Nam certifies that:

1. Mr. TRAN HONG THAI

**Deputy Director General
National Hydro-Meteorological Service
Ministry of Natural Resources and Environment
Head of Delegation;**

2. Mr. VO VAN HOA

**Director of Red River Delta Regional Hydro-Meteorological Center
National Hydro-Meteorological Service
Ministry of Natural Resources and Environment**

have been authorized by the Government of the Socialist Republic of Viet Nam to attend the Forty-ninth Session of the Typhoon Committee, which will be held in Yokohama, Japan from 21 to 24 February 2017.

Done in Ha Noi, on 10 January 2017



Chu Phạm Ngọc Hien

**Deputy Minister of Natural Resources and Environment
Permanent Representative of S.R. Viet Nam with WMO**

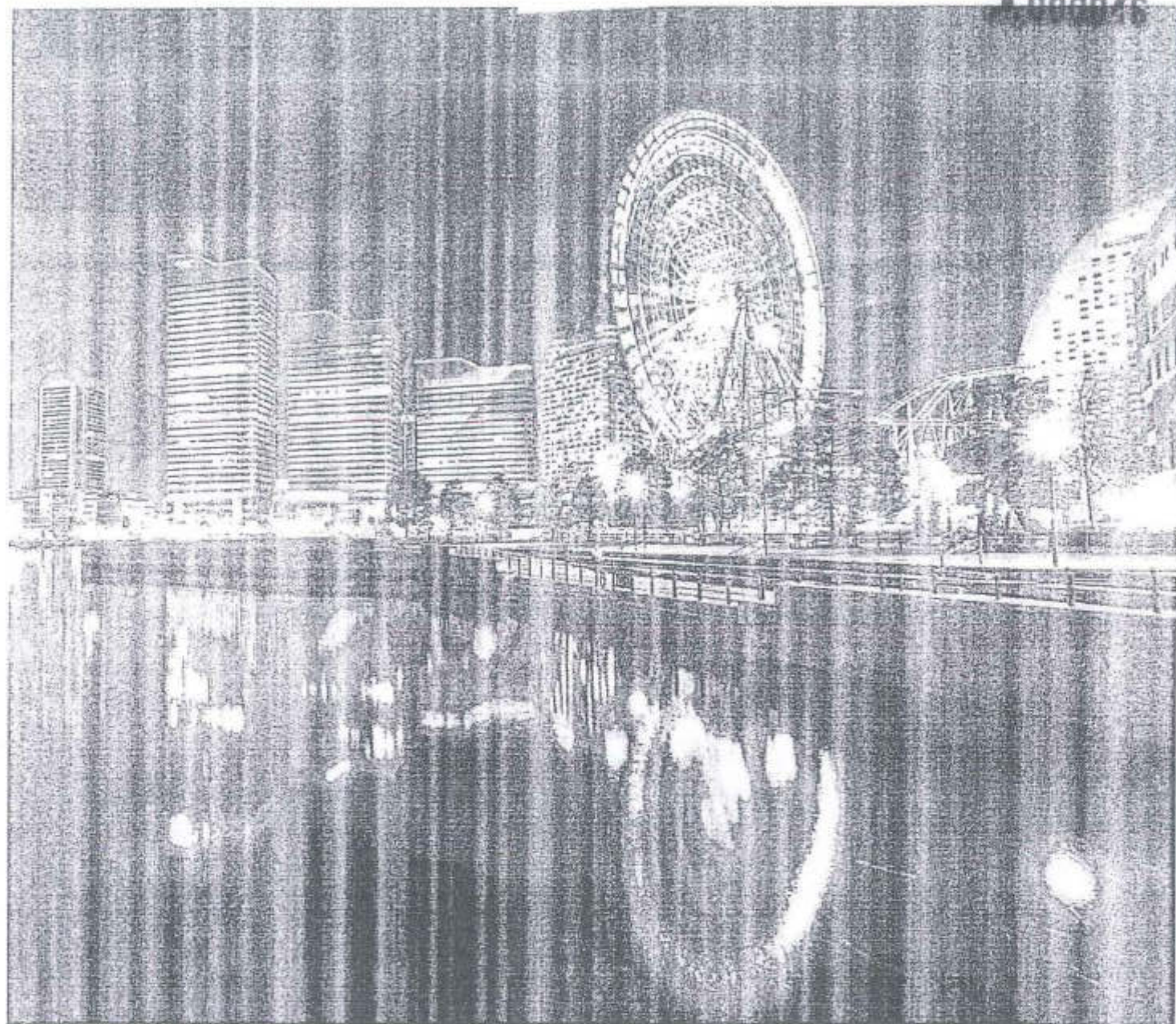
Ngày 18...tháng 10...năm 2017

TL. CHÁNH VĂN PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG VĂN THƯ - LƯU TRỮ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Toàn



49

th
ESCAP/WMO
TYPHOON COMMITTEE

Yokohama • Japan 21-24 February 2017



ESCAP/WMO
Typhoon Committee

ESCAP

WMO

TABLE OF CONTENTS
Forty-Ninth Session of Typhoon Committee

	PART I – DECISIONS OF THE COMMITTEE	1
	PART II – PROCEEDINGS OF THE COMMITTEE	2
I.	ORGANIZATION OF THE SESSION Opening of the Session (agenda item 1)	3
II.	REPORT ON CREDENTIAL COMMITTEE (agenda item 2)	4
III.	ELECTION OF OFFICERS (agenda item 3)	4
IV.	ADOPTION OF THE AGENDA (agenda item 4)	4
V.	TECHNICAL PRESENTATION AND CROSS CUTTING PROJECTS (agenda item 5) 5.1 Summary of the 2016 typhoon season 5.2 Verification of tropical cyclone operational forecast in 2016 typhoon season 5.3 Recent activities and new technologies of typhoon forecasts and warnings 5.4 Cross cutting projects 5.4.1. Report on the Progress of Experiment on Typhoon Intensity Change in Coastal Area (EXOTICCA) and its Annual Implementation Plan 5.4.2. SSOP-II Implementation Plan 5.4.3. ESCAP innovative financing for the Typhoon Committee and Panel on Tropical Cyclones	4
VI.	REPORT ON TC'S KEY ACTIVITIES AND OVERVIEW SUMMARY OF MEMBERS' REPORTS (agenda item 6) 6.1 Report on TC's Key Activities and Main Events in the Region 6.2 Overview Summary of Members' Reports	6
VII.	REVIEW OF THE ACTIVITIES OF RSMC TOKYO AND AMENDMENTS OF TOM (agenda 7) 7.1 Review of the activities of RSMC Tokyo 2016 7.2 Typhoon Committee Operational Manual (TOM)	7
VIII.	REPORTS OF TC WORKING GROUPS AND TRCG (agenda 8) 8.1 Working Group on Meteorology (WGM) Report 8.2 Working Group on Hydrology (WGH) Report 8.3 Working Group on Disaster Risk Reduction (WGDRR) Report 8.4 Training and Research Coordination Group (TRCG) Report	8
IX.	REPORTS OF TCS AND AWG (agenda 9) 9.1 Typhoon Committee Secretariat (TCS) Report 9.2 Advisory Working Group (AWG) Report	22
X.	APPOINTMENT OF AWG CHAIRPERSON AND VICE-CHAIRPERSONS (agenda item 10)	23
XI.	LONG TERM MECHANISM FOR TC SECRETARY APPOINTMENT (agenda 11)	24
XII.	HOSTING OF TCS (agenda item 12)	24
XIII.	STRATEGIC PLAN 2017-2021 (agenda item 13)	24
XIV.	PUBLICATIONS (agenda 14)	24
XV.	PROGRAMME FOR 2017 AND BEYOND (agenda item 15) 15.1 TC50 Anniversary 15.2 Replacement of Typhoon Names	25
XVI.	COORDINATION WITH OTHER ACTIVITIES OF THE WMO TROPICAL CYCLONE PROGRAMME (agenda item 16) • 2016 Activities of WMO/CAS Working Group on Tropical Meteorology Research	25

000047

XVII.	SUPPORT REQUIRED FOR THE COMMITTEE'S PROGRAMME (agenda item 17) 17.1 Technical Cooperation 17.2 In-kind Contributions 17.3 Typhoon Committee Trust Fund (TCTF) by WMO 17.4 Approval of Typhoon Committee Trust Fund 2017/2018 Budget	27
XVIII.	DATE AND PLACE FOR THE 12th INTEGRATED WORKSHOP AND TRCG MEETING (agenda item 18)	28
XIX.	HOSTING OF THE 13th INTEGRATED WORKSHOP (agenda item 19)	28
XX.	DATE AND PLACE FOR THE 50th TC Session (agenda item 20)	28
XXI.	HOSTING OF THE 51st TC Session (agenda item 21)	28
XXII.	OTHER BUSINESS (agenda item 22)	28
XXIII.	ADOPTION OF THE REPORT (agenda item 23)	28
XXIV.	CLOSURE OF THE SESSION (agenda item 24)	28

REPORT OF THE FORTY-NINTH SESSION
OF TYPHOON COMMITTEE

Yokohama, Japan
21- 24 February 2017

PART I - DECISIONS OF THE COMMITTEE

1. The Committee decided to:
 - a. Approve the recommendations submitted by Credential Committee as provided in the **Appendix III**.
 - b. Approve the Typhoon Committee Operational Manual (TOM) with the amendments provided in the **Appendix XIII**.
 - c. Approve the recommendations submitted by Working Group on Meteorology (WGM) as expressed in **paragraph 51**.
 - d. Approve the recommendations submitted by Working Group on Hydrology (WGH) as expressed in **paragraph 70**.
 - e. Approve the recommendations submitted by Working Group on Disaster Risk Reduction (WGDRR) as expressed in **paragraph 91**.
 - f. Approve the recommendations submitted by Training and Research Coordination Group (TRCG) as expressed in **paragraph 99**.
 - g. Approve the recommendations submitted by Typhoon Committee Secretariat (TCS) as presented in **paragraph 103**.
 - h. Request AWG to follow up on the need for an Executive Summary as expressed **paragraph 29**.
 - i. Approve the Terms and Conditions of the EXOTICCA as provided in **Appendix VIII**.
 - j. Request TCS to invite Members to join based on the Terms and Conditions of EXOTICCA, expressing the benefits on joining the project.
 - k. Set up Steering Committee (SC) for SSOP-II, which will be composed of AWG Chair, TC Secretary and PTC Secretary.
 - l. Request SSOP-II SC to engage a Project Manager through consultation with TC and PTC Members.
 - m. Request TCS to communicate with ESCAP on RIMES involvement in the SSOP-II.
 - n. Approve Mr. Raymond TANABE from USA as the Chairperson of AWG; Mr. Chiashi MUROI from Japan and Dr. T. C. LEE, from Hong Kong, China to serve as Vice-Chairpersons of AWG.
 - o. Approve the Long Term Mechanism for TC Secretary Appointment as **Appendix XXI**.
 - p. Accept the kind offer from Macao, China to host TCS for another four-year period from 2019 to 2022.
 - q. Approve the Strategic Plan 2017-2021 as shown in **Appendix XXIII**.
 - r. Request WGs review the priorities in the Strategic Plan 2017-2021 and submit updates

every year, as appropriate for approval at Sessions.

- s. Request the WGs to align future activities, including AOPs, with the Strategic Plan.
- t. Approve the activities for the celebration of the 50th Anniversary of Typhoon Committee as shown in Appendix XXIV.
- u. Approve the proposal to establish a TECO Task Team and a TC50 Session Task Team.
- v. Request TCS to send letters informing Members about TECO and TC50 Session Task Teams and to invite Members to nominate representatives to join the TC50 Session Task Team.
- w. Approve the dates for the TECO from 26 to 27 February 2018 and for TC50 Session from 28 February to 03 March 2018, which will be held in Ha Noi, Viet Nam.
- x. Approve KOGUMA, CEMPAKA, SAUDEL and SURIGAE as replacement names for KOPPU, MELOR, SOUDELOR and MUJIGAE, respectively, in the list of the names of tropical cyclones.
- y. Approve retirement of the names of tropical cyclone HAIMA, SARIKA, NOCK-TEN, MERANTI and request TCS to issue letters to relevant Members (China, Cambodia, Lao, PDR and Malaysia) to provide replacement names in accordance with the Committee's procedure.
- z. Approve the 2017/2018 Budget as presented below (see Appendix XXVIII for detail):

By Group	2017/2018
	Proposed
TCS	33,000.00
ALL WGS (IWS ONLY)	50,000.00
TRCG	7,500.00
WGM	21,000.00
WGH	14,000.00
WGDRR	21,500.00
TOTAL	147,000.00
Plus	
Special Request Budget for WGs and TC50 events	96,000.00
Total	96,000.00
Total Proposed Budget plus Special Request Budget in 2017 and TC50 events in 2018	243,000.00

- aa. Approve the change of TC financial period from 01 January-31 December to 01 April-31 March each year to facilitate the expenditure early in the calendar year required in support of the organization of the annual Session.
- bb. Accept the kind offer of Republic of Korea to host the 12th IWS, possibly in conjunction with the TRCG Meeting. The proposed dates are 30 October-03 November 2017 in Jeju, Republic of Korea.
- cc. Request TCS to work with WG Chairs on the theme for the 12th IWS and to consider including a session for EXOTICCA. Request TCS to circulate the proposed arrangements to Members.
- dd. Accept the kind offer of Thailand to host the 13th IWS in 2018, pending final formal government approval. The final date and place will be confirmed in due course by Thailand and later communicated to TCS.

PART II – PROCEEDINGS OF THE COMMITTEE

I. ORGANIZATION OF THE SESSION

2. The Forty-Ninth Session of the ESCAP/WMO Typhoon Committee (TC) was held at the Pacifico Yokohama, Yokohama, Japan, from 21 to 24 February 2017.

The Session was attended by 98 participants from 13 of 14 Members of the Typhoon Committee, namely: Cambodia; China; Hong Kong, China; Japan; Lao People's Democratic Republic (PDR); Macao, China; Malaysia; Philippines; Republic of Korea; Singapore; Thailand; United States of America (USA); and the Socialist Republic of Viet Nam. Representatives of United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP), World Meteorological Organization (WMO) and Typhoon Committee Secretariat (TCS) also attended the Session.

The Session was attended by observers from Asian Disaster Reduction Center (ADRC), Joint Typhoon Warning Center (JTWC), International Federation of Red Cross and Red Crescent Societies (IFRC), Tohoku University of Japan, University of the Ryukyus, Japan and Yokohama National University, Japan. The list of participants is given in **Appendix I**.

Opening of the Session (agenda item 1)

3. The opening ceremony of the Session began at 9:30 am on Tuesday, 21 February 2017. Dr. Toshihiko HASHIDA, Director General of Japan Meteorological Agency (JMA), conducted the opening ceremony.
4. The following speeches were delivered at the opening ceremony and are provided in **Appendix II**:
 - a) **Mr. Yukinori NEMOTO**, Parliamentary Vice-Minister of Land, Infrastructure, Transport and Tourism, declared the 49th Session open and provided welcoming remarks.
 - b) **Dr. Petteri TAALAS**, Secretary-General, World Meteorological Organization.
 - c) **Mr. Sanjay SRIVASTAVA**, Chief, Disaster Risk Reduction, United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific.
 - d) **Mr. Raymond TANABE**, Chair of Typhoon Committee.
 - e) **Mr. YU Jixin**, Secretary of the Typhoon Committee.
 - f) **Mr. Kunihiro YAMAUCHI**, Director General, Global Environment Department, Japan International Cooperation Agency (JICA).
5. Dr. Roman L. KINTANAR Award for typhoon related disaster mitigation was presented to:
 - (i) **Meteorological Satellite Center of JMA**, in recognition of their commitment and outstanding achievements in observation, telecommunication and collection of radio report for meteorological, hydrological and terrestrial phenomena and related radiation from space using meteorological satellites, and their collaboration with Typhoon Committee Members on meteorological satellite data provision; and (ii) **Han River Flood Control Office (HRFCO)**, in recognition of their steady commitment and outstanding achievements towards the water-related disaster mitigation, and activities of TC Working Group on Hydrology, particularly in Extreme Flood Management Research and Development focusing on enhancement of the capacity building of flood forecasting and warning in Typhoon Committee Region.

II. REPORT ON CREDENTIAL COMMITTEE (agenda item 2)

6. Dr. LEI Xiaotu, Chair of WGM, Mr. Yoshio TOKUNAGA, Chair of WGH and Dr. Jaehyun SHIM, Chair of WGDRR, as appointed members of the Credential Committee, reviewed the Credential Letters submitted by Members. Dr. Jaehyun SHIM, who was appointed as Chair of the Credential Committee at the 48th Session, presented the Summary Report of the Credential Committee which can be consulted at **Appendix III**.

III. ELECTION OF OFFICERS (agenda item 3)

7. Dr. Toshihiko HASHIDA, Director General JMA, was elected Chairperson and Prof. TRAN Hong Thai, Deputy Director General National Hydro-Meteorological Service of Viet Nam was elected Vice-Chairperson of the Committee.
8. Mr. Tom EVANS, Deputy Director, Central Pacific Hurricane Center of NOAA, National Weather Service (NWS), was elected Chairperson of the Drafting Committee.
9. Dr. LEI Xiaotu was appointed as Chair of the Credential Committee.

IV. ADOPTION OF THE AGENDA (agenda item 4)

10. The Committee adopted the agenda as shown in **Appendix IV**.

V. TECHNICAL PRESENTATIONS AND CROSS-CUTTING PROJECTS (agenda item 5)

5.1 Summary of the 2016 typhoon season

11. The Committee took note with appreciation of the review of the 2016 typhoon season provided by the RSMC Tokyo as provided in **Appendix V**.

5.2 Verification of tropical cyclone operational forecast in 2016 typhoon season

12. The Committee took note with appreciation of the report on Verification of tropical cyclone operational forecast in 2016 typhoon season provided by the Shanghai Typhoon Institute (STI) in **Appendix VI** and presented by Mr. CHEN Guomin on behalf of Dr. LEI Xiaotu, Chairperson of WGM. Hong Kong, China had provided comments and further information to update the verification.

5.3 Recent activities and new technologies of typhoon forecast and warnings

13. The technical lectures were presented as shown in **Appendix VII**. The Committee expressed its appreciation to all the lecturers and requested the TCS to post all the lecture papers/PowerPoint presentations on the TC website. The following technical lectures were presented:
 - a. Regional component of IN-MHEWS (International Network for Multi-hazard Early Warning System) - *Mr. Sanjay SRIVASTAVA, ESCAP.*
 - b. Recent policy progress for evacuation. - *Ms. Setsuko SAYA, Director, International Cooperation Division, Disaster Management Bureau, Cabinet Office.*
 - c. Reflecting the targets and indicators of the Sendai Framework for Disaster Risk Reduction to the new strategic plan of the Typhoon Committee - *Dr. Yuichi ONO, Professor, International Research Institute of Disaster Science, Tohoku University.*

- 830000.00
- d. Brief Introduction to China Emergency Early Warning Release Platform -- Mr. *CHENG Zhengquan*, *Guangdong Meteorological service, CMA*.
 - e. Introduction to Multi-hazard Risk-based Early Warning System in Japan- Mr. *Yasuo SEKITA*, *Director-General of Forecast Department, JMA*.
 - f. Utilization of radar composite for severe weather watches, warnings, and advisories - Mr. *Boonlert ARCHEVARAHUPROK*, *Expert on Research & Development for Meteorology, Thai Meteorological Department (TMD)*
 - g. The latest Model Simulation and Observational Studies in Japan - Dr. *Munehiko YAMAGUCHI*, Senior Researcher, MRI/JMA, Tropical Cyclone Research in Japan Model Simulation Studies - Dr. *Hironori FUDEYASU*, Associate Professor, Yokohama National University and Overview of Observational Studies of Tropical Cyclones in Japan - Dr. *Hiroyuki YAMADA*, Associate Professor, University of the Ryukyus.
 - h. Operational Hurricane Modeling at NOAA National Center for Environmental Prediction/Environmental Modeling Center (NCEP/EMC) - Dr. *Avichal MEHRA*, *NOAA, USA*.
 - i. Activities of Numerical Weather Prediction for Typhoon forecast at Japan Meteorological Agency - Mr. *Masayuki NAKAGAWA*, *Numerical Prediction Division, JMA*.
 - j. The recent progresses in tropical cyclone forecasting service at the National Hydro-Meteorological Service of Socialist Republic of Viet Nam - Mr. *VO Van Hoa*, *Director Red River Delta Regional Hydro-Meteorological Center, NHMS*.
 - k. 2016 CMA Typhoon Forecast Performance and Challenges - Mr. *QIAN Chuanhai*, *National Meteorological Center, China Meteorological Administration (CMA)*
 - l. Development of objective forecast guidance on rapid intensification of tropical cyclones over the western North Pacific - Dr. *T.C. LEE*, *Hong Kong Observatory*.
 - m. Introduction of Himawari-8/9 for Typhoon Monitoring - Mr. *Kazumi KAMIDE*, *Meteorological Satellite Center, JMA*.
 - n. Climate Mechanism for Stronger Typhoon in a Warmer World. - Dr. *Nam-Young KANG*, *National Typhoon Center/Korea Meteorological Administration (KMA)*.
 - o. Flash Flood Risk Information for Local Resilience - Dr. *Toshio KOIKE*, *Director, International Water Hazard and Risk Management, Public Works Research Institutes, Japan*.

5.4 Cross cutting Projects

5.4.1 Report on the Progress of Experiment on Typhoon Intensity Change in Coastal Area (EXOTICCA) and its Annual Implementation Plan

14. The Committee took note with appreciation of the progress report EXOTICCA provided by the WGM Chair, Dr. *LEI Xiaotu* as provided in **Appendix VIII**.
15. The Committee discussed the update and approved the Terms and Condition of EXOTICCA.
16. The Committee expressed that all the Members should be invited to join the project and request the Organizing Committee (OC) to find a way to accommodate other Members on the project.
17. The Committee made a suggestion to hold an EXOTICCA Workshop to encourage Members to participate.
18. The Committee request TCS to invite Members to join this project based on the Terms and Conditions of EXOTICCA expressing the benefits on joining the project.

5.4.2 SSOP-II Implementation Plan

19. The Committee reviewed the final version of the ESCAP-funding application for the proposal of the Project on SSOP-II: Implementation of Synergized Standard Operating Procedures (SSOP) for Coastal Multi-hazard Early Warning System, and noted the progresses made in 2016. The details can be found in the Appendix IX.
20. The Committee noted with pleasure that TCS made its efforts on the Proposal, and also expressed its appreciation to ESCAP for its support and cooperation on the application.
21. The Committee also requested Advisory Working Group (AWG), the Working Groups and Regional Specialized Meteorological Center (RSMC)-Tokyo, in cooperation with TCS, to proceed with the project of SSOP-II should funds become available.
22. The Committee discussed the need to have a Steering Committee and a Project Manager for the SSOP-II
23. The Committee requests AWG Chair to be part of the Steering Committee (SC) and to consult the Members

5.4.3 ESCAP innovative financing for the Typhoon Committee and Panel on Tropical Cyclones

24. The Committee took note with appreciation the presentation on ESCAP innovative financing for the Typhoon Committee and Panel on Tropical Cyclones.

VI. REPORT ON TC'S KEY ACTIVITIES AND OVERVIEW SUMMARY OF MEMBERS' REPORTS (agenda item 6)

6.1 Report on TC's Key Activities and Main Events in the Region

25. The Committee took note of the report of the Typhoon Committee Chairperson on the TC's Key Activities and Main Events in the Region, 2016 (Appendix X).
26. The Committee expressed appreciation to the contributions of Mr. Raymond TANABE and Dr. Toshihiko HASHIDA as the chairperson and Vice Chairperson of the Committee.
27. The Committee dealt with related issues under the relevant agenda items.

6.2 Overview Summary of Members' Reports

28. The Committee took note of the Summary of Members' Reports 2016 (Appendix XI) that highlighted the key tropical cyclone impacts on Members in 2016 and the major activities undertaken by Members under the various KRAs and components during the year.
29. The Committee took note of the proposed Summary statement of Members' Report, and request AWG to assess further the need for including an overall Executive Summary for the Session Report and Members' Report to be sent to Members' governments in the future.
30. The Committee expressed its sincere appreciation to AWG Chair for preparing the Summary of Members' Reports and the observations made with respect to the trends in Key Result Area (KRA) activities under the different components.

020000

VII. REVIEW OF THE ACTIVITIES OF RSMC TOKYO AND AMENDMENTS OF TOM (agenda item 7)

7.1 Review of the activities of the Regional Specialized Meteorological Center (RSMC) Tokyo 2016 (Appendix XII)

31. The Committee was pleased that RSMC Tokyo began providing multi-scenario storm surge predictions as well as ensemble wave forecasts based on the JMA's Typhoon Ensemble Prediction System (TEPS) to the Committee Members, in June and August 2016 respectively. Verification of the storm surge prediction using tidal data available was also conducted. The Committee expressed its gratitude to RSMC Tokyo for provision of storm surge forecasts to the TC Members and sharing information on storm surges through the annual TC attachment training.
32. The Committee with appreciation noted that RSMC Tokyo began providing TC genesis prediction, i.e. Tropical Cyclone Activity Prediction maps using ensembles of ECMWF and UKMO in June 2016.
33. The Committee was informed that RSMC Tokyo started tropical cyclone satellite re-analysis in 2012 for the period from 1981 to confirm and improve the quality of the Current Intensity (CI) number in the satellite TC analysis. Re-analysis for the period from 1987 to 1995 has been completed. In addition, TC satellite analysis datasets for the period from 2004 to 2013 were investigated and the re-analysis was partially completed. RSMC Tokyo plans to complete re-analysis 1987 to 2013 by the end of 2018.
34. The Committee was informed that RSMC Tokyo is continuing experimental provision of TC advisory in CAP format at the JMA website (http://www.jma.go.jp/jma/jma-eng/jma-center/rsmc-hp-pub-eg/RSMC_HP.htm) since 12 November 2012.
35. The Committee was pleased that an experimental test of radar data sharing among RSMC Tokyo, Thai Meteorological Department (TMD) and Malaysia Meteorological Department (MMD) were stated in 2016. It also noted with appreciation that a technical meeting was held at the JMA headquarters in November-December 2016 to discuss technical issues to improve data quality of nationwide radar composite maps developed by TMD, to provide technical assistance in application of the JMA's QPE technique to the TMD's radar data, and to identify the way forward.
36. The Committee was informed that RSMC Tokyo, in cooperation with RSMC Honolulu, developed and circulated a draft Tropical Cyclone Forecaster Competency, responding to the discussion at the 66th WMO Executive Council. It noted with appreciation that, in 2017, the RSMC's plan to organize a task team meeting to finalize the competency and discuss how to utilize it for future training activities in the Committee region.
37. The Committee noted with appreciation that RSMC Tokyo completed the comparison study on TC satellite analysis between CMA, HKO, JMA, and JTWC, and developed the final report, including a set of recommendations toward more harmonized TC intensity analysis, in the western North Pacific.
38. The Committee was informed that in March 2016, RSMC Tokyo upgraded graphical Tropical cyclone advisories (TCAs) by using a new Himawari-8 product for identifying Cb areas around TCs.
39. The Committee with pleasure noted that Himawari-9 geostationary meteorological satellite was successfully launched on 2 November 2016. It noted with appreciation that a series of expert missions were conducted to Cambodia, Malaysia, Singapore, Thailand, Viet Nam, and the Philippines to enhance weather monitoring and forecasting capacity using Himawari-

8/9 products. It further welcomed the intention of RSMC Tokyo to continue providing technical supports for Members to utilize Himawari products.

40. The Committee noted with appreciation that RSMC Tokyo published the RSMC Tokyo Technical Review No.18 and the Annual Report on Activities of the RSMC Tokyo in March and December 2016 respectively.
41. The Committee was pleased that RSMC Tokyo conducted the 16th Attachment Training from 15 to 26 August 2016, inviting three forecasters from Lao P.D.R., the Philippines, and Viet Nam. In accordance with the decision of the third joint session of the Panel on Tropical Cyclone (PTC) and the Typhoon Committee, RSMC Tokyo, ESCAP, WMO, and PTC secretariats invited three forecasters from PTC Members, i.e., Oman, Pakistan and Sri Lanka with the Japan Trust Fund. The Committee with pleasure noted that RSMC Tokyo extended the training course by 2 days to provide lectures on TC warning developments with the financial supports of the WMO Secretariat.

7.2 Typhoon Committee Operational Manual (TOM)

42. The Committee noted that the Typhoon Committee Operational Manual (TOM) rapporteur requests WMO to publish and upload the 2016 edition of TOM on the Tropical Cyclone Programme (TCP) Website as submitted by the Rapporteur, with the amendments given in Appendix XIII.
43. The Committee expressed its appreciation to the rapporteur for update of TOM.

VIII. REPORTS OF TC WORKING GROUPS AND TRCG (agenda item 8)

44. Parallel sessions of the Working Groups on Meteorology, Hydrology and Disaster Risk Reduction were convened during the 11th IWS to review progress of work during the past year, identify priorities for cooperation and make recommendations to the Committee.
45. The outcomes of the parallel sessions of the three Working Groups were reported to the plenary session as given in the following sections.

8.1. Meteorological Component

46. The Committee took note of the Members' activities and major progress and issues in Meteorological Component in 2016 as reported by Members at the 11th IWS.
47. The Committee reviewed the activities of Members in implementing the TC Strategic Plan and its annual operating plan in relation to Meteorological Component during the past year, details of which are presented in Appendix XIV.
48. The Committee took note of the outcomes of the WGM Parallel Session at the 11th IWS on 25-26 October 2016. With the help of WMO/TCP and TCS, and the sincere cooperation of all Members, WGM has successfully completed the tasks in 2016 with significant outcomes as follows:
 - a. WGM has fulfilled all the plans (including 5 POPs, 8 AOPs and 2 PPs) which were endorsed at the 48th Session.
 - b. RSMC Tokyo provided a variety of tropical cyclone products including ensemble tropical cyclone track guidance of ECMWF, NCEP and JMA, and ensemble tropical cyclone genesis guidance. Two- and five-day prediction maps were included in the NTP web site from June 2016.

- c. RSMC Tokyo drafted the final report for harmonization of tropical cyclone intensity analysis and circulated to CMA, HKO, JTWC for their feedback. A list of recommendations was provided and TC Members were encouraged to follow with their own efforts and/or through collaborative efforts under TC.
- d. Literature review (including non-English papers) and discussion for the 3rd Assessment Report on the impact of climate change on tropical cyclones in TC region were carried out by the Members in 2016. A survey and an expert symposium will be held in 2017.
- e. WGM has provided help for WMO demonstration project (WMO-TLFDP and UPDRAFT) and TC cross-cutting project (EXOTICCA). Field campaigns were carried out by STI/CMA and HKO for selected tropical cyclones, and with coordination from HRD, STI/CMA finished the experimental study on the preliminary evaluation of the first rocket-deployed dropsonde observation in STY Mujigae (2015).

49. The Committee further noted the following WGM activities in 2016:

- a. A joint workshop for EXOTICCA and WMO-TLFDP was held in Shanghai on 21 October 2016 on the target data using in-structure analysis and typhoon numerical model. Data policy for field observation was also discussed.
- b. A technology transfer of Typhoon Analysis and Prediction System (TAPS) was conducted by NTC/KMA for PAGASA, Philippines between 13-14 October 2016. The technology transfer included three lectures and practice classes which showed the typhoon forecast process and structure of TAPS.
- c. A research fellowship scheme was offered by STI on tropical cyclone genesis forecast technique. The objectives of the research were to develop techniques for tropical cyclone genesis forecast and implement them in STI's objective typhoon forecast system, and provide the forecast products to Members through WMO-TLFDP's web site. The fellowship was offered to DPR Korea in November 2016.
- d. A technical meeting on radar composite map project was held in Japan between JMA and TMD experts from 29 November to 2 December 2016 to discuss issues on the project such as quality management, algorithm for developing QPE product and further utilization and sharing of radar data.
- e. Experts from USA and Thailand were invited by STI in October 2016 to improve the influence of the TC Journal Tropical Cyclone Research and Review (TCRR) by providing guidance on editorial procedures, seeking and encouraging submission of articles from Members as well as international institutions, and accelerating publicity and promotional activities about the Journal. The first editorial board meeting was held in Shanghai on 21 October 2016.
- f. The WMO international training course and TC training course on tropical cyclone was held in the WMO Regional Training Center (RTC) and TC training center in Nanjing between 21 November and 2 December 2016. The workshop was to assist Members in their efforts to improve operational tropical cyclone forecast and warning through providing training and knowledge updates to its forecasters.

Conclusions of WGM:

50. On the basis of the information provided by Members and the respective coordinator of the action plans and based on the discussion during the 11th IWS, the following conclusions were reached:

- a. WGM action plans in 2016 were successfully completed.

- b. Members made important progress in the implementation of the TC Strategic Plan during the year 2016.
- c. Members made significant progress during 2016 in tropical cyclone monitoring and communication systems, data assimilation and numerical weather prediction systems, tropical cyclone forecast-aiding systems, and scientific understanding of tropical cyclone activities.
- d. Seasonal outlook information for number of typhoon genesis and track pattern issued by the KMA continued to be useful to TC Members.
- e. The web-based typhoon forum maintained by STI/CMA would be migrated to TCS web site to attract more TC Members, forecasters, scientists as well as the public.
- f. Up to September 2016, 14 issues of the TC Journal Tropical Cyclone Research and Review (TCRR) have been published (since 2012) with more than 79,000 downloads from the website. Two visiting editors from USA and Thailand were invited to STI in October 2016 to provide guidance of improving the editorial procedures, reviewing articles and inviting articles, and the first editorial board meeting was held in Shanghai on 21 October 2016.
- g. The NTC/KMA conducted another technology transfer of TAPS to PAGASA in the Philippines between 13-14 October 2016. During the visit, introduction and demonstration of TAPS as well as installation of the system on forecaster's computers were carried out.
- h. Performance of tropical cyclone track and intensity forecasts from operational forecast agencies and deterministic NWP models in 2015 was evaluated by STI. Real-time verifications on track and intensity forecasts were provided routinely through WMO-TLFDP website. STI/CMA hosted the TLFDP-III project meeting in Shanghai between 20-21 October 2016 with coordination of WMO, and a two-month research fellowship was offered to two experts from DPR Korea between October and November 2016.
- i. RSMC Tokyo relaunched the Numerical Typhoon Prediction (NTP) website in May 2015 and provided a variety of tropical cyclone products including ensemble tropical track guidance of ECMWF, NCEP and JMA. Multi-center grand-ensemble (MCGE) for tropical cyclone prediction was examined and two- and five-day prediction maps were included in the NTP web site from June 2016.
- j. The New Generation of TRAMS (NG-TRAMS), which included a 3-D reference atmosphere scheme and the coupling of dynamic and physical processes, was developed by CMA in 2016.
- k. The website of RFSC-Ha Noi of SWFDP for Southeast Asia continued to improve and provide global and regional (ensemble) NWP forecast products as well as guidance products. The domain of the regional models will be extended to cover Philippines and Myanmar.
- l. A technical meeting on the development of regional radar network was held in Japan between JMA and TMD experts to discuss issues on quality management, algorithm for developing QPE product and further utilization as well as sharing of radar data.
- m. Literature review (including non-English papers) and discussion for the 3rd Assessment Report on the impact of climate change on tropical cyclones in TC region were carried out by the Members in 2016. A survey and an expert symposium will be held in 2017.

- n. The storm surge prediction system developed by JMA continued and more stations were added. Maximum storm surge forecast for up to 6 scenarios (official forecast plus 5 scenarios from Typhoon EPS model) were provided in 2016.
- o. For EXOTICCA, STI carried out the field campaign on 3 target typhoons – Meranti (1614), Megi (1617) and Sarika (1621) in East China coastal area together with Zhejiang and Fujian Meteorology Service, while HKO carried out the field campaign on tropical depression on 26 July, typhoon NIDA on 1 August, low pressure area on 16 August, and the TS Dianmu on 18 August. With coordination from HRD, STI/CMA finished the experimental study on the preliminary evaluation of the first rocket-deployed dropsonde observation in STY Mujigae (2015).
- p. RSMC Tokyo drafted and updated the zero draft of the tropical cyclone forecasting competency based on the input and feedback from WGM Members. Members were also invited to nominate a focal point, preferably a tropical cyclone forecaster, for this project.
- q. RSMC Tokyo drafted the final report for harmonization of tropical cyclone intensity analysis and circulated to CMA, HKO, JTWC for their feedback. A list of recommendations was provided and TC Members were encouraged to follow with their own efforts and/or through collaborative efforts under TC.
- r. The quality of observation data and spatial distribution from the South China Sea (SCS), were assessed and re-processed. A new method was developed to estimate the intensity of tropical cyclones over central SCS and make landfall in the southern part of China and the performance was compared to using the Dvorak technique and satellite data.
- s. Based on the discussion during the 11th IWS on the action plans for 2017, and according to the new structure of the action plans, it was concluded that:
 - i. The POP items 1-5 will continue in 2017.
 - ii. The AOP items 1-8 will continue in 2017.
 - iii. The PP item 1 will be closed in 2017.
 - iv. The PP item 2 will continue in 2017 as item 1.
 - v. A new PP item 2, Collaborative Discussion (CoDI) platform on tropical cyclone (TC) analysis and forecast organized by CMA and HKO, will be established in 2017.
 - vi. The total budget proposed by WGM, which was also concurred at the AWG meeting after the 11th IWS, for undertaking the actions plans (AOPs, POPs and PPs) in 2017 was US\$21000. The financial support of US\$5000 for EXOTICCA OC meeting (workshop) and US\$5000 for TCRR expert team meeting will be allocated through the “Special funding request”.

Recommendations of WGM

- 51. On the basis of the outcomes of the WGM Parallel Session at the 11th IWS and subsequent discussion, the WGM made the following recommendations:
 - a. To request RSMC Tokyo and the WMO Regional Training Center (RTC) of Nanjing to continue the collaboration with TRCG and WGM to conduct the annual training for operational forecaster from TC Members.
 - b. To request KMA to further develop the techniques of typhoon seasonal prediction, and to provide the products of typhoon seasonal prediction for TC Members.
 - c. To request CMA and TCS to invite TC Members to assign staff as moderators of the web-based typhoon forum, to announce the forum in TCS Facebook page to attract the public to join the forum, and to make the forum serve as an exchange platform of

real-time information (extra observations data, operational forecast products, NWP data, pictures, video etc.).

- d. To request CMA and TCS to call for more contributions to the TC Journal Tropical Cyclone Research and Review (TCRR), particularly for special issue for TC50th, from TC Members and Working Groups. The contributions can include technical summaries and operation innovations, research achievements associated with Strategic Plan and AOP (and POP), and other research results and summaries in the past 50 years or few decades.
- e. To request KMA to train the typhoon forecasters of TC Members on the use of TAPS upon request, and provide follow-on technical assistance on the implementation of TAPS.
- f. To request CMA to continue post-season verification and reliability analysis on the operational forecasts of tropical cyclones, to provide real-time verification on tropical cyclone track and intensity through WMO-TLFDP website, and to further improve the evaluation system for tropical cyclone forecast in conjunction with WMO-TLFDP (to be included in the TC Fellowship Scheme).
- g. To request RSMC Tokyo to provide tropical cyclone genesis guidance of other global ensembles if necessary NWP data are available.
- h. To request CMA to increase model products and enhance the application of TRAMS, and to further improve the forecasting ability of TRAMS, especially for the intensity and precipitation forecasting.
- i. To request NHMS of Viet Nam to provide tropical cyclone track, intensity and severe weather forecasting charts based on global and regional NWP models, to extend forecast domain of regional NWP models to cover the east sea of Philippines and Myanmar.
- j. To request JMA to update quality control techniques applied to TMD and MMD radar network, to introduce the calibration process for QPE into operation of TMD radar and to request JMA, TMD and MMD to continue experimental test of radar data sharing among the three participating Members, and to share the experiences of the test with the RA II WIGOS radar project in southeast Asia.
- k. To request SMG to collaborate with TCS to conduct a survey on tropical cyclone impacts in TC region, and to organize an expert meeting for draft AR3-TC in 2017.
- l. To request JMA to provide astronomical tide estimate for stations in which the information is not available, to add storm surge time series to prediction points on the request of TC Members, and to verify storm surge predictions.
- m. To request CMA and HKO to implement the EXOTICCA field campaign collaboration among participating Members, to demonstrate research on tropical cyclone intensity change in conjunction with WMO-TLFDP (to be included in the TC Fellowship Scheme).
- n. To request RSMC Tokyo to set up a task team to review and finalize the draft tropical cyclone forecast competency, and to organize a task team meeting if funds are available.
- o. To request CMA to develop wind structure estimation method based on available surface observations.
- p. To endorse the action plans in 2017 (including 5 POPs, 8 AOPs and 2 PPs) as listed in Annex II of Appendix I – Summary Report for the WGM Parallel Meeting at the

11th IWS, which summarizes the above recommendations with additional action items.

- q. To endorse the WGM budget request included in the budget proposal to be submitted by AWG for TC's approval.
- r. To re-appoint Dr. LEI Xiaotu (China) as the Chair of WGM, Dr. Vincente B. MALANO (Philippines) and Ms. CHE Gayah Ismail (Malaysia) as Vice-chair of WGM.
- s. To appoint Mr. Chiashi MUROI as the new rapporteur of TOM.

8.2. Hydrological Component

- 52. The Committee reviewed the activities of the Members related to the implementation of the TC Strategic Plan and its annual operating plan (AOP) for the hydrological component during the past year. Details can be found in the **Appendix XV**.
- 53. The Committee noted that, the Members conducted a series of activities in 2016 on hydrological component and achieved remarkable progresses on capacity building of flood forecasting and warning; the serious water-related disaster events, including river flood, urban flood, flash flood and debris flow, and drought happened in some Members such as China, Laos, Japan, Malaysia, Philippines, Viet Nam, etc. The hydrological departments in the Members provided valuable service of flood forecasting and warning to the decision-making departments of the Governments.
- 54. The Committee noted with pleasure that, the 5th WGH working meeting was successfully held from 5 to 8 September 2016 in Seoul, the Republic of Korea with theme of "Extreme Flood Forecasting System and Practical Guidelines for the TC Region". Mr. Sung Eun KIM, the officer of Disaster Risk Reduction Section of UN-ESCAP, presented the "Building Resilience in Asia-Pacific: ESCAP Initiatives and Activities on Disaster Risk Reduction". The information and Requests/Recommendations from ESCAP Member States in his presentation definitely would play very important role for WGH to propose new cooperation project under the framework of ESCAP disaster risk reduction. The Committee expressed its appreciation to the Ministry of Land, Infrastructure and Transport (MOLIT) of the Republic of Korea (ROK), through Han River Flood Control Office (HRFCO) with cooperation of Korea Institute of Civil Engineering and Building Technology (KICT), for kindly hosting the meeting.
- 55. The Committee was informed on the implementation status in 2016 and future activities of on-going projects (AOPs):
 - a. SSOP-II: Implementation of Achievement of Project of Synergized Standard Operating Procedures (SSOP) for Coastal Multi-hazard Early Warning System.
 - b. Extreme Flood Forecasting System (EFFS).
 - c. Estimation for Socio-economic Impact of Sediment-related Disaster.
 - d. Development and Application of Operational System for Urban Flood Forecasting and Inundation Mapping (OSUFFIM) for TC Members.
 - e. Extension of Xin'anjiang Model Application in Selected River Basins in TC Members.
 - f. Guidelines for extreme flood risk management in TC Region.
- 56. The Committee noted that, the contribution from WGH to the project on SSOP-II: Implementation of Achievement of Project of SSOP for Coastal Multi-hazard Early Warning System. The Committee also noted the WGH is willing to cooperate with and integrated its

activities into the proposed SSOP-II, however, considering the final version of this initiative does not have any activity directly related to the Group, WGH agreed to remove the project from its AOP2017 list.

57. The Committee was informed that, the operation system for EFFS project, which is led by the HRFCO of ROK, has been established as Level-1 (stage method), Level-2 (Rainfall-Runoff model), Level-3 (Flood Forecasting using radar data) with PC-version, and Level-4 (Establishment of Emergency Action Plan) module will be completed in 2017. The Committee also was informed the report of field survey on EFFS in pilot Members, namely Lao PDR, Philippines and Thailand, is under drafting and hopefully be published in 2017 with combination of the Guideline for Extreme Flood Risk Management.
58. The Committee noted that, the project on Estimation for Socio-economic Impact of Sediment-related Disaster, which was proposed by Japan in 2013 and should be completed and closed in 2016, could not be moved forward because enough data regarding sediment-related disaster had not been collected from the Members in the past years; and WGH agreed the proposal to terminate this AOP from Japan-side at 11th Integrated Workshop which was held in Cebu, Philippine in October 2016.
59. The Committee noted with pleasure that, the project on OSUFFIM, which was led by China, made remarkable progresses and achievement in 2016, including:
 - The field Surveys for OSUFFIM pilot study in TC Members were conducted in Hat Yai, Thailand from 16 to 19 May 2016; in Dongguan, China from 25 to 28 August 2016; in Davao and Cebu, Philippines from 24-28 October 2016; and in Vientiane, Lao PDR from 29 November to 4 December 2016, respectively. Prof. Yangbo CHEN, and the staff from RID, Thailand; PAGASA, Philippines and DMH, Lao PDR joined the events, respectively.
 - The OSUFFIM has been put into operation in flood control office of Dongguan city government.
 - The English version of the System is on the stage of updating and the Guidelines of OSUFFIM is under drafting.
60. The Committee also was informed that, the project on OSUFFIM made ambitious implementation plan for 2017, including:
 - The pilot study in Hat Yai of Thailand will be continued and the operation system of OSUFFIM for Hat Yai is proposed to be installed in RID office for operation in trial in first quarter of 2017.
 - The field survey for pilot study in Malaysia with invitation from DID Malaysia is proposed to be conducted in first quarter of 2017 with present of Prof. Yangbo CHEN. DID Malaysia is willing to have a short technical seminar or training course during the field survey.
 - A training course on operation of OSUFFIM for selected piloting Members was proposed in March-April 2017 with funding support from SYS University of China.
 - A working meeting or seminar on Thai OSUFFIM application is proposed to hold in Guangzhou in third quarter of 2017.
 - The team will accomplish the Guideline drafting and publishing, and distribute at the 12th IWS to be held in Jeju, the Republic of Korea, from 30 October to 3 November 2017.
 - A 3-day conclusion workshop and training course on OSUFFIM application are proposed to be held in SYS University, Guangzhou, China at the end of 2017. China-side expressed its willingness to consider providing partially funding support for the participants from under-developed TC Members. China-side also expressed that the self-funded participants from all TC and PTC Members are welcome. If funding is available from extra resources (such as ESCAP, WMO), the participants from PTC

Members are welcome to join the proposed workshop/training course as one activity of enhancing the cooperation of two regional bodies.

61. The Committee noted that, considering this project was proposed to be closed in 2017, SYS University was requested from Members to conduct phase-II for OSUFFIM so that to extend the achievement of OSUFFIM to more TC Members. The Committee also noted with appreciation that Prof. CHEN Yangbo from SYS University, as chief scientist of OSUFFIM, is willing to contribute his knowledge and share his expertise on urban flood forecasting and inundation mapping to the Members.
62. The Committee noted that, the request to SYS University of China from Members to consider conducting phase-II for OSUFFIM to extend the application in selected pilot cities from more Members starting from 2018 after the current OSUFFIM project to be closed at 50th Annual Session of TC.
63. The Committee was informed that, the project on Extension of Xin'anjiang Model Application in Selected River Basins in TC Members, which is led by Bureau of Hydrology (BOH) of China, will be closed at TC 49th Session to be held in Japan in February. The final report drafted by BOH of China in cooperation with DID Malaysia was published as TC publication (TC/TD-No. 0012) of 2016. The Committee also noted that BOH, China is willing to provide the technical support to the interesting Members after this project.
64. The Committee noted the progresses achieved on the project of Guidelines for Extreme Flood Risk Management in 2016 led by of HRFCO in cooperation with KICT and Members. The Committee was informed that WGH set up a working team at 5th TC WGH meeting for reviewing and drafting Guidelines which is expected to be published in 2017.
65. The Committee noted the result of evaluating the effectiveness of on-going activities in WGH with the target to develop Members' capacity following the decision of the Committee made at 48th Session. The evaluating result indicated that, generally, most of the activities in WGH have very good effectiveness with the target to develop Members' capacity, and also have very important roles on enhancement of the close collaboration among Members.
66. The Committee noted that, WGH established the project-bank for next years under TC Strategic Plan and the strategic framework of ESCAP and WMO on water-related disaster reduction, which mainly focuses on enhancing the knowledge and capacity building on the management of water-related disaster risks for a resilient future in Typhoon Committee region, including:
 - Innovative flood forecasting for non-data river basin;
 - Flash flood (landslide, mud-flow) prediction and warning using QPE/QPF;
 - Extension the application of urban flood forecasting and inundation mapping;
 - Rainfall-runoff inundation mapping for river basins;
 - Radar and satellite data utilization in flood forecasting and warning;
 - Long-term forecasting for water resource management and drought monitoring and warning under climate change;
 - Data-sharing in transboundary rivers;
 - Dam operation for flood risk management under climate change.
67. The Committee noted that WGH requested and encouraged Members to propose and profile new cooperation projects on hydrological component. The Session was informed currently some initiatives have been under consideration, including:
 - ICHARM of Japan proposed a new project on Flash Flood Risk Information for Local Resilience to be officially launched at TC 49th Annual Session as WGH AOP 1 for the period from 2017 to 2019 with objective to develop a guidance tool for enhancing

local resilience to flash flood disaster risks and disseminate it among the WGH member countries.

- HRFCO of the Republic of Korea proposed two initiatives: (1) Application of Hydrological Data Quality Control System in TC Members, and (2) Enhancement of Flood Forecasting Reliability with Radar Rainfall Data and Stochastic Technique as two new WGH AOPs for the period from 2018 to 2022. Korea side will give shape to a work plan for these activities in 2017 through further discussion at 6th WGH working meeting, and will be officially launched at TC 50th Annual Session in 2018.
 - BOH of China proposed a new project on Impact Assessment of Climate Change on Water Resources Availability in TC Members as WGH new AOP for the period from 2018 to 2020 with the objective to predict quantitatively the water resources availability, particularly drought trend in TC members in the context of climate change.
68. The Committee noted that Dr. OKAZUMI, Toshio, Director of Ministry of Land, Infrastructure, Transportation and Tourism, MLITT being on behalf of Japan Focal point of WGH announced that MLITT will enhance its support to Typhoon Committee collaboration with ICHARM International Flood Initiative project, which Prof. KOIKE introduced at the Technical Presentation and other related projects of JICA and ADB.

Conclusions of WGH

69. On the basis of the outcomes 5th WGH working meeting and the discussion of the WGH Parallel Session at 11th IWS, the following conclusions were reached:
- The working meeting of WGH is very important to review hydrological activities, deep technical discussion and implementation status of WGH AOPs, and also is very necessary to prepare IWS and annual session. The funding support and contribution from the Republic of Korea played the vital role in organizing the annual working meeting. WGH encourages the more and wider resources to support the activities to keep its sustainability.
 - The proposal of the Project on SSOP-II: Implementation of Synergized Standard Operating Procedures (SSOP) for Coastal Multi-Hazards Early Warning System, under the ESCAP Trust Fund for Tsunami, Disaster and Climate Preparedness in Indian Ocean and Southeast Asian Countries, has been shortlisted and forwarded to the final step in the hardworking and efforts of TCS. This initiative has both a regional and national-level components with the major objective to training Members on how to prepare SSOP by using the Manual so that to promote the capacity building on multi-coastal disaster early warning. To ensure the effectiveness of implementation and measure the outcomes indicators at the evaluate stage, the Committee with the RSMC Tokyo and New Delhi could focus on project implementation at regional level, and the national level component can be implemented with the support from RIMES. Such collaboration may facilitate successful outcomes at both levels. The close cooperation from beneficiary countries and target countries is very important to a successful project.
 - It is recognized that, to promote the capacity of forecasting, early warning and risk management for urban flood is an urgent need among TC Members, especially the real-time operational system on urban flood forecasting and inundation mapping. As the subsequent activity of TC first Cross-cutting project of Urban Flood Risk Management (UFRM), the on-going project of WGH on Development and Application of Operational System for Urban Flood Forecasting and Inundation Mapping (OSUFFIM) is a tangible measure on this aspect and it will play very meaningful and important role for TC Members to promote the capacity on the technique of urban flood forecasting and warning. To extend the achievement of pilot study in the region is necessity and meaningful to promote the capacity on urban flood risk forecasting and warning. It also could be considered as an activity under the cooperation mechanism of TC and PTC.

- To develop the Extreme Flood Forecasting System and the Guidelines for Extreme Flood Risk Management will be definitely beneficial for the TC Members to strengthen their capacity on extreme flood risk reduction, especially under climate change. To enhance the achievement of development, the situation and needs on flood risk management in the Members should be considered and integrated into the System and Guidelines.
- It is a consensus on that, to draw up a plan on considering and proposing a bank of new cooperation projects under the umbrella of TC Strategic Plan in a linkage with the initiatives and activities of ESCAP and WMO would be an urgent matter at present for WGH since all on-going AOPs of WGH will be closed in 2016 and 2017. In order to conduct the cooperation projects sustainably in TC Members, WGH discussed and determined the list of topics as the priority cooperation activities for long-term direction to develop the Member's Capacity on water-related disaster risk forecasting and warning.

Recommendations of WGH

70. On the basis of the outcomes of 5th WGH working meeting and the discussion at the Parallel Session of 11th IWS and subsequent discussion, the WGH made the following recommendations:
- a. To appoint Mr. Yoshio TOKUNAGA from ICHARM of Japan as Chairperson, Dr. CHO Hyo Seob from HRFCD of the Republic of Korea and Dr. HOU Aizhong as Vice-Chairpersons of WGH, until the group selects a Chairperson and Vice-Chairpersons for the term of next two years to 51st Annual Session.
 - b. To request US\$14,000 from TCTF in total for supporting overall WGH activities for 2017 calendar year.
 - c. To request US\$6,000 special budget to support hosting OSUFFIM final workshop in SYS University, Guangzhou, China in the end of 2017.
 - d. To remove the SSOP-II from the list of WGH AOP2017 list.
 - e. To approve the proposal from ICHARM, Japan on Flash Flood Risk Information for Local Resilience by ICHARM of Japan as WGH AOP for the period from 2017 to 2019.
 - f. To request HRFCD, MOLIT of Republic of Korea to host WGH 6th working meeting with funding support in 2017.
 - g. To request SYS University, China to organize the final workshop on urban flood forecasting and inundation mapping with finding supporting. The workshop may be considered as one activity of enhancing the cooperation mechanism of two regional bodies of TC and PTC. The participants from PTC Members could be involved in the workshop if the funding is available from extra resources (such as ESCAP, WMO).
 - h. To request SYS University of China to consider the possibility of conducting phase-II for OSUFFIM to extent the application in more Members starting from 2018 after the current OSUFFIM project.
 - i. To request the Republic of Korea to draft the detail proposal for two initiatives, namely, the Application of Hydrological Data Quality Control System in TC Members, and the Application of Stochastic Flood Forecasting in TC Members as WGH new AOPs for the period from 2018 to 2022.
 - j. To request BOH of China to schedule the detail implementation plan for the initiative on Impact Assessment of Climate Change on Water Resources Availability in TC Members as WGH AOP for the period from 2018 to 2020.

- k. To encourage Members proposing and leading the cooperation projects for hydrological component.
- l. To request ESCAP and WMO to continue the support to implement further the ongoing project of real-time Operational System for Urban Flood Forecasting and Inundation Mapping (OSUFFIM), which can be used in PTC and TC region.
- m. To encourage the Beneficiary Countries and Target Countries to cooperate closely and forwardly with TCS on implementing SSOP-II should the funds become available.
- n. To request ESCAP and WMO to provide guidance and assistance to TC proceeding with the project of SSOP-II should funds become available.
- o. To continue focusing on improving the ability to forecast hydrological phenomena and provide measures for the effectiveness of the improvements.

8.3. Disaster Risk Reduction Component

- 71. The Committee took note of the activities; relevant major progress and issues related to Working Group on Disaster Risk Reduction (WGDRR) as presented in WGDRR report 2016.
- 72. The Committee took note of the outcome of Parallel Session of WGDRR at the 11th IWS that was held in Cebu, Philippines from 24 to 27 October 2016, details of which are presented in the **Appendix XVI**, which are included the progress of implementation of Annual Operating Projects of (AOPs) 2016 of WGDRR.
- 73. The Committee was informed that 11th WGDRR Annual Workshop was successfully held in Ulsan, Republic of Korea from 24 to 27 May 2016 with the theme of "Promoting Knowledge Sharing", which was hosted and funded by National Disaster Management Institute (NDMI) and AWG Members were invited to join the meeting. Details can be found in the **Appendix XVI**.
- 74. The Committee expressed its appreciation to National Disaster Management Institute (NDMI) for their kind contribution and continued support on WGDRR activities.
- 75. The Committee expressed its appreciation to Dr. SHIM Jaehyun from Republic of Korea for his remarkable contribution as the Chair of WGDRR in the past year and his acceptance for the recommendation by DRR Members to continue to serve as the Chair of WGDRR for the next term of two years.
- 76. The Committee expressed its appreciation to Dr. OH, Keumho from Republic of Korea for his contribution and effort serving as Vice Chair of WGDRR in the past year.
- 77. The Committee expressed its appreciation to Ms. LEONG Fong Peng, from Macao, China for her contribution and effort serving as the Vice Chair of WGDRR in the past year and her commitment to continually serve as the Vice Chair for the next term of two years by the recommendation from WGDRR Members.
- 78. The Committee was informed that the projects (AOPs) for 2017 recommended by WGDRR as follows:
 - a. AOP1: Expert Mission- the project aims to exchange and share information related to DRR policies and technologies among the Members in order to improve the capacities on DRR.
 - b. AOP2: Promote international cooperation DRR project- (a) Setting up early warning and alert systems related to typhoon disaster in the participating members and such

2200000

project is contributed by NDMI. (b) ICowin project- HKO provides training workshop with the basic equipment for setting up the community weather station in the participating member countries to engage the public in severe weather issues.

- c. AOP3: Benefit evaluation of typhoon disaster prevention and preparedness project- this project is led by Shanghai Typhoon Institute (STI), China that functions to establish a set evaluation index and provide an evaluation report that assists in decision-making basis for the optimization of typhoon disaster behavior. China will provide fellowship program to the Members for this project in 2017.
- d. AOP4: Supporting SSOP II Project- The SSOP Project Phase II that is aimed at implementing the Synergized Standard Operating Procedures (SSOP) for Coastal Multi-Hazards Early Warning System. The execution of this project (phase II) will be mainly focused on the training on how to establish an appropriate standard operating procedure (SOP) based on the published SSOP Manual and on promoting the TC and PTC Members' capacity building on Multi-hazards Risk early warning based on existing technical achievement for National Meteorological and Hydrological Services (NMHSs) in the 10 beneficiary countries. WGDRR will fully support this project.
- e. AOP5: Sharing information related to disaster risk management- In order to improve the capacities for Members' Disaster Management, WGDRR proposed a project to exchange information and experience regarding the use of IT in disaster management among Members in 2017.
- f. AOP6: Making the education videos related to DRR- WGDRR planned to produce education videos related to disaster management and share with the Members.

Conclusions of WGDRR

- 79. On the basis of the information provided by the Members, the reports presented by project leaders and findings of the parallel session on WGDRR, the following conclusions were reached:
- 80. In 2016, NDMI is working for upgrading the functions of TCDIS and the design of TCDIS website. The upgrade of TCDIS includes new function that users could get the site information from the existing CCTV. Also, it includes auto-reporting function. This function could provide the report, which consists of the results of similar typhoon search. NDMI will discontinue the work related to the update of TCDIS and will share the ID and password to member countries so that they can upload their damage data and operate TCDIS by themselves.
- 81. The expert mission was successfully conducted in China to share the updated information on the operation of TCDIS and exchange information regarding new technology and policy related to the field of DRR among NDMI, NDRCC, and CMA. The concept of expert mission will be changed as Knowledge Sharing including DRR technologies and policies among member countries. In 2017, Expert Mission was planned to conduct in Hawaii and Member countries agreed with the invitation of one member country's expert to join the 2017 expert mission.
- 82. The project to promote the international cooperation for disaster risk management, which is led by NDMI, will be continued in 2017 for Lao PDR and Viet Nam. In September, NDMI dispatched the experts to Lao PDR for installing the Automatic Rainfall Warning System (ARWS) and Flash Flood Alert System (FFAS) in Vang Vieng Province in Lao PDR. NDMI will also install FFAS and ARWS in Viet Nam in March 2017. The project will be continued in 2017 for Lao PDR and Viet Nam and NDMI encourage the participation of other member countries in this project.

83. Regarding the iCowin project that aims to raise public awareness of weather hazards and climate change through installation of community weather station: the system has been installed in Mindanao Island in the Philippines and Guam (2012) and in Viet Nam (2015) respectively. Though the training workshops in HK were successfully implemented, some Members did not successfully implement the project. There were various reasons, including those, which were related to local data communications constraints that would need assistance from local instrument experts even though advice could be provided by HKO. (E.g. Lao PDR sent representative to attend the training and got the equipment from HK in 2014 but the installation has not been started. HK suggested that Lao PDR could send instrument experts to HK to learn about the installation and data communication issues.). In 2016, Malaysia had expressed interest in participating in this project but no confirmation was received by Hong Kong until now, HKO suggested the training workshop for Malaysia to be postponed to 2017. In addition, for the cost effectiveness, HKO also suggested conducting the training with at least 2 Members' participation. During the parallel meeting, Lao PDR, USA and Malaysia indicated their intention to join the project in 2017. It will be confirmed in the upcoming session with the interested members.
84. SWIget Project (led by HKO): The project is considered successfully completed as many Members have joint. It will continue to operate and be available on the World Meteorological Organization Severe Weather Information Centre (SWIC) website for download by users. As such, HKO suggested removing regular reporting of this project from WGD RR AOPs. After the discussion, WGD RR agreed with Hong Kong's suggestion to remove the project from AOPs next year.
85. Benefit evaluation of Typhoon Disaster Prevention and Preparedness: These improvements are: (1) To collect intensity forecast data of CMA from 2002 to 2013 and renew the analysis of the relationship between direct economic loss and track or intensity forecast errors based on cases during 2002 – 2013. (2) To study the impact of track and intensity forecast on damage assessment based on data from China; (3) the benefit evaluated from track and intensity forecast based on data from China has finished and a paper in Chinese was published this year. During the WGD RR expert mission this year in Beijing, China in September 2016, NDMI had requested China to provide a list to Members regarding the data collection required for this project. In the parallel meeting, some Members indicated their interest in this project and asked whether China could provide the English version of this report. In this regard, China had agreed and sent the English version of the report for Members' reference and TCS will follow up with the coordination.
86. SSOP (phase II) project: TCS is waiting for the response from ESCAP regarding the approval for SSOP II revised proposal. If the proposal has been approved and finalized, WGD RR will fully support the implementation of the project.
87. Regarding the 2016 WGD RR AOP 6 of sharing information (e.g. legal framework, policy framework through member countries), what sort of information and how to share it were discussed. Member countries agreed with sharing information of disaster law and disaster management framework. In addition, it was suggested to use the TC website for Members to upload their disaster law and disaster framework information. After 11th IWS, TCS has developed a forum as requested by Working Group in November 2016 and has informed the DRR Members that the forum is available for sharing the relevant information.
88. It was suggested to share the information of smart disaster management system including social media or IT solutions. Also, members will share the successful examples after improving DRR regulation or policies. These information would be shared in 2017 WGD RR annual meeting in Korea.
89. Regarding the research of benefit evaluation of Typhoon Disaster Prevention and Preparedness, STI agreed with the operation of the fellowship program for co-research between STI and member countries.

90. Regarding sharing information, NDMI suggested the sharing of existing educational materials related to DRR. In 2017, NDMI will modify and translate its existing video-material to English.

RECOMMENDATIONS of WGDRR

91. On the basis of the conclusion of discussion and deliberations, the WGDRR made the following recommendations:
- a. To allocate US\$ 21,500 budget of TCTF in 2017 for i) supporting the participation of TCS and one member country in Expert Mission; ii) supporting the community based weather station pilot project to provide a training workshop in HK or dispatch experts to interested members by HK to install the weather stations and to provide technical documentation on installation, maintenance and data processing and display; iii) supporting the fellowship program for co-research work between Shanghai Typhoon Institute and member countries about benefit evaluation of Typhoon disaster prevention and preparedness; iv) supporting modifying and translating NDMI's existing educational materials(video) to English.
 - b. To remove the update of TCDIS project from WGDRR AOPs.
 - c. To request NDMI to conduct the Expert Mission that aims to exchange knowledge and information related to DRR (technologies and policies) among member countries. Tentatively, WGDRR decided to conduct the Expert Mission in Hawaii in 2017 and invite one member country's DRR expert to join.
 - d. To request HKO to conduct training workshop for the iCowin Project. Lao PDR, Malaysia and USA had expressed their interest to participate in the project.
 - e. To request NDMI to continue to conduct the installation project of early warning and alert system related to typhoon disaster in Lao PDR and Viet Nam.
 - f. To request STI, China to conduct a fellowship program on the project of benefit evaluation of Typhoon Disaster Prevention and Preparedness for Members, which was tentatively planned for two Members' participation.
 - g. To remove the SWiget Project from WGDRR AOPs.
 - h. To request the Members to share the information related to disaster risk management. WGDRR will continue to collect the information regarding the use of IT technologies in Disaster Management, such as social media or apps in order to improve Members' DRR policies. It was suggested the discussion topic of WGDRR annual meeting 2017 could be related to this subject.
 - i. To encourage Members to fully support and contribute to SSOP Project Phase II.
 - j. To request NDMI of Republic of Korea to continue to host the 12th WGDRR annual meeting with the funding support in Republic of Korea.
 - k. To request NDMI to make a video related to DRR education sharing with the Members.
 - l. To reappoint Dr. SHIM, Jaehyun (ROK) as the Chair of WGDRR and Ms. LEONG, Fong Peng as the Vice-chair of WGDRR.
 - m. To appoint Ms. MILLER, Genevieve (USA) as Vice-Chair of WGDRR replacing the current Vice-Chair, Mr. OH, Keumho (ROK).

8.4. Training and Research Coordination Group (TRCG)

92. The Committee took note of the progress made in training and research activities as presented in the TRCG Report 2016. (Appendix XVI)
93. The Committee expressed its appreciation to the National Hydro-Meteorological Service of Viet Nam (NHMS) for hosting the Roving Seminar in Ha Noi, Viet Nam and the support of resource persons by Japan, USA and Hong Kong, China.
94. The Committee thanked China, Hong Kong, China and Republic of Korea for hosting research fellowship programs in 2016.
95. The Committee took note of the successful completion of the RSMC Tokyo training attachment of six forecasters from TC and PTC Members, including Lao PDR, the Philippines, Viet Nam, Oman, Pakistan and Sri Lanka, and expressed its appreciation to JMA and WMO TCP for continuously supporting this capacity-building initiative.
96. The Committee thanked China for offering Typhoon Forecaster Training for four forecasters from Thailand, Viet Nam and DPR Korea.
97. The Committee took note the proposal of organizing the 3rd TRCG Forum in the form of a "technical conference like" event in conjunction with the 50th Session of the Typhoon Committee (TC50) in 2018 with the proposed main theme on "Embracing new technologies and knowledge to meet the challenges in the 21st century".
98. The Committee appreciated TRCG's input in support of training and research activities in connection with TC's cross-cutting projects.

RECOMMENDATIONS of TRCG:

99. On the basis of the conclusions reached by the deliberation of Members, the TRCG made the following recommendations:
 - a. To re-appoint Dr. T.C. LEE (Hong Kong, China) and Mr. Roger EDSON (USA) as Chairperson and Vice Chairperson of TRCG respectively.
 - b. To request Members to confirm their respective focal points as members of TRCG and update the list of resource persons as appropriate.
 - c. To endorse the priority training and research areas as proposed in TRCG Report 2016.
 - d. To endorse the organization of Technical Conference (TECO) in conjunction with the TC50 to be held in Viet Nam in 2018.
 - e. To endorse the TRCG AOP and budget request which are included in the budget proposal to be submitted by AWG.

IX. REPORTS OF THE TCS AND AWG (agenda item 9)

9.1 Activities of TCS

100. The Committee took note of the report of the Typhoon Committee Secretariat (Appendix XVIII).
101. The Committee noted with appreciation the TCS's activities 2016 in order to enhance support to Members, increase the visibility of Typhoon Committee, and to improve the TC

820000 1
700
website to share the forecast products and information, and to coordinate Working Groups to evaluate the effectiveness of the activities in the Committee.

102. The Committee expressed appreciation to Members for their donation for the Typhoon Committee Trust Fund and in-kind contributions, and encourage Members to continue support activities of the Committee.

RECOMMENDATIONS of TCS

103. Based on the experience of routine operation in 2016 and in the past years, and considering needs and possibility, TCS made the following recommendations to TC 49th Session for consideration:
- a. To allocate US\$28,000 from TCTF for supporting overall TCS activities; US\$3,000 for supporting IWS hosting in 2017 and US\$2000 for IWS related activities;
 - b. To express appreciations to Members for their donation for the Typhoon Committee Trust Fund and in-kind contributions, encourage Members to continue support activities of the Committee.
 - c. To thank Members for their cooperation on SSOP project and encourage continuing the support SSOP phase II to benefit all Members of the TC and PTC.

9.2 Activities of AWG

104. The Committee was informed of the activities of the AWG as presented in the AWG Report 2016. (Appendix XIX)
105. The Committee was briefed on the major issues discussed at the AWG meeting in Cebu, Philippines on 28 October 2016.
106. The Committee was informed of the preparation of the budget for 2017, including items in support of activities for the celebration of 50th Anniversary of Typhoon Committee as well as other non-recurring items for special funding consideration.
107. The Committee was informed of the progress and proposals relating to the review and update of the Typhoon Committee Strategic Plan for the next 5-year period of 2017 - 2021.
108. The Committee expressed its sincere appreciation to AWG for offering advice and support to TC Chairperson and TCS in following up the key issues identified at the last Session and in coordinating key TC activities.

RECOMMENDATIONS of AWG

109. AWG recommended the Committee to:
- a. Take note of the progress and recommendations made in the planning and implementation of TC activities, including the preparation of the budget for 2017.
 - b. Consider and adopt the proposed Strategic Plan for 2017 - 2021 (refer to Agenda Item 13).

X. APPOINTMENT OF AWG CHAIR AND VICE CHAIRS (agenda item 10)

110. The Committee took note of the Terms of Reference of AWG and the nominations of AWG Chair and Vice Chairs. (Appendix XX)

111. The Committee received two nominations for AWG Chair and three nominations for Vice-Chairs. One of the Chair and Vice-Chair nominations declined consideration.
112. The Committee approved Mr. Raymond TANABE from USA as the Chairperson of AWG; Mr. Chiashi MUROI from Japan and Dr. T. C. LEE, from Hong Kong, China to serve as vice-chairpersons of AWG.
113. The Committee expressed highly appreciation to Mr. Edwin S. T. LAI from Hong Kong, China for his excellent contributions when he served as the Chair of AWG since the 45th Session of the Committee in 2013.

XI. REVIEW OF THE LONG TERM MECHANISM FOR TC SECRETARY APPOINTMENT (agenda item 11)

114. The Committee took note the presentation made by AWG Chair, with the revised procedures on the Long Term Mechanism following the 11th IWS in the Philippines.
115. The Committee expressed high appreciation to the Members in reaching a consensus on this important issue.
116. The Committee approved the Long Term Mechanism for TC Secretary Appointment, as revised, in Appendix XXI.

XII. HOSTING NEXT TCS FROM 2019 TO 2022 (agenda item 12)

117. The Committee took note of the information on the issue for hosting next TCS from 2019 to 2022. (Appendix XXII)
118. The Committee expressed highly appreciation to the Government of the Macao Special Administrative Region of the People's Republic of China, and the Macao Meteorological and Geophysical Bureau for hosting and continued supporting to TCS.
119. The Committee accepted the offer as received in the letter to the TCS from Macao, China to host TCS for another four-year period from 2019 to 2022.

XIII. STRATEGIC PLAN 2017-2021 (agenda 13)

120. The Committee was informed of the proposal and amendments for the revised Strategic Plan 2017-2021 submitted by the Focal Points designated for the Strategic Plan. (Appendix XXIII)
121. The Committee also took note the suggestions and comments by Members at the Session.
122. The Committee reviewed and agreed with the revised Strategic Plan Structure, Key Results Areas and Targets. The priorities will become a living document.

XIV. PUBLICATIONS (agenda item 14)

123. The Committee took note of the publications of the Typhoon Committee in 2016.
124. The Committee noted with appreciation all Member's contributions to the publications of Typhoon Committee which have promoted the visibilities and transparencies of TC. The Committee further urged Members to take measures and actions for continuing to support the TC publication, and making contributions especially to the TCRR Journal.

XV. PROGRAMME FOR 2017 AND BEYOND (agenda item 15)

15.1. TC50 Anniversary

125. The Committee was informed of the proposed activities for the TC50 Anniversary as presented in (Appendix XXIV) by TCS and AWG Chair.
126. The Committee noted the proposal in creating two Task Teams. The first for the TECO, which will be composed by the 3 secretariats (ESCAP, WMO and TCS), TRCG Chair, Viet Nam representative and other Members from TRCG. The second for the TC50 Session, which will be composed by the 3 secretariats (ESCAP, WMO and TCS), AWG Chair, Viet Nam representative and other interested Members. TCS will send letters to Members to inform them about these two task teams and to invite Members to join. Terms of Reference are included in Annex I of Appendix XXIV. The dates accepted for the TECO are 26 to 27 February 2018 and for TC50 Session from 28 February to 03 March 2018.
127. The Committee agreed that sponsors and other funding sources should be sought in helping to organize the social activities that could not be otherwise covered by TCTF with due consideration given to WMO's restrictions.

15.2. Retired and new tropical cyclone names

128. The Committee noted Japan provided HAKUCHO, KOGUMA and KOINU as replacement names for KOPPU.
129. The Committee noted Malaysia provided CEMPAKA, SEROJA and DAHLIA as replacement names for MELOR.
130. The Committee noted USA provided SAUDEL, LEPEN, DAUK, ENIAR and NAMADAU as replacement names for SOUDELOR.
131. The Committee noted DPR Korea provided SURIGAE, DULGUKHWA and PADO as replacement names for MUJIGAE.
132. The Committee noted the request from the Philippines to retire the names of tropical cyclone HAIMA, SARIKA and NOCK-TEN and request China, Cambodia and Lao PDR to provide replacement names.
133. The Committee noted the request from China to retire the name of tropical cyclone MERANTI and request Malaysia to provide replacement names.

XVI. COORDINATION WITH OTHER ACTIVITIES OF THE WMO TROPICAL CYCLONE PROGRAMME (agenda item 16)

134. The Committee was presented by WMO representative about activities under, and those requiring coordination through, TCP. It appreciated the comprehensive presentation, and thanked WMO support to endeavours of the Committee.
135. The Committee was informed by the WMO Secretariat that the 17th WMO Congress endorsed/approved the TCP Programme to arrange and take necessary actions particularly for the following:
 - to expand and consolidate further the regionally coordinated systems to cover all Members prone to tropical cyclones;

- to enhance the capacities of Members to provide more accurate forecasting and warning services which are impact-based and in multi-hazard approach (which was also a decision of EC-66);
 - to improve forecasting and warning capabilities of Members through advances in sciences and technologies, and capacity development; and
 - to reduce damage and loss of lives through the above institutionalized activities and arrangements, and in step with the developmental goals of the Sendai Framework.
136. The Committee was further informed by the WMO Secretariat about decisions made by the 68th session of WMO Executive Council (EC-68). Under the initiative of the Tropical Cyclone Regional Specialized Meteorological Centres (RSMC)/TCWC, and in collaboration with Members with experience in impact-based tropical cyclone forecast and warning services, new products be developed and corresponding training opportunities be provided to assist Members in accelerating their implementation of impact-based tropical cyclone forecasts and warnings (Decision 10).
137. The Committee was informed that the sixteenth Session of Regional Association II (RA II-16) (12–16 February 2017, Abu Dhabi, United Arab Emirates) made a decision to enhance the capacity and competencies of the NMHSs RA II Members prone to tropical cyclones in their tropical cyclone forecasting and warnings through the following two primary aspects:
- necessary arrangements being made to mobilize resources for providing training opportunities to forecasters from those RA II Members through the existing training programmes under the WMO Tropical Cyclone Programme and Education and Training Programme;
 - calling for satellite operators of the Members (for details see the Memorandum on AOMSUC (Asia-Oceania Meteorological Satellite Users Conference)) to devise, coordinate and establish an appropriate protocol under which Members can request event-driven rapid-scanning satellite data covering their national area of interest for Disaster Risk Reduction in accordance with the concept of the Jakarta Declaration, and requesting the Members who signed the Memorandum on AOMSUC to foster cooperation among satellite operators and users in the Region to improve regional capacity in exploiting satellite data for Disaster Risk Reduction.
138. The Committee was informed that TCP activities during the inter-sessional period were mainly focused on following aspects:
- Training and Capacity Development
 - Support to Operational Forecasting
 - Global and Regional Coordination of Forecasting Services
 - Storm Surge Services
139. The Committee was informed that the scope of activities of the regional Tropical Cyclone Committees had been expanded through involvement with the WMO's cross-cutting projects such as the Severe Weather Forecasting Demonstration Project (SWFDP), Coastal Inundation Forecasting Demonstration Project (CIFDP) and Disaster Risk Reduction projects for Early Warning Systems in Regions I, II, IV and V. Those Committees' annual/biennial sessions serve as venues for information sharing for the projects and their technical plans have incorporated collaborative actions with those projects. Wider cross-cutting project coverage is further needed to reach all the Member countries of the regional TC committees. In addition, a synergistic relationship with other UN agencies and international/regional entities has also been developed.
140. The Committee was informed that the web version of Global Guide to Tropical Cyclone Forecasts was reformatted, and printable version (in PDF format) will be available for download before May 2017.
141. The Committee was informed that collaborative efforts were made by the TCP and World Weather Research Programme (WWRP) for promoting application of research outcomes to

000000

operational forecasting within the framework of the Typhoon Committee to implement the Typhoon Landfall Forecast Demonstration Project (TLFDP) including EXOTICCA. The project was also endorsed by the WMO Working Group on Tropical Meteorological Research for extension until 2018. The project was aimed at enhancing the timeliness and accuracy of typhoon forecasts, particularly during the landfall process, with focus on the verification of TC forecast guidance produced in the Typhoon Committee region to assess the currently available forecast techniques.

XVII. SUPPORT REQUIRED FOR THE COMMITTEE'S PROGRAMME (agenda item 17)

17.1. Technical Cooperation

142. The Committee was presented a review of research activities under the WMO Working Group of Tropical Meteorological Research (WGTMR) of the Commission for Atmospheric Sciences in 2016 and the WGTMR planned activities in 2017 and beyond. The Members of the Committee were encouraged to participate in the WMO research activities with particular relevance to the region.

17.2. In-kind Contributions

143. The Committee expressed appreciation for the in-kind contributions from some Members, namely China; Hong Kong, China; Japan; The Philippines; Republic of Korea; Thailand and Viet Nam. The Committee also invited the other Members to report their in-kind contributions, quantifying the corresponding unit of Man-months that have consumed in actions related to TCTF projects. (Appendix XXV).
144. The Committee also expressed the importance of having in-kind contributions with correspondence values.

17.3. Typhoon Committee Trust Fund (TCTF)

145. The Committee reviewed the statement of account of TCTF for the period of 1 January to 31 December 2015 and the provisional statement for 1 January to 31 December 2016 submitted by the representative of the WMO Secretariat as shown in Appendix XXVI.
146. The Committee was informed by TCS, the summary of income and expenditure from 1 January to 31 December 2014 and 2015 and the provisional summary of income and expenditure for 2016 related to the execution of the Work Plan 2016. (Appendix XXVII)

17.4. Approval of Typhoon Committee Trust Fund (TCTF) 2017/2018

147. The Committee took noted that the reallocation from special budget by WG's to be approved by Chair of Typhoon Committee and Secretary of Typhoon Committee.
148. The Committee discussed and approved the budget proposal for 2017. (Appendix XXVIII)
149. The Committee discussed and approved the change of TC financial period from 01 January-31 December to 01 April-31 March each year to facilitate the expenditure early in the calendar year required in support of the organization of the annual Session.
150. The transition will occur this financial period which runs from 01 January 2017 to 31 March 2018.

XVIII. DATE AND PLACE OF THE 12TH IWS and TRCG Meeting (agenda 18)

151. The Committee was informed that the Republic of Korea will host the 12th IWS, possibly in conjunction with the TRCG Meeting. The proposed dates are 30 October-03 November 2017 in Jeju, Republic of Korea.

XIX. HOSTING OF THE 13TH IWS (agenda 19)

152. The Committee was informed that Singapore was unable to host the 13th IWS. Based on the Mechanism for Hosting IWS, Thailand informed the Committee that they are willing to host the 13th IWS in 2018, pending final formal government approval. The final date, preferably in November, and place will be confirmed in due course by Thailand and later communicated to TCS.

XX. DATE AND PLACE OF THE 50TH TC SESSION (agenda 20)

153. The Committee was informed that Viet Nam will host the 50th Session. The proposed date is from 28 February to 03 March 2018 in Ha Noi, Viet Nam.

XXI. HOSTING OF THE 51ST TC SESSION (agenda 21)

154. The Committee was informed that Cambodia was unable to host the 51st TC Session. Based on the Mechanism for Hosting Sessions, China informed the Committee that they will consider hosting the Session and will confirm later.

XXII. OTHER BUSINESS (agenda item 22)

155. The Committee noted that new representatives recognized and welcomed.

XXIII. ADOPTION OF THE REPORT (agenda item 23)

156. The Committee adopted the report of the session at 12:03 pm, 24 February 2017.

XXIV. CLOSURE OF THE SESSION

157. The delegates from the Members of the Typhoon Committee, representatives of WMO, ESCAP and TCS expressed their thanks and appreciation to the JMA, Japan for the successful hosting for organizing the Forty-Ninth Session of the Typhoon Committee. They also expressed gratitude to Dr. Toshihiko HASHIDA, Director General of JMA and his staff for the warm hospitality and excellent arrangements made.
158. The Session was closed by the Chairperson at 12:15 pm, 24 February 2017.

4. HỢP ĐỒNG THỈNH GIẢNG

Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của các đơn vị đào tạo	183
Kết quả đào tạo của các đơn vị đào tạo	
1. Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	187
2. Khoa Các Khoa học liên ngành - Đại học Quốc gia Hà Nội	249
3. Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	255
4. Đại học Thủy Lợi	259
5. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	271
Xây dựng chương trình đào tạo, tham gia hội đồng trường	
1. Xây dựng chương trình đào tạo	389
2. Tham gia hội đồng trường	418

BẢNG TỔNG HỢP SỐ GIỜ GIẢNG DẠY TẠI CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Niên khóa	Số tiết giảng
Niên khóa 30/6/2005 - 30/6/2006	90
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>90</i>
Xác xuất thống kê trong thủy văn từ ngày 01/10/2005 đến 31/12/2005	45
Mô hình toán thủy văn từ ngày 01/10/2005 đến 31/12/2005	45
Niên khóa 30/6/2006 - 30/6/2007	90
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>90</i>
Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/10/2006 đến 31/12/2006	45
Xác xuất thống kê trong thủy văn từ ngày 07/10/2006 đến 31/12/2006	45
Niên khóa 30/6/2007 - 30/6/2008	105
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>90</i>
Xác xuất thống kê trong thủy văn từ ngày 07/12/2007 đến 28/2/2008	45
Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/12/2007 đến 28/2/2008	45
<i>Trường Đại học Thủy Lợi</i>	<i>15</i>
Quản lý tổng hợp lưu vực sông cho lớp 15V với tổng số tiết giảng dạy: 15 tiết	15
Niên khóa 30/6/2008 -30/6/2009	135
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>120</i>
Xác suất thống kê từ ngày 07/12/2008 đến 18/2/2009	45
Mô hình tính toán thủy văn từ ngày 17/12/2008 đến 18/2/2009	45
Thủy văn vùng cửa sông từ ngày 17/12/2008 đến 18/2/2009	30
<i>Trường Đại học Thủy Lợi</i>	<i>15</i>
Quản lý tổng hợp lưu vực sông cho lớp 16V với tổng số tiết giảng dạy: 15 tiết	15
Niên khóa 30/6/2009 - 30/6/2010	155
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>120</i>
Thủy văn vùng cửa sông từ ngày 01/10/2009 đến 25/2/2010	30
Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/10/2009 đến 31/12/2009	45
Xác xuất thống kê trong thủy văn từ ngày 07/10/2009 đến 31/12/2009	45
<i>Trường Đại học Thủy Lợi</i>	<i>35</i>
Quản lý tổng hợp lưu vực sông (phần giới thiệu công cụ) cho lớp 49V	20
Mô hình hóa hệ thống TNN (phần ứng dụng mô hình) cho lớp 17V	15
Niên khóa 30/6/2010 - 30/6/2011	180
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>150</i>
Tính toán thủy lợi từ ngày 01/10/2010 đến 18/3/2011	60

Niên khóa	Số tiết giảng
Xác xuất thống kê trong thủy văn từ ngày 01/10/2010 đến 31/12/2010	45
Mô hình toán thủy văn từ ngày 05/10/2010 đến 31/12/2010	45
Trường Đại học Thủy Lợi	30
Mô hình hóa hệ thống TNN (phần ứng dụng mô hình) cho lớp 18V	15
Mô hình hóa hệ thống TNN (phần ứng dụng mô hình) cho lớp 18PN	15
Niên khóa 30/6/2011 - 30/6/2012	225
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	180
Thủy văn vùng cửa sông từ ngày 01/10/2011 đến 25/04/2012	30
Xác xuất thống kê trong thủy văn từ ngày 01/10/2011 đến 30/04/2012	45
Tính toán thủy lợi từ ngày 01/10/2011 đến 18/04/2012	60
Mô hình toán thủy văn từ ngày 07/11/2011 đến 30/04/2012	45
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	45
Mô hình hóa hệ thống tài nguyên nước	22.5
Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	22.5
Niên khóa 30/6/2012 - 30/6/2013	390
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	225
Xác xuất thống kê trong thủy văn và Bảo vệ Môi trường nước từ ngày 05/09/2012 đến 31/05/2013	90
Mô phỏng các quá trình thủy văn từ ngày 15/02/2013 đến 15/06/2013	45
Ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực tài nguyên nước từ ngày 15/02/2013 đến 20/07/2013	45
Quy hoạch và quản lý nguồn nước từ ngày 15/02/2013 đến 15/06/2013	45
Khoa các Khoa học Liên ngành - Đại học Quốc gia Hà Nội	30
Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ ngày 09/11/2012 đến 24/11/2012	30
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	135
Học phần: Mô hình toán trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường;	45
Học phần: Dự báo, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường;	45
Học phần: Quy hoạch và bảo vệ môi trường	45
Niên khóa 30/6/2013 - 30/6/2014	240
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	45
Quy hoạch và quản lý nguồn nước từ tháng 15/02/2014 đến tháng 15/06/2014	45
Trường Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội	120
Truyền thông Khí tượng thủy văn, Mô hình hóa Thủy văn ngày 21/08/2013 đến	120

Niên khóa	Số tiết giảng
10/10/2013	
<i>Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu</i>	75
Chuyên đề: Cân bằng nước và Quản lý nguồn nước	15
Chuyên đề: Tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường sinh thái trên lưu vực sông	30
Chuyên đề: Lý luận và thực tiễn nghiên cứu tài nguyên và môi trường	30
Niên khóa 30/6/2014 - 30/6/2015	360
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	165
Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông và Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước từ 20/9/2014 đến 15/06/2015	90
Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2014 - 2016 và Tiểu luận tổng quan NCS từ 17/09/2014 - 15/06/2015	75
<i>Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu</i>	195
Học phần: Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu	30
Học phần: Mô hình hóa hệ thống tài nguyên nước	45
Học phần: Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	45
Học phần: Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông	30
Học phần: Phân tích tối ưu hóa hệ thống	45
Niên khóa 30/6/2015 - 30/6/2016	225
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	165
Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2014 - 2016 và Tiểu luận tổng quan NCS từ 20/09/2015 - 15/06/2016	75
Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông và Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước từ tháng 20/9/2015 -15/06/2016	90
<i>Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu</i>	60
Chuyên đề: Nghiên cứu quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả	30
Chuyên đề: Nghiên cứu ứng dụng bộ công cụ để phân bổ tài nguyên nước mặt trên lưu vực sông Vũ Gia - Thu Bồn	30
Niên khóa 30/6/2016 - 30/6/2017	240
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	165
Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2014 - 2016 và Tiểu luận tổng quan NCS từ 11/09/2016 - 15/06/2017	75
Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông và Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước từ tháng 11/9/2016 đến tháng 15/06/2017	90
<i>Khoa các Khoa học Liên ngành - Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	75
Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ tháng 2/04/2017 đến tháng 07/05/2017	75

Niên khóa	Số tiết giảng
Niên khóa 30/6/2017 - 30/6/2018	255
<i>Khoa các Khoa học Liên ngành - Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	
Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ tháng 29/7/2018 đến tháng 26/8/2018	135
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	
Mô phỏng các quá trình thủy văn từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2018	45
<i>Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu</i>	
Kinh tế học biến đổi khí hậu và Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường từ ngày 15/6/2017	75
Niên khóa 30/6/2018 - 30/6/2019	270
<i>Khoa các Khoa học Liên ngành - Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	
Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển từ tháng 5/05/2019 đến tháng 09/06/2019	135
<i>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	
Mô phỏng các quá trình thủy văn từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2019	45
<i>Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu</i>	
Đánh giá dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu, Năng lượng và biến đổi khí hậu	90

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2005

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS. TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp: Thủy văn (Khóa 2001- 2006), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2005-2006

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 01/10/2005 đến 31/12/2005

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



PGS. TS. Bùi Duy Cam

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỖ THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 15-08-2017

07983-01

Trần Hồng Thái

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

BẢN SAO
• 000067

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2005

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2005

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS.TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 01 tháng 10 năm 2005, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2001-2006, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2005 - 2006

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A: KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
TỰ NHIÊN
PGS.TS. Bùi Duy Cam

ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 15-08-2017
00001-01
SCT/BS
TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2005

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS. TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp: Thủy văn (Khóa 2001- 2006), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2005-2006

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 01/10/2005 đến 31/12/2005

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

NGÀY: 10-08-2017

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



PGS. TS. Bùi Duy Cam

ĐẠI DIỆN BÊN B

07740-01

SCT/BS



TS. Trần Hồng Thái

Đoàn Thị Hồng Thanh

000069

BẢN SAO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2005

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2005

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS.TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 01 tháng 10 năm 2005, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2001-2006, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2005 - 2006

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B



NGÀY: 15-08-2017

Số chứng thực: 08002-01

PGS.TS. Bùi Duy Cam

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2006

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS. TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp: Thủy văn (Khóa 2002- 2007), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2006-2007

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 07/10/2006 đến 31/12/2006

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



PGS. TS. Bùi Duy Cam

ĐẠI DIỆN BÊN B

QUẢN LÝ PHÒNG LẮNG THƯỜNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 15-08-2017

07982-01

SCT/BS

TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

000071

BẢN SAO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2006

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2006

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS.TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 06 tháng 10 năm 2006, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2002-2007, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2006 - 2007

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

NGÀY: 10-08-2017 ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



PGS.TS. Bùi Duy Cam

07750-01

SCT/BS



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2006

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS. TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn
Lớp: Thủy văn (Khóa 2002- 2007), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học
Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học
Học kỳ: I. Năm học: 2006-2007

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 07 /10/2006 đến 31/12/2006

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



PGS. TS. Bùi Duy Cam

TRƯỞNG LẮNG THƯỜNG

CHỮ THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 15-08-2017

07981-01

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Hồng Thái

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Hồng Thanh

000073

BẢN SAO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2006

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2006

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS.TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 06 tháng 10 năm 2006, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2002-2007, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2006 - 2007

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

UBND PHƯỜNG LĂNG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 10-08-2017



PGS.TS. Bùi Duy Cam



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

ĐẠI DIỆN BÊN B

Số chứng thư: 077.49/-/01
TS. Trần Hồng Thái

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2007

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS. TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp: Thủy văn (Khóa 2003- 2008), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2007-2008

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 07 /12/2007 đến 28/2/2008

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



PGS. TS. Bùi Duy Cam

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 15-08-2017

079917-01

Số chứng thư

quyển số:

SCT/RS

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2008

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 28 tháng 2 năm 2008

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS.TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 06 tháng 12 năm 2007, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2003-2008, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2007 - 2008

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
TỰ NHIÊN
PGS.TS. Bùi Duy Cam

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHƯƠNG LĂNG THƯỢNG
SẴN THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 15-08-2017

(Signature)

Số chứng thực 07999-01 SCT/BS

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2007

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS. TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp: Thủy văn (Khóa 2003- 2008), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2007-2008

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 07 /12/2007 đến 28/2/2008

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

UBND PHƯỜNG LĂNG THƯỢNG
CHỖ THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 15-08-2017

07990-81-SC/VAS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

PGS. TS. Bùi Duy Cam

TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2008

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 28 tháng 2 năm 2008

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: PGS.TS. Bùi Duy Cam

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 06 tháng 12 năm 2007, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2003-2008, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2007 - 2008

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

K.T. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



PGS.TS. Bùi Duy Cam

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Signature]

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

CHỖ ĐƯỞNG LẮNG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 15-08-2017

07-996-01

SCT/BS

BẢN SAO
000078

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2008

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2004- 2009), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2008-2009

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 07/12/2008 đến 28/2/2009

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

UBND PHƯỜNG LĂNG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 10-08-2017

Số chứng thực: 07733--01

GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2009

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 28 tháng 2 năm 2009

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 06 tháng 12 năm 2008, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2004-2009, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2008 - 2009

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Hồng Thái

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2008

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2004- 2009), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học
Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2008-2009

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 17 /12/2008 đến 18/2/2009

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

UBNS PHƯỜNG LĂNG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 15-08-2017

07988--01

quyển số: SCT

GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2009

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 28 tháng 2 năm 2009

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 10 tháng 12 năm 2008, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2004-2009, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2008 - 2009

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

UBND PHƯỜNG LÁNG THƯỜNG
CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
ĐẠI DIỆN BÊN B
NGÀY: 10-08-2017



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2008

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Thủy văn vùng cửa sông

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2004- 2009), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học
Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2008-2009

Số đơn vị học trình: 2 quy ra 30 tiết

Thời gian dạy từ: 17/12/2008 đến 18/2/2009

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

122 64 08

Ngày: 23-08-2017

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Signature of TS. Trần Hồng Thái)

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Lua



Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2009

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 28 tháng 2 năm 2009

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 10 tháng 12 năm 2008, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Thủy văn vùng cửa sông

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2004-2009, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2008 - 2009

Số đơn vị học trình: 2, quy ra giờ chuẩn: 30 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 23-08-2017

12254/08

SCT/BS



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Lua



Hà Nội, ngày 1 tháng 10 năm 2009

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Thủy văn vùng cửa sông

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2005- 2010), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2009-2010

Số đơn vị học trình: 2 quy ra 30 tiết

Thời gian dạy từ: 1/10/2009 đến 25/2/2010

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

CHỮNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

22 63 08

Quyển số: SCT/BS

Ngày: 23-08-2017

ĐẠI DIỆN BÊN B



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua



Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2010

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 27 tháng 2 năm 2010

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 1 tháng 10 năm 2009, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Thủy văn vùng cửa sông

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2005-2010, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2009 - 2010

Số đơn vị học trình: 2, quy ra giờ chuẩn: 30 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

KT, Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 12253 08

Ngày: 23-08-2017



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Lua

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2009

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2006- 2011), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học
Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2009-2010

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 07 /10/2009 đến 31/12/2009

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 12260/08

Ngày: 23-08-2017



ĐẠI DIỆN BÊN B

TS. Trần Hồng Thái

(Signature)

TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Lua

• 000087

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 05 tháng 10 năm 2009, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2006-2011, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2009 - 2010

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
Chứng thực: 12251 09
Ngày: 23-08-2017
ĐẠI DIỆN BÊN B
Chứng thực: SCT/BS



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Lua

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2009

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn
Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2006- 2011), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học
Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học
Học kỳ: I. Năm học: 2009-2010
Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết
Thời gian dạy từ: 07 /10/2009 đến 31/12/2009

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.
- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.
- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

122 61 08

23-08-2017

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Hồng Thái

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua

000089

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 06 tháng 10 năm 2009, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2006-2011, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2009 - 2010

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
Kí, Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 12252/08

Ngày: 23-08-2017

Chuyển số: SCT/BS

GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Lua

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2010

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Tính toán thủy lợi

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2006- 2011), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học
Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2010-2011

Số đơn vị học trình: 4 quy ra 60 tiết

Thời gian dạy từ: 1/10/2010 đến 18/3/2011

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

12259 08

Ngày: 23-08-2017



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua



Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2011

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 4 tháng 4 năm 2011

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 15 tháng 9 năm 2010, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Tính toán thủy lợi

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2006-2011, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2010 - 2011

Số đơn vị học trình: 4, quy ra giờ chuẩn: 6 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 12250/08 Quyển số: SCT/TS

Ngày: 23-08-2017



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Lua

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2010

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2007- 2012), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học
Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2010-2011

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 01 /10/2010 đến 31/12/2010

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 12256.08 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 23-08-2017



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 01 tháng 10 năm 2010, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2007-2012, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2010 - 2011

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B
UBND PHƯỜNG LẮNG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực: 08344-01

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2010

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2007- 2012), ngành Thủy văn, hệ vừa làm vừa học Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Học kỳ: I. Năm học: 2010-2011

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 05/10/2010 đến 31/12/2010

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

TRƯỜNG PHƯƠNG LĂNG THƯƠNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 22-08-2017

08336--01

Số chứng thực

quyển số:

SỐ TÀI

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 05 tháng 10 năm 2010, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp Tại chức thủy văn Khóa 2007-2012, hệ vừa làm vừa học

Học kỳ: I. Năm học: 2010 - 2011

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

UBND PHƯỜNG LĂNG THƯỜNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực

08343--01

quyển số:

SCT/BS

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh



Hà Nội, ngày 1 tháng 10 năm 2011

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Thủy văn vùng cửa sông

Lớp: Thủy văn (Khóa 2008- 2013), ngành Thủy văn

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Năm học: 2011-2012

Số đơn vị học trình: 2 quy ra 30 tiết

Thời gian dạy từ: 1/10/2011 đến 25/4/2012

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

UBND PHƯỜNG LANG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực: 08330-01



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2012

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 27 tháng 4 năm 2012

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 1 tháng 10 năm 2011, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Thủy văn vùng cửa sông

Lớp Thủy văn Khóa 2008-2013

Năm học: 2011 - 2012

Số đơn vị học trình: 2, quy ra giờ chuẩn: 30 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS.TS. Trần Hồng Thái

Số chứng thực: 15668/10 Quyển số: SCT/BS

Ngày:

23-10-2017



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua

VIỆT NAM
h phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2011

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp: Thủy văn (Khóa 2008- 2013), ngành Thủy văn.

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Năm học: 2011-2012

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 01 /10/2011 đến 30/4/2012

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao quảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

UBND PHƯỜNG LÁNG THƯƠNG

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực: 08333-001

GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

TS. Trần Hồng Thái

ĐOÀN CHỊ HỒNG THANH

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2011

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 30 tháng 4 năm 2012

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 01 tháng 10 năm 2011, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Xác suất thống kê trong thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2008-2013

Năm học: 2011 - 2012

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

UBND PHƯỜNG LẮNG THƯỜNG

CHẤNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực: 08342-01

Duyệt số: 65/ES

PGS.TS. Trần Hồng Thái



THỦ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh



Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2011

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Tính toán thủy lợi

Lớp: Thủy văn (Khóa 2008- 2013), ngành Thủy văn

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Năm học: 2011-2012

Số đơn vị học trình: 4 quy ra 60 tiết

Thời gian dạy từ: 1/10/2011 đến 18/4/2012

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thành toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

UBND PHƯỜNG LĂNG THUỘC
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực 08331-016



TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2012

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 15 tháng 9 năm 2011, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Tính toán thủy lợi

Lớp Thủy văn Khóa 2008-2013,

Năm học: 2010 - 2012

Số đơn vị học trình: 4, quy ra giờ chuẩn: 60 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 15666-10 Quyền sở hữu: SCT/BS

PGS.TS. Trần Hồng Thái

Ngày: 23-10-2017



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lucia

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2011

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp: Tại chức thủy văn (Khóa 2008- 2013), ngành Thủy văn

Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Năm học: 2011-2012

Số đơn vị học trình: 3 quy ra 45 tiết

Thời gian dạy từ: 07 /10/2011 đến 30/4/2012

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

UBND PHƯỜNG LĂNG THƯỢNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 22-08-2017

08332--01

Số chứng thực

quyển số

SCT/BS

TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2012

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2012

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 05 tháng 10 năm 2011, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô hình toán thủy văn

Lớp Thủy văn Khóa 2008-2013

Năm học: 2011 - 2012

Số đơn vị học trình: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực

08341-01

SCT/BS

PGS.TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2012

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ, đơn vị công tác: Phó Hiệu trưởng, : Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học trong năm học: 2012-2013

Xác suất thống kê trong thủy văn 3 tín chỉ cho lớp QHT2010 Thủy văn

Bảo vệ môi trường nước 3 tín chỉ cho lớp QHT2009 Thủy văn

Năm học: 2012-2013

Tổng số tín chỉ: 6 quy ra 90 tiết

Thời gian dạy từ: 5/9/2012 đến 31/5/2013

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

- Mỗi môn học ra 02 đề, 02 đáp án tương ứng, nộp về Trường trước ngày kết thúc môn học 20 ngày.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.



GS. TS. Nguyễn Hữu Dư

UBND PHƯỜNG LĂNG THƯỜNG ĐẠI DIỆN BÊN B
CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH:

NGÀY: 22-08-2017

08329-01

PGS. TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2013

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2013

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện A: GS.TS. Nguyễn Hữu Dư

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 01 tháng 9 năm 2012, với nội dung sau:

Hoàn thành giảng dạy các môn học:

Xác suất thống kê trong thủy văn. 3 tín chỉ cho lớp QHT2010 Thủy văn

Bảo vệ môi trường nước 3 tín chỉ cho lớp QHT2009 Thủy văn

Năm học: 2012-2013

Tổng số tín chỉ: 6 quy ra 90 tiết

Thời gian dạy từ: 5/9/2012 đến 31/5/2013

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Ký, Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng
ĐẠI DIỆN BÊN B
CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 22-08-2017
Số chứng thực 083387-01 quyền số: SCT/BS
GS.TS. Nguyễn Hữu Dư PGS. TS. Trần Hồng Thái
PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2013

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Mô phỏng các quá trình thủy văn

Cho lớp: Cao học ngành Thủy văn năm 2013 Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 2 đến tháng 7 năm 2013

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
K. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng
GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHUNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà nội, Ngày 15 tháng 8 năm 2014

T/L. HIỆU TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
TTS. Nguyễn Thanh Liên

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2013

BẢN SAO

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2013

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 15 tháng 02 năm 2013, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học: Mô phỏng các quá trình thủy văn

Cho lớp: Cao học ngành Thủy văn năm 2013 Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1224908 SCT/BS

Ngày: 23-08-2017



PGS. TS. Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2013

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực tài nguyên nước

Cho lớp: Cao học ngành Thủy văn năm 2013 Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 2 đến tháng 6 năm 2013

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

UBND PHƯỜNG LẮNG THƯỢNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thực

08327-01

Nguyên số

SCT/01

PGS. TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2013

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 15 tháng 6 năm 2013

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 15 tháng 02 năm 2013, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học: Ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực tài nguyên nước

Cho lớp: Cao học ngành Thủy văn năm 2013 Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHUNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà nội, Ngày 15 tháng 6 năm 2013

T/L. HIỆU TRƯỞNG

P. TRƯỞNG PHÒNG GIA



ThS. Nguyễn Thanh Xuân

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2013

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Quy hoạch và quản lý nguồn nước

Cho lớp: Cao học ngành Thủy văn năm 2013 Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 2 đến tháng 6 năm 2013

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Phó Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phó Chủ tịch

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 22-08-2017

08328-701

Số chứng thực

quyển số

3CT/BS

PGS. TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh



Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2013

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Hôm nay, ngày 15 tháng 6 năm 2013

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Cán bộ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 15 tháng 02 năm 2013, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học: Quy hoạch và quản lý nguồn nước

Cho lớp: Cao học ngành Thủy văn năm 2013 Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



GS.TSKH. Nguyễn Hoàng Lương

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGÀY: 22-08-2017

Số chứng thư: 08337-01 số: SCT/BS

PGS. TS. Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2014

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học: Quy hoạch và quản lý nguồn nước

Cho lớp Cao học ngành Thủy văn năm 2014, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học.

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 2 đến tháng 6 năm 2014

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHỨNG NHẬN SẴN Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 05 tháng 02 năm 2014

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội T/L. HIỆU TRƯỞNG PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỜNG QUỐC GIA



ThS. Trần Hùng

000113

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TỰ NHIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2014

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 15 tháng 02 năm 2014, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học: Quy hoạch và quản lý nguồn nước och lớp Cao học ngành Thủy văn năm 2013, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học.

Số tín chỉ: 3, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B



PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
CHUNG NHẬN SẴO Y BẢN CHÍNH

Hà nội, Ngày 05 tháng 07 năm 2014

T/L. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG.....



ThS. Trần Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2014

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy các môn học:

1. Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông 45 tiết
2. Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước 45 tiết

Cho sinh viên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 90 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 9/2015 đến tháng 6 năm 2015

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

HƯNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 25 tháng 09 năm 2014

T/L. HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỞNG PHÒNG



Ms. Trần Công

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 20 tháng 09 năm 2014, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học

1. Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông

45 tiết

2. Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước

45 tiết

Cho sinh viên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 90 tiết tín chỉ

Thuộc Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



ĐẠI DIỆN BÊN B

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 05 tháng 07 năm 2015

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

PGS. TS. Trần Hồng Thái

T/L. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Trần Hùng

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2014

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy các môn học:

1 - Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2014 - 2016 45 tiết

2. Tiểu luận tổng quan NCS 30 tiết

Cho các lớp SDH ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 75 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 9/2014 đến tháng 6 năm 2015

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHUNG NHẬN SẴN BẢN CHÍNH

Hà nội, Ngày 05 tháng 09 năm 2014

T/L. HIỆU TRƯỞNG PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Trần Hùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 17 tháng 09 năm 2014, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học:

Quy hoạch và quản lý nguồn nước och lớp Cao học ngành Thủy văn

45 tiết

- Môn tiểu luận tổng quan cho NCS

30 tiết

Tổng: 75 tiết tín chỉ

Thuộc Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ tín chỉ 75 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

T/L. HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2015

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy các môn học:

- | | |
|--|---------|
| 1. Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2015 - 2017 | 45 tiết |
| 2. Tiểu luận tổng quan NCS | 30 tiết |

Cho các lớp SĐH ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 75 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 9/2015 đến tháng 6 năm 2016

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHUNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày . 05 tháng 09 năm 2015

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

T/L. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Signature of PGS. TS. Trần Hồng Thái)

PGS. TS. Trần Hồng Thái



ThS. Trần Hùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2016

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 20 tháng 09 năm 2015, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học

Quy hoạch và quản lý nguồn nước cho lớp Cao học ngành Thủy văn

45 tiết

- Môn tiểu luận tổng quan cho NCS

30 tiết

Tổng: 75 tiết tín chỉ

Thuộc Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ tín chỉ 75 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHUNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 25 tháng 07 năm 2017

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

T/L HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Trần Đình

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2015

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy các môn học:

- | | |
|--------------------------------------|---------|
| 1. Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông | 45 tiết |
| 2. Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước | 45 tiết |

Cho sinh viên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 90 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 9/2015 đến tháng 6 năm 2016

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHUNG NHẬN SẴN Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 05 tháng 07 năm 2015

T/L. HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Trần Hồng Thái



Ths. Trần Hùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2016

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 20 tháng 09 năm 2015, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học

1. Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông

45 tiết

2. Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước

45 tiết

Cho sinh viên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 90 tiết tín chỉ

Thuộc Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



ĐẠI DIỆN BÊN B

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHUNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2015

PGS. TS. Trần Hồng Thái

T/L. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Trần Công

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2016

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy các môn học:

- | | |
|--|---------|
| 1. Quy hoạch và quản lý nguồn nước khóa CH 2016 - 2018 | 45 tiết |
| 2. Tiểu luận tổng quan NCS | 30 tiết |

Cho các lớp SDH ngành Thủy văn năm 2016, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 75 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 9/2016 đến tháng 6 năm 2017

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHỖ NHẬN SẴO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày . 05. tháng . 07. năm 2017.

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

T/L. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS. TS. Trần Hồng Thái



THS. Trần Tùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2017

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 11 tháng 09 năm 2016, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học
- Quy hoạch và quản lý nguồn nước cho lớp Cao học ngành Thủy văn 45 tiết
- Môn tiểu luận tổng quan cho NCS 30 tiết
- Tổng: 75 tiết tín chỉ

Thuộc Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ tín chỉ 75 tiết

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Hiệu trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 05 tháng 07 năm 2017

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

T/L. HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Trần Hồng Thái

TRƯỞNG PHÒNG



PGS. TS. Trần Hồng Thái

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2016

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khi tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy các môn học:

- | | |
|--------------------------------------|---------|
| 1. Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông | 45 tiết |
| 2. Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước | 45 tiết |

Cho sinh viên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 90 tiết tín chỉ

Thời gian giảng dạy từ: tháng 9/2016 đến tháng 6 năm 2017

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.

- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Handwritten signature of PGS.TS. Trần Hồng Thái]

CHỖ NHẬN SẴO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 05 tháng 09 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Trần Hồng Thái



PGS. TS. Trần Hồng Thái

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2017

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Chức vụ, đơn vị công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 11 tháng 09 năm 2016, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học

1. Quy hoạch và Quản lý lưu vực sông 45 tiết

2. Chính sách bảo vệ Tài nguyên nước 45 tiết

Cho sinh viên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Số giờ chuẩn: 90 tiết tín chỉ

Thuộc Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng *



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHỨNG NHẬN SẴN Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 05 tháng 07 năm 2017

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

T/L HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS. TS. Trần Hồng Thái



Ths. Trần Hưng

000126

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2018

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS. TS, Trần Hồng Thái

Đơn vị công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học:

- Mô phỏng các quá trình thủy văn, 03 tín chỉ, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

Cho lớp: Cao học Khóa 2016-2018, chuyên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Thời gian giảng dạy từ: tháng 01 đến tháng 4 năm 2018

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.
- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS.TS. Trần Hồng Thái

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Đơn vị công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 02 tháng 01 năm 2018, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học:

+ Mô phỏng các quá trình thủy văn: 03 tín chỉ, 45 tiết tín chỉ

Cho lớp: Cao học Khóa 2016-2018, ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

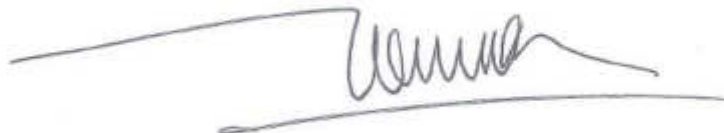
ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng



GS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B



PGS.TS. Trần Hồng Thái

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2019

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS. TS, Trần Hồng Thái

Đơn vị công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn

Hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng công việc với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A mời bên B giảng dạy môn học:

- Mô phỏng các quá trình thủy văn, 03 tín chỉ, quy ra giờ chuẩn: 45 tiết tín chỉ

Cho lớp: Cao học Khóa 2017-2019, chuyên ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

Thời gian giảng dạy từ: tháng 01 đến tháng 4 năm 2019

Điều 2: Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập để giảng dạy và học tập được thực hiện bình thường.
- Thanh toán thù lao giảng dạy theo quy định của Trường.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo việc giảng dạy học theo đúng chương trình, lịch trình của môn học.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về giảng dạy của Đại học Quốc gia Hà nội.

Điều 4: Hai bên cam kết chịu trách nhiệm ngang nhau thực hiện nghiêm chỉnh nội dung hợp đồng. Trường hợp xuất hiện vấn đề mới, hai bên cùng nhau bàn bạc thoả thuận biện pháp giải quyết thống nhất, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

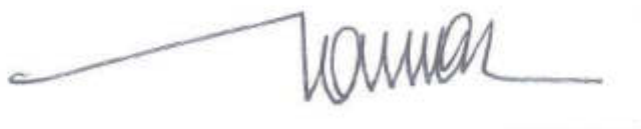
Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng


GS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B


PGS.TS. Trần Hồng Thái

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: GS.TS. Nguyễn Văn Nội

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

2. Đại diện bên B: PGS.TS. Trần Hồng Thái

Đơn vị công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn

Hai bên đã xem xét việc thực hiện hợp đồng và thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng giảng dạy ký ngày 02 tháng 01 năm 2019, với nội dung sau:

- Hoàn thành giảng dạy môn học:

+ Mô phỏng các quá trình thủy văn: 03 tín chỉ, 45 tiết tín chỉ

Cho lớp: Cao học Khóa 2017-2019, ngành Thủy văn, Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học

- Bên B đã hoàn thành đầy đủ công việc giảng dạy như đã ghi trong hợp đồng.

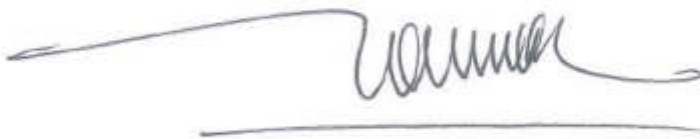
Biên bản thanh lý hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hiệu trưởng


GS.TS. Nguyễn Văn Nội

ĐẠI DIỆN BÊN B



PGS.TS. Trần Hồng Thái

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Số: 10 /HD-ĐT

Hôm nay ngày 09 tháng 11 năm 2012 tại khoa Sau đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Sau đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 7683616 - Fax: 04. 7683603

Đại diện: **GS. TS. Hoàng Văn Vân**

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa

Số tài khoản 301.01.035 tại Kho bạc Nhà nước quận Cầu Giấy, Hà Nội

2. Bên nhận giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: **PGS. TS. Trần Hồng Thái**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Cơ quan công tác: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn

Địa chỉ: Đường Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội Điện thoại: 0904215079

Tài khoản số: 0451001275697 Tại Ngân hàng Vietcombank.....

Mã số thuế:8041715587.....

Thoả thuận thống nhất ký hợp đồng giảng dạy với các nội dung sau:

Điều 1: Trách nhiệm của bên A:

- Tổ chức lớp học; bố trí phòng học; quản lý học viên; thông báo cho bên B địa điểm học, lịch giảng dạy; thanh toán tiền giảng dạy cho bên B theo quy định.

Điều 2: Trách nhiệm của bên B:

- Giảng dạy môn **Chính sách về BDKH phục vụ cho phát triển** trong chương trình đào tạo thạc sĩ, số tín chỉ 2, số tiết học LT/ThH/TH là 25/10/55.

- Lớp: Thạc sĩ Biến đổi khí hậu K1, số lượng 48 học viên

- Hoàn trả kết quả học tập của học viên cho bên A sau khi môn học kết thúc
- Lịch dạy: sáng, chiều thứ 6, thứ 7 hàng tuần từ 08h30' đến 16h30'
- Bắt đầu từ ngày 09 tháng 11 năm 2012 đến ngày 24 tháng 11 năm 2012.

Điều 3: Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt
- Bên A thanh toán cho bên B kinh phí giảng dạy 130.000 đồng/tiết học, trong đó 1 tiết lý thuyết được tính hệ số 1,0; 1 tiết thực hành được tính hệ số 0,6; 1 tiết tự học được tính hệ số 0,1:
 - + 130.000 đồng x 25 tiết lý thuyết x hệ số 1,0 = 3.250.000 đồng
 - + 130.000 đồng x 10 tiết thực hành x hệ số 0,6 = 780.000 đồng
 - + 130.000 đồng x 55 tiết tự học x hệ số 0,1 = 715.000 đồng
 - + 60.000 đồng x 03 đề thi (01 đề giữa kì; 02 đề thi hết môn) = 180.000 đồng
 - + 8.000 đồng x 48 học viên x 2 bài thi = 768.000 đồng (Tiền chấm bài)
- Tổng số tiền: **5.693.000 đồng**
- Trong đó thuế thu nhập: **10% = 569.300 đồng**
- Số tiền thực lĩnh: **5.123.700 đồng** (Năm triệu một trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Điều 4: Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thoả thuận trên, nếu có thay đổi hai bên cùng xem xét, bàn bạc giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

BÊN B

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: **05-07-2017**

BÊN A

CHU NHIỆM KHOA

PGS. TS. Trần Hồng Thái

GS. TS. Hoàng Văn Vân



CÔNG CHỨNG VIÊN
PHẠM THỊ HOÀI

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hôm nay ngày 25 tháng 12 năm 2012 tại khoa Sau đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời Giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Sau đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội

Đại diện: **GS. TS. Hoàng Văn Vân**

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

2. Bên nhận Giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: **PGS. TS. Trần Hồng Thái**

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn

Thông nhất thanh lý Hợp đồng giảng dạy môn học: *Chính sách về BĐKH phục vụ cho phát triển (Climate Change Policy for Development)* số 10/HĐ ngày 09 tháng 11 năm 2012 theo các nội dung sau:

- Bên B đã hoàn thành việc giảng dạy môn học theo đúng Điều 2 của Hợp đồng.
- Bên A thanh toán tiền giảng dạy cho bên B là:
 - + Tổng số tiền: **5.693.000 đồng**
 - + Trong đó thuế thu nhập: **10% = 569.300 đồng**
 - Số tiền thực lĩnh: **5.123.700 đồng** (Năm triệu một trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Biên bản thanh lý hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

BÊN B

Ngày: **05-07-2017**

2925507

BÊN A

CHỦ NHIỆM KHOA

PGS. TS. Trần Hồng Thái

GS. TS. Hoàng Văn Vân



CÔNG CHỨNG VIÊN
PHẠM THỊ HOÀI

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Số: 08/HĐ-ĐT

Hôm nay, ngày 02/04/2017 tại khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Đại diện: TS Nguyễn Thị Hồng Minh

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa Điện thoại: 04. 37548618

Số tài khoản 9523.1.1058751 tại Kho bạc nhà nước Cầu Giấy

2. Bên nhận giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: **PGS. TS. Trần Hồng Thái**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Cơ quan công tác: Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia

Địa chỉ: 62 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội Điện thoại: 0904215079

Tài khoản số: 04510012356789 Tại Ngân hàng Vietcombank

Mã số thuế: 8041715587

Thỏa thuận thống nhất ký hợp đồng giảng dạy với các nội dung sau:

Điều 1: Trách nhiệm của bên A:

- Tổ chức lớp học; bố trí phòng học; quản lý học viên; thông báo cho bên B địa điểm học, lịch giảng dạy; thanh toán tiền giảng dạy cho bên B theo quy định.

Điều 2: Trách nhiệm của bên B:

- Giảng dạy học phần Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển trong chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu. Số tín chỉ 03, số tiết học LT/ThH/TH là 25/10/100.

- Lớp thạc sĩ Biến đổi khí hậu QH-2016-SIS-BĐKH, số lượng 47 học viên.

- Hoàn trả kết quả học tập của học viên cho bên A sau khi học phần kết thúc.

- Lịch dạy: sáng, chiều Chủ nhật hàng tuần, từ 08h30' đến 17h00'.

- Bắt đầu từ ngày 02/04/2017 đến ngày 07/05/2017.

Điều 3: Phương thức thanh toán:

Hình thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B kinh phí giảng dạy 130.000 đồng/tiết học, trong đó:

- 01 tiết lý thuyết được tính hệ số: 1,0
- 01 tiết thực hành được tính hệ số: 0,6
- 01 tiết tự học được tính hệ số: 0,1
- + 130.000 đồng x 25 tiết lý thuyết x hệ số 1,0: = 3.250.000 đồng
- + 130.000 đồng x 10 tiết thực hành x hệ số 0,6: = 780.000 đồng
- + 130.000 đồng x 100 tiết tự học x hệ số 0,1: = 1.300.000 đồng
- + 150.000 đồng x 02 đề thi: = 300.000 đồng
- + 10.000 đồng x 47 bài chấm kiểm tra: = 470.000 đồng
- + 15.000 đồng x 47 bài chấm thi: = 705.000 đồng
- Tổng số tiền: = 6.805.000 đồng
- Trong đó thuế thu nhập 10%: - 680.500 đồng
- Số tiền thực lĩnh: = 6.124.500 đồng

Bằng chữ: Sáu triệu một trăm hai mươi tư nghìn năm trăm đồng.

Điều 4: Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thoả thuận trên, nếu có thay đổi hai bên cùng xem xét, bàn bạc giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản. *Phay*

BÊN B
GIẢNG VIÊN

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 05-07-2017

Số: 29260-07

BÊN A
CHỦ NHIỆM KHOA

PGS. TS Trần Hồng Thái

TS Nguyễn Thị Hồng Minh



CÔNG CHỨNG VIÊN
PHẠM THỊ HOÀI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 26 tháng 5 năm 2017 tại Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời Giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Đại diện: TS Nguyễn Thị Hồng Minh

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa

2. Bên nhận Giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: **PGS. TS. Trần Hồng Thái**

Cơ quan công tác: Trung tâm Khí tượng thủy văn Quốc gia

Thông nhất thanh lý Hợp đồng giảng dạy học phần: Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển số 08/HĐ-ĐT ngày 02/04/2017 theo các nội dung sau:

- Bên B đã hoàn thành việc giảng dạy học phần theo đúng Điều 2 của Hợp đồng.
- Bên A thanh toán tiền giảng dạy cho bên B là:
- Tổng số tiền: = 6.805.000 đồng
- Trong đó thuế thu nhập 10%: - 680.500 đồng
- Số tiền thực lĩnh: = 6.124.500 đồng

Bằng chữ: Sáu triệu một trăm hai mươi tư nghìn năm trăm đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

BÊN B

Ngày: 05-07-2017

GIẢNG VIÊN

2925707

BÊN A

CHỦ NHIỆM KHOA

PGS. TS Trần Hồng Thái

TS Nguyễn Thị Hồng Minh



CÔNG CHỨNG VIÊN
PHẠM THỊ HOÀI

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Số: 10.KHLN/HĐ-ĐT

Hôm nay, ngày 20/07/2018 tại khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3754.8618

Đại diện: PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa

Số tài khoản 9523.1.1058751 tại Kho bạc nhà nước Cầu Giấy

2. Bên nhận giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: PGS. TS Trần Hồng Thái Chức vụ: Giảng viên

Cơ quan công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: Số 08 Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội Điện thoại: 0904215079

Tài khoản số: 0451001275697 Tại NH Vietcombank

Mã số thuế: 8041715587

Thỏa thuận thống nhất ký hợp đồng giảng dạy với các nội dung sau:

Điều 1: Trách nhiệm của bên A:

- Tổ chức lớp học; bố trí phòng học; quản lý học viên; thông báo cho bên B địa điểm học, lịch giảng dạy; thanh toán tiền giảng dạy cho bên B theo quy định.

Điều 2: Trách nhiệm của bên B:

- Giảng dạy học phần **Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển** trong chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu và thạc sĩ Khoa học bền vững.

- Số tín chỉ 03, số tiết học LT/ThH/TH là 25/30/80 (tổng số 135 tiết).

- Lớp thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Khoa học bền vững, số lượng 42 học viên.

- Hoàn trả kết quả học tập của học viên cho bên A sau khi học phần kết thúc.

- Lịch dạy: Chủ nhật hàng tuần, từ 08h30' đến 17h00'.

- Bắt đầu từ ngày 29/07/2018 đến ngày 26/08/2018.



Điều 3: Phương thức thanh toán:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Bên A thanh toán cho bên B kinh phí giảng dạy 130.000 đồng/tiết học, trong đó:

- 01 tiết lý thuyết được tính hệ số:	1,0	
- 01 tiết thực hành được tính hệ số:	0,6	
- 01 tiết tự học được tính hệ số:	0,1	
+ 130.000 đồng x 25 tiết lý thuyết x hệ số 1,0:		= 3.250.000 đồng
+ 130.000 đồng x 30 tiết thực hành x hệ số 0,6:		= 2.340.000 đồng
+ 130.000 đồng x 80 tiết tự học x hệ số 0,1:		= 1.040.000 đồng
+ 150.000 đồng x 02 đề thi:		= 300.000 đồng
+ 10.000 đồng x 42 bài chấm kiểm tra:		= 420.000 đồng
+ 15.000 đồng x 42 bài chấm thi:		= 630.000 đồng
- Tổng số tiền:		= 7.980.000 đồng
- Trong đó thuế thu nhập 10%:		- 798.000 đồng
- Số tiền thực lĩnh:		= 7.182.000 đồng

Bằng chữ: Bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng.

Điều 4: Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thoả thuận trên, nếu có thay đổi hai bên cùng xem xét, bàn bạc giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

BÊN B
GIẢNG VIÊN



PGS. TS Trần Hồng Thái

BÊN A
CHỦ NHIỆM KHOA




PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh



BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Đại diện: PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa

2. Bên nhận giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: PGS. TS Trần Hồng Thái Chức vụ: Giảng viên

Cơ quan công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường
Thống nhất thanh lý Hợp đồng giảng dạy học phần: **Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển**, số 10.KHLN/HĐ-ĐT ngày 20/07/2018 như sau:

- Bên B đã hoàn thành việc giảng dạy học phần theo đúng Điều 2 của Hợp đồng.

- Bên A thanh toán tiền giảng dạy cho bên B là:

- Tổng số tiền: = 7.980.000 đồng

- Trong đó thuế thu nhập 10%: - 798.000 đồng

- Số tiền thực lĩnh: = 7.182.000 đồng

Bằng chữ: Bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

BÊN B
GIẢNG VIÊN

PGS. TS Trần Hồng Thái

BÊN A
CHỦ NHIỆM KHOA

PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh



HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

Số: 09.KHLN/HĐ-ĐT

Hôm nay, ngày 03/05/2019 tại khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3754.8618

Đại diện: PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa

Số tài khoản 9523.1.1058751 tại Kho bạc nhà nước Cầu Giấy

2. Bên nhận giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: PGS. TS Trần Hồng Thái Chức vụ: Giảng viên

Cơ quan công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: Số 08 Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 0904215079

Tài khoản số: 0451001275697 Tại NH: Vietcombank

Mã số thuế: 8041715587

Thoả thuận thống nhất ký hợp đồng giảng dạy với các nội dung sau:

Điều 1: Trách nhiệm của bên A:

- Tổ chức lớp học; bố trí phòng học; quản lý học viên; thông báo cho bên B địa điểm học, lịch giảng dạy; thanh toán tiền giảng dạy cho bên B theo quy định.

Điều 2: Trách nhiệm của bên B:

- Giảng dạy học phần **Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển** trong chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu và thạc sĩ Khoa học bền vững.

- Số tín chỉ 03, số tiết học lý LT/ThH/TH là 25/30/80 (tổng số 135 tiết).

- Lớp thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Khoa học bền vững, số lượng 36 học viên.

- Hoàn trả kết quả học tập của học viên cho bên A sau khi học phần kết thúc.

- Lịch dạy: sáng, chiều Chủ nhật hàng tuần, từ 08h30' đến 17h00'.



- Bắt đầu từ ngày 05/05/2019 đến ngày 09/06/2019.

000138

Điều 3: Phương thức thanh toán:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Bên A thanh toán cho bên B kinh phí giảng dạy 130.000 đồng/tiết học, trong đó:

- 01 tiết lý thuyết được tính hệ số:	1,0	
- 01 tiết thực hành được tính hệ số:	0,6	
- 01 tiết tự học được tính hệ số:	0,1	
+ 130.000 đồng x 25 tiết lý thuyết x hệ số 1,0:		= 3.250.000 đồng
+ 130.000 đồng x 30 tiết thực hành x hệ số 0,6:		= 2.340.000 đồng
+ 130.000 đồng x 80 tiết tự học x hệ số 0,1:		= 1.040.000 đồng
+ 150.000 đồng x 02 đề thi:		= 300.000 đồng
+ 10.000 đồng x 36 bài chấm kiểm tra:		= 360.000 đồng
+ 15.000 đồng x 36 bài chấm thi:		= 540.000 đồng
+ 100.000 đồng x 10 lượt hỗ trợ kinh phí đi lại		= 1.000.000 đồng
- Tổng số tiền:		= 8.830.000 đồng
- Trong đó thuế thu nhập 10%:		= 883.000 đồng
- Số tiền thực lĩnh:		= 7.947.000 đồng

Bằng chữ: Bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng.

Điều 4: Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thoả thuận trên, nếu có thay đổi hai bên cùng xem xét, bàn bạc giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

BÊN B
GIẢNG VIÊN



PGS. TS Trần Hồng Thái

BÊN A
CHỦ NHIỆM KHOA



PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Bên mời giảng dạy: (gọi tắt là bên A)

Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Nhà G7, 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Đại diện: **PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh**

Chức vụ: Chủ nhiệm khoa

2. Bên nhận giảng dạy: (gọi tắt là bên B)

Họ và tên: **PGS. TS Trần Hồng Thái** Chức vụ: Giảng viên

Cơ quan công tác: Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường
Thống nhất thanh lý Hợp đồng giảng dạy học phần: **Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ cho phát triển**, số 09.KHLN/HĐ-ĐT ngày 03/05/2019 như sau:

- Bên B đã hoàn thành việc giảng dạy học phần theo đúng Điều 2 của Hợp đồng.

- Bên A thanh toán tiền giảng dạy cho bên B là:

- Tổng số tiền: = 8.830.000 đồng

- Trong đó thuế thu nhập 10%: - 883.000 đồng

- Số tiền thực lĩnh: = 7.947.000 đồng

Bằng chữ: Bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng.

Biên bản thanh lý hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.

BÊN B
GIẢNG VIÊN


PGS. TS Trần Hồng Thái

BÊN A
CHỦ NHIỆM KHOA



PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Minh



HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

- Căn cứ Pháp lệnh HKKT ban hành ngày 29/08/1989;
 - Căn cứ Nghị định số 17/HĐBT, ngày 16/01/1990 của HĐBT quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh HKKT;
 - Căn cứ nhu cầu thực tế của Nhà trường và năng lực của cá nhân tham gia giảng dạy;
 - Hôm nay, ngày tháng năm 2013, tại Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- Chúng tôi gồm có:

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HN (Gọi là bên A)

Ông: Hoàng Ngọc Quang Chức vụ: Hiệu trưởng
Địa chỉ: Số 41, Đường K1, thị trấn Cầu Diễn huyện Từ Liêm, Hà Nội
Mã SQHNS: 1084128. Số TK: 3712. Tại Kho bạc Nhà nước Q.Cầu Giấy – Hà Nội.

GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY (Gọi là bên B)

Ông: **Trần Hồng Thái** Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1974 Tại: Thái Nguyên.

Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, Tiến sĩ.

Thời gian giảng dạy: Kỳ 1

Thường trú tại: Phòng 206 Nhà 17T9 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa — Nhân Chính, Hà Nội

Số CMTND: 011669273 Do Công an: Thành phố Hà Nội. Ngày cấp: 19/1/2006

Điện thoại: 0904215079

Số tài khoản: 0451001275697 Tại ngân hàng: Vietcombank Chi nhánh Thành Công.

Mã số thuế thu nhập cá nhân: 8041715587.

Hai bên thống nhất ký hợp đồng giảng dạy với các điều khoản sau:

Điều 1: Thời gian và công việc của hợp đồng

- Loại hợp đồng: Thời vụ.
- Thời gian: Học kỳ 1, năm học 2013 - 2014
- Địa điểm làm việc: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- Chế độ làm việc: Theo thời khóa biểu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- Khối lượng công việc (dự kiến): 120 tiết

TT	Lớp	Số HSSV	Tên học phần	Tổng (GC)
1	LĐH2T2	22	Truyền thông Khí tượng Thủy văn	30
2	LĐH2T2	22	Mô hình hóa Thủy văn	60
3	LĐH2K2	31	Truyền thông Khí tượng Thủy văn	30
Tổng				120

Bên B đã hoàn thành khối lượng đúng tiến độ và thực hiện đúng qui chế đào tạo hiện hành, chấp hành đúng kỷ luật và an toàn lao động, bảo đảm các yêu cầu đã ghi trong hợp đồng.

Điều 2: Kinh phí của hợp đồng

120 tiết x 60.000 đồng/ tiết = 7.200.000 đồng

Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Điều 3: Trách nhiệm của bên A

Thanh toán kinh phí hợp đồng trả bên B với số tiền là: 7.200.000 đồng

Thời hạn thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng.

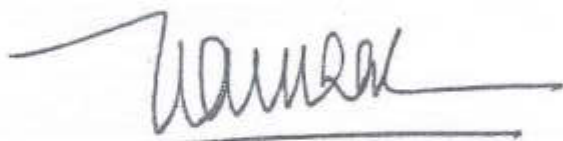
Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo qui định hiện hành.

Điều 4: Cam kết chung

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng theo những điều khoản trên đây.

Biên bản thanh lý này được lập thành 05 bản: Bên A giữ 04 bản; bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

BÊN B



Trần Hồng Thái

BÊN A



Hoàng Ngọc Quang

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 12255 08 Quyền số: SCT/BS

Ngày: 22-08-2017



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua

Số: 2912/BB-TĐHHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

BẢN SAO

Căn cứ Hợp đồng số: 2195/ HĐ-TĐHHN, ngày 21 tháng 8 năm 2013 giữa Trường ĐHTN&MT Hà Nội với Ông: Trần Hồng Thái Khoa: Khí tượng Thủy văn

Hôm nay, ngày tháng năm 2013, tại Trường Đại học TNMT Hà Nội

Chúng tôi gồm có:

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HN (Gọi là bên A)

Ông: Hoàng Ngọc Quang

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 41, Đường K1, thị trấn Cầu Diễn huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 043. 8370597

Tài khoản: 301.01.041.02.12 Tại Kho bạc nhà nước Cầu Giấy, Hà Nội

GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY (Gọi là bên B)

Ông: **Trần Hồng Thái**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1974 Tại: Thái Nguyên.

Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, Tiến sĩ.

Thời gian giảng dạy: Kỳ 1, năm học 2013 - 2014

Thường trú tại: Phòng 206 Nhà 17T9 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa — Nhân Chính, Hà Nội

Số CMTND: 011669273 Do Công an: Thành phố Hà Nội. Ngày cấp: 19/1/2006

Điện thoại: 0904215079

Số tài khoản: 0451001275697 Tại ngân hàng: Vietcombank Chi nhánh Thành Công.

Mã số thuế thu nhập cá nhân: 8041715587.

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng số /HĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2013 với các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng bên B đã thực hiện

- Tổng khối lượng bên B đã thực hiện: 120 Giờ chuẩn

Cụ thể như sau:

TT	Lớp	Số HSSV	Tên học phần	Tổng (GC)
1	LĐH2T2	22	Truyền thông Khí tượng Thủy văn	30
2	LĐH2T2	22	Mô hình hóa Thủy văn	60
3	LĐH2K2	31	Truyền thông Khí tượng Thủy văn	30
Tổng				120

Điều 2: Nghĩa vụ và quyền lợi của Bên B

1. Nghĩa vụ của bên B

- Bên B phải đảm bảo số tiết giảng dạy theo đúng chương trình và khối lượng của môn học đã được ban hành. Tiến độ và thời gian giảng dạy theo kế hoạch của Phòng ĐT.

- Có trách nhiệm ra đề thi (Nếu Khoa đề nghị).
- Có trách nhiệm coi thi, chấm thi (lần 1) đối với các lớp giảng dạy theo Hợp đồng.
- Trong giảng dạy chịu sự điều hành trực tiếp của Khoa Khí tượng Thủy văn thực hiện hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng. Chấp hành nghiêm chỉnh nội qui, qui chế của Nhà trường, kỷ luật và an toàn lao động theo Quy định hiện hành
- Nộp thuế thu nhập cá nhân (nếu có) theo Quy định hiện hành
- Nếu vi phạm kỷ luật phải xử lý theo Quy định hiện hành, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo Quy định của Pháp luật.

2. Quyền lợi:

Được thanh toán theo khối lượng của môn học quy định trong chương trình khung đã ban hành.

120 tiết x 60.000 đồng/ tiết = 7.200.000 đồng

Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

- Hình thức thanh toán: Trả 1 lần sau khi thanh lý Hợp đồng.
- Các phụ cấp được hưởng: Không; - Chế độ công tác phí: Không
- Được trang bị bảo hộ lao động: Không; - Bảo hiểm xã hội, Y tế: Không
- Được hưởng phúc lợi: Không; - Bồi dưỡng nghiệp vụ, đi học: Không
- Phương tiện đi lại để giảng dạy: Giảng viên tự lo

Điều 3: Nghĩa vụ quyền hạn của Nhà trường

1. Nghĩa vụ: Tạo điều kiện để Bên B hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện những cam kết nêu trên. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho Bên B đã cam kết ở trên.

2. Quyền hạn: Có quyền hạn điều chuyển, tạm ngừng giảng dạy, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng giảng dạy và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo qui định hiện hành nếu Bên B vi phạm các cam kết nêu trên.

Thoả thuận khác: Khi hết thời gian của hợp đồng, Khoa Khí tượng Thủy văn thảo biên bản thanh lý hợp đồng "theo mẫu", tính toán khối lượng cho Bên B, Phòng ĐT xác nhận kết quả thực hiện và trình Nhà trường cho thanh lý Hợp đồng và thanh toán kinh phí cho Bên B. Thời hạn thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng

Điều 4: Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản của Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc nảy sinh, hai bên cùng bàn bạc để giải quyết. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập thành 05 bản: Bên A giữ 04 bản; bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

Số chứng thực: 122 65 04 SCT/BS

Bên B
Ngày:

23 -08- 2017

Bên A

Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lua

Hoàng Ngọc Quang

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2007

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

- Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy năm 2007-2008 được nhà trường giao cho Khoa Thủy văn - Tài nguyên nước (Khoa TVTNN)
- Căn cứ nhân lực của Khoa Thủy văn - Tài nguyên nước trong năm học

Nhà trường đồng ý cho Khoa Thủy văn - Tài nguyên nước được phép mời thêm giáo viên để hoàn thành khối lượng giảng dạy của năm học.

BÊN A

Đại diện : Ông Hoàng Thanh Tùng
Nơi công tác : Khoa Thủy văn và Tài nguyên nước

BÊN B

Bên B là : Ông Trần Hồng Thái
Nơi công tác : Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng theo các nội dung sau đây:

1. Bên B đảm nhiệm giảng dạy:

- Môn học: Quản lý tổng hợp lưu vực sông cho lớp 15V
- Năm học: 2007-2008
- Tổng số tiết theo kế hoạch: 15 tiết
- Địa điểm: Trường Đại học Thủy lợi

2. Bên A có trách nhiệm giao nhiệm vụ cụ thể các yêu cầu về nội dung, chương trình môn học, thời gian, địa điểm giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B hoàn thành nhiệm vụ.

3. Về chế độ: Việc giảng dạy được thực hiện theo Hợp đồng giữa Khoa TVTNN (Bên A) và người giảng dạy (Bên B). Nhà trường thanh toán toàn bộ số giờ giảng dạy đã quy ra giờ chuẩn có xác nhận của Khoa TVTNN. Khoa TVTNN có trách nhiệm trực tiếp thanh toán cho Bên B theo số tiết đã thực hiện.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản như sau: 01 bản Bên A, 01 bản Bên B, 04 bản còn lại gửi các đơn vị liên quan để thực hiện.

Số chứng thực 07989-01 SCT/BS
Đại diện Bên A Bên B



Hoàng Thanh Tùng
Trưởng Đại học Thủy lợi

PHÓ CHỦ TỊCH Trần Hồng Thái

Đoàn Thị Hồng Thanh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Đình Thành

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2008

GIẤY NHẬN XÉT KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO
Năm học 2007-2008

Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủy lợi xác nhận:

TS. Trần Hồng Thái công tác tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường đã hoàn thành giảng dạy số tiết theo kế hoạch, có chất lượng tại Trường Đại học Thủy lợi theo hợp đồng giảng dạy ký ngày 15/09/2007 như sau:

- Giảng dạy môn học: Quản lý tổng hợp lưu vực sông
- Tổng số tiết tham gia giảng dạy: 15 tiết

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

KHOA THỦY VĂN- TÀI NGUYÊN NƯỚC



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHUNG THỰC BẢN SÁU ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

PGS.TS. *Lê Đình Thành*

NGÀY: 15-08-2017

Số chứng thực 07993-01 quyền số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

Hoàng Thanh Tùng

Hoàng Thanh Tùng

BẢN SẠO

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2008

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY

- Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy năm 2008-2009 được nhà trường giao cho Khoa Thủy văn- Tài nguyên nước
- Căn cứ nhân lực của Khoa Thủy văn- Tài nguyên nước trong năm học

Nhà trường đồng ý cho Khoa Thủy văn- Tài nguyên nước được phép mời thêm giáo viên để hoàn thành khối lượng giảng dạy của năm học.

BÊN A

Đại diện : Ông Hoàng Thanh Tùng
Nơi công tác : Khoa Thủy văn và Tài nguyên nước

BÊN B

Bên B là : Ông Trần Hồng Thái
Nơi công tác : Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng theo các nội dung sau đây:

1. Bên B đảm nhiệm giảng dạy:
 - Môn học: Quản lý tổng hợp lưu vực sông cho lớp 16V.
 - Năm học: 2008-2009.
 - Tổng số tiết theo kế hoạch: 15 tiết.
 - Địa điểm: Trường Đại học Thủy lợi.

2. Bên A có trách nhiệm giao nhiệm vụ cụ thể các yêu cầu về nội dung, chương trình môn học, thời gian, địa điểm giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B hoàn thành nhiệm vụ.

3. Về chế độ: Việc giảng dạy được thực hiện theo Hợp đồng giữa Khoa TVTNN (Bên A) và người giảng dạy (Bên B). Nhà trường thanh toán toàn bộ số giờ giảng dạy đã quy ra giờ chuẩn có xác nhận của Khoa TVTNN. Khoa TVTNN có trách nhiệm trực tiếp thanh toán cho Bên B theo số tiết đã thực hiện.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản như sau: 01 bản Bên A, 01 bản Bên B, 04 bản còn lại gửi các đơn vị liên quan để thực hiện.

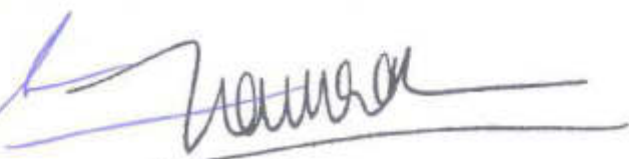
NGÀY: 15-08-2017

Đại diện Bên A

Bên B

Số chứng thực: 0798577-01 SC/17/BS





Hoàng Thanh Tùng

Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Hồng Thanh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2009

BẢN SAO

GIẤY NHẬN XÉT KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Năm học 2008-2009

Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủy lợi xác nhận:

TS. Trần Hồng Thái công tác tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường đã hoàn thành giảng dạy số tiết theo kế hoạch, có chất lượng tại Trường Đại học Thủy lợi theo hợp đồng giảng dạy ký ngày 20/9/2008 như sau:

- Giảng dạy môn học: Quản lý tổng hợp lưu vực sông
- Tổng số tiết tham gia giảng dạy: 15 tiết

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI KHOA THỦY VĂN - TÀI NGUYÊN NƯỚC

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



NGÀY: 10-08-2017

Số chứng thực: 07744--01

quyển số: Hoàng Thanh Tùng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Đình Thanh



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hồng Thanh

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2009

BẢN SAO**HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY**

- Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy năm 2009-2010 được nhà trường giao cho Khoa Thủy văn- Tài nguyên nước (Khoa TVTNN)
- Căn cứ nhân lực của Khoa Thủy văn- Tài nguyên nước trong năm học

Nhà trường đồng ý cho Khoa Thủy văn- Tài nguyên nước được phép mời thêm giáo viên để hoàn thành khối lượng giảng dạy của năm học.

BÊN A

Đại diện: Bà Phạm Thị Hương Lan

Nơi công tác: Khoa Thủy văn và Tài nguyên nước

BÊN B

Bên B là: Ông Trần Hồng Thái

Nơi công tác: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng theo các nội dung sau đây:

1. Bên B đảm nhiệm giảng dạy:

- Môn học: Quản lý tổng hợp lưu vực sông(phần giới thiệu công cụ) cho lớp: 49V
- Năm học: 2009-2010
- Tổng số tiết theo kế hoạch: 20 tiết
- Địa điểm: Trường Đại học Thủy lợi

2. Bên A có trách nhiệm giao nhiệm vụ cụ thể các yêu cầu về nội dung, chương trình môn học, thời gian, địa điểm giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B hoàn thành nhiệm vụ.

3. Về chế độ: Việc giảng dạy được thực hiện theo Hợp đồng giữa Khoa Thủy văn- Tài nguyên nước (Bên A) và người giảng dạy (Bên B). Nhà trường thanh toán toàn bộ số giờ giảng dạy đã quy ra giờ chuẩn có xác nhận của Khoa TVTNN. Khoa TVTNN có trách nhiệm trực tiếp thanh toán cho Bên B theo số tiết đã thực hiện.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản như sau: 01 bản Bên A, 01 bản Bên B, 04 bản còn lại gửi các đơn vị liên quan để thực hiện.

Đại diện Bên A

Bên B

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1226204 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 23-08-2017

Phạm Thị Hương Lan

Trần Hồng Thái

Trường Đại học Thủy lợi



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Đình Thành



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lucia

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2010

BẢN SAO

GIẤY NHẬN XÉT KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Năm học 2009-2010

Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủy lợi xác nhận:

TS. Trần Hồng Thái công tác tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường đã hoàn thành giảng dạy số tiết theo kế hoạch, có chất lượng tại Trường Đại học Thủy lợi theo hợp đồng giảng dạy ký ngày 21.03/2010 như sau:

- Giảng dạy môn học: Quản lý tổng hợp lưu vực sông(phần giới thiệu công cụ).
- Tổng số tiết tham gia giảng dạy: 20 tiết.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

KHOA THỦY VĂN-TÀI NGUYÊN NƯỚC



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Lê Đình Thành*

Phạm Thị Hương Lan

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 12243/08 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 23-08-2017



THỦ CHỨC TỊCH
Nguyễn Thị Lua